THƯ MỤC KHO ĐỊA CHÍ (1188 TÊN TÀI LIỆU)

Khoa học xã hội

1 Văn học nghệ thuật Tây Nguyên - nét độc đáo trong văn hoá Việt Nam : Quân đội nhân dân ,

Tóm tắt: Giới thiệu điều kiện tự nhiên, kinh tế, văn hoá, xã hội. Cơ sở hình thành văn học nghệ thuật Tây Nguyên. Đặc trưng trường ca, sử thi, dân ca, âm nhạc, hội hoạ, điêu khắc và nghệ thuật tạo hình các dân tộc Tây Nguyên.

Ký hiệu phân loại: 398.2095976 23/V115H

Số ĐKCB: DC.002478, DC.002479

2 Giông gió mồ côi từ thuở bé : Nxb. Đà Nẵng , 2002 - 151tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 23/GI-455G

Số ĐKCB: DC.002470, DC.002471

3 Chúng tôi ăn Rừng Đá - Thần Gôo / Condominas, Georges : Thế giới , 2008 - 446tr. ; 21cm

Tóm tắt: Sưu tập những tư liệu mô tả sự việc diễn ra tại Sar Luk trong chu kì nông nghiệp từ cuối tháng 11 năm 1948 đến đầu tháng 12 năm 1949, về cộng đồng Mnông Gar, cuộc sống một làng với những cơ cấu, sinh hoạt thường ngày và lễ trao đổi hiếu sinh Trâu cụ

Ký hiệu phân loại: 305.895930959765 23/CH513T

Số ĐKCB: DC.002476, DC.002477

4 Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Phú Yên : Nxb. Phú Yên , 2014 - 238tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 355.00959765 23/A107H

Số ĐKCB: DC.002343, DC.002344, DC.002345

5 Lịch sử đảng bộ tỉnh Phú Yên (1930 - 1945) : Ban tuyên giáo tỉnh ủy Phú Yên , 1999 - 220tr. ;

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 324.2597075 23/L302S

Số ĐKCB: DC.002433, DC.002434, DC.002435, DC.002436

6 Văn hoá các dân tộc thiểu số tỉnh Phú Yên : Hội nhà văn - 262tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 306.08900959765 23/V115H

Số ĐKCB: DC.002421, DC.002422, DC.002423

7 Tổng kết công tác đấu tranh chính trị ở tỉnh Phú Yên thời kỳ chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975) : Ban thường vụ Tỉnh uỷ , 2011 - 167tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 324.259765 23/T455K

Số ĐKCB: DC.002418, DC.002419, DC.002420

8 Những mảng màu văn hoá Tây Nguyên / Ngô, Đức Thịnh : Nxb. Trẻ , 2007 - 480tr. ; 21cm

Tóm tắt: Giới thiệu về văn hoá, môi trường tự nhiên, dân cư, lịch sử, trang phục Tây Nguyên. Luật tục với việc phát triển nông thôn hiện nay ở Việt Nam. Luật tục với quản lý tài nguyên thiên nhiên. Buôn làng, luật tục và vấn đề quản lý cộng đồng của các tộc n

Ký hiệu phân loại: 390.095976 23/NH556M

Số ĐKCB: DC.002312

9 Văn hóa cồng chiêng các dân tộc Tây Nguyên / Đào, Duy Quyền : Văn hóa thông tin , 2010 -

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 390.095976 23/V115H
Số ĐKCB: DC.002313

10 Tìm hiểu về nghi thức lễ tục ở Phú Yên : Hội Văn nghệ dân gian và văn nghệ các dân tộc thiểu số Phú Yên , 2012 - 267tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 390.0959765 23/T310H
Số ĐKCB: DC.002403, DC.002404, DC.002405

11 Bảo vệ không gian văn hóa cồng chiêng tây Nguyên, kiệt tác di sản truyền khẩu và phi vật thể của nhân loại : Văn hóa thông tin , 2008 - 268tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 390.095976 23/B108V
Số ĐKCB: DC.002305, DC.002317

12 Trang phục truyền thống các dân tộc ở Đắk Lắk : Nxb. Đắk Lắk , 2023 - 176tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 391.08900959765 23/TR106P
Số ĐKCB: DC.002319

13 Văn phòng tỉnh ủy Đắk Lắk 55 năm một chặng đường 1947 - 2002 : Nxb. Đắk Lắk , 2003 -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 324.25970750922 23/V115P
Số ĐKCB: DC.002320

14 Kỷ yếu Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Phú Yên lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020 - 2025 : Nxb, Phú
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 324.2597075 23/K600Y
Số ĐKCB: DC.002400, DC.002401, DC.002402

15 Kỷ yếu Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Phú Yên lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2015 - 2020 : Tuy Hoà ,
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 324.2597075 23/K600Y
Số ĐKCB: DC.002397, DC.002398, DC.002399

16 Lễ bỏ mả của người Ê Đê tỉnh Phú Yên / Hữu Bình : Văn hoá - Thông tin , 2013 - 106tr. ; 21cm

Tóm tắt: Khái quát về tộc người Ê Đê ở Phú Yên. Phong tục trong lễ cúng bỏ mả tiễn đưa linh hồn người chết về với tổ tiên của người Ê Đê

Ký hiệu phân loại: 393.0959755 23/L250B
Số ĐKCB: DC.002394, DC.002395, DC.002396

17 Lịch sử - truyền thống Quân giới tỉnh Đắk Lắk 1945 -1975 : Nxb. Đắk Lắk , 1999 - 138tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 355.80959765 23/L302S
Số ĐKCB: DC.002326

18 Tổng Bí thư Trần Phú với cách mạng Việt Nam và nơi sinh Phú Yên : Chính trị Quốc gia , 2014

Tóm tắt: Tập hợp các bài viết về cuộc đời, sự nghiệp vinh quang cũng như những cống hiến xuất sắc của đồng chí Trần Phú đối với Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam

Ký hiệu phân loại: 324.25970750092 23/T455B

Số ĐKCB: DC.002355, DC.002356, DC.002357

19 Kỷ yếu Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Phú Yên lần thứ XV, nhiệm kỳ 2010 - 2015 : Công ty cổ phần in - thương mại Phú Yên , 2010 - 190tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 324.2597075 23/K600Y

Số ĐKCB: DC.002349, DC.002350, DC.002351

20 Văn hoá, xã hội và con người Tây Nguyên / Nguyễn, Tấn Đắc : Khoa học xã hội , 2005 - 315tr.

Tóm tắt: Giới thiệu về con người, văn hoá đặc biệt xã hội truyền thống Tây Nguyên: dân số, đời sống vật chất, phương thức sản xuất, tổ chức xã hội, đời sống văn hoá và phong tục tập quán... Sự hoà nhập và phát triển của Tây Nguyên trong giai đoạn hiện nay

Ký hiệu phân loại: 398.20959776 23/V115H

Số ĐKCB: DC.002456, DC.002457

21 Lịch sử Đảng bộ tỉnh Phú Yên (1975 - 2000) : Ban tuyên giáo Tỉnh uỷ , 2007 - 275tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 324.259765 23/L302S

Số ĐKCB: DC.002454, DC.002455

22 Rừng, đàn bà, điên loạn / Dournes, Jacques : Tri thức , 2018 - 366tr. ; 21cm

Tóm tắt: Ghi lại những nhận định của nhà dân tộc học người Pháp Jacques Dournes về phong tục tập quán, con người và mảnh đất Tây Nguyên

Ký hiệu phân loại: 305.899220597 23/R556Đ

Số ĐKCB: DC.002450, DC.002451

23 Sản vật Phú Yên trong ca dao dân gian / Nguyễn, Hoài Sơn : Hội nhà văn , 2025 - 169tr. ;

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.90959765 23/S105V

Số ĐKCB: DC.002331, DC.002332, DC.002333

24 Văn kiện đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh Phú Yên lần thứ XVI - 201tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 324.259765 23/V115K

Số ĐKCB: DC.002488, DC.002489, DC.002490

25 Người Ra Glai ở Việt Nam / Nguyễn, Tuấn Triết : Khoa học xã hội , 1991 - 151tr. ; 21cm

Tóm tắt: Giới thiệu đặc điểm môi sinh và sự hình thành vùng cư trú, đặc điểm kinh tế - xã hội, những biến đổi của xã hội người Ra glai trong tiến trình lịch sử

Ký hiệu phân loại: 305.08999 23/NG558R

Số ĐKCB: DC.002464, DC.002465

26 Tây Nguyên tổng quan kinh tế - xã hội và tiềm năng phát triển : Thông tấn , 2000 - 286trtr. ;

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 338.959776 23/T126N
Số ĐKCB: DC.002307

27 Đặc trưng văn hoá vùng Tây Nguyên / Nguyễn, Ngọc Thanh : Khoa học xã hội , 2018 - 295tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 390.0959776 23/Đ113T
Số ĐKCB: DC.002458, DC.002459

28 Sử thi anh hùng Tây Nguyên / Võ, Quang Nhơn : Giáo dục , 1997 - 148tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2095976 23/S550T
Số ĐKCB: DC.002466, DC.002467

29 Pở Tao - Một lý thuyết về quyền lực ở người Jơrai Đông Dương / Dournes, Jacques : Tri thức ,
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 305.89922 23/P400T
Số ĐKCB: DC.002448, DC.002449

30 Truyện cổ Raglai : Văn Nghệ , 2006 - 263tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20959758 23/TR527C
Số ĐKCB: DC.002452, DC.002453

31 Cộng đồng dân tộc Ê Đê ở tỉnh Đắk Lắk hiện nay / Hà, Đình Thành : Từ điển Bách Khoa ,
Tóm tắt: Khái quát về lịch sử Tây Nguyên, tỉnh Đắk Lắk và dân tộc Ê Đê. Cộng đồng dân tộc Ê Đê trong đời sống chính trị - xã hội ở tỉnh Đắk Lắk hiện nay. Các nhân tố tác động đến cộng đồng dân tộc Ê Đê ở tỉnh Đắk Lắk

Ký hiệu phân loại: 305.899059765 23/C455D
Số ĐKCB: DC.002446, DC.002447

32 Quản lý xã hội ở dân tộc Ba Na tỉnh Gia Lai trong bối cảnh phát triển bền vững / Bùi, Minh Đạo : Khoa học xã hội , 2013 - 258tr. ; 21cm
Tóm tắt: Một số vấn đề lý thuyết và khái quát về dân tộc Ba Na tỉnh Gia Lai. Thực trạng quản lý xã hội ở dân tộc Ba Na tỉnh Gia Lai hiện nay. Vấn đề, xu hướng, kiến nghị và giải pháp quản lý xã hội ở vùng dân tộc Ba Na tỉnh Gia Lai hiện nay

Ký hiệu phân loại: 303.30899593 23/QU-105L
Số ĐKCB: DC.002480, DC.002481

33 Văn hoá các dân tộc Tây Nguyên - Thực trạng và những vấn đề đặt ra / Trần, Văn Bính : Chính trị Quốc gia , 2004 - 536tr. ; 21cm

Tóm tắt: Đánh giá, phân tích toàn diện về đời sống văn hoá một số dân tộc thiểu số vùng Tây Nguyên. đề xuất các giải pháp nhằm phát triển đời sống văn hoá các dân tộc trên địa bàn.

Ký hiệu phân loại: 390.0959776 23/V115H
Số ĐKCB: DC.002468, DC.002469

34 Nhà mồ người Gia-rai : Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam , 2005 - 52tr. ; 21cm
Tóm tắt: Giới thiệu nhà mồ của người Gia-rai Aráp, quan niệm về cõi chết của người Gia-rai, phong tục làm tang ma, làm lễ bỏ mả, làm nhà mồ, trang trí mái nhà mồ, dải nóc nhà mồ, làm tượng mồ...

Ký hiệu phân loại: 390.095976 14/NH100M
Số ĐKCB: DC.002484, DC.002485

35 Truyền thống văn hoá các dân tộc thiểu số Việt Nam : Thanh niên , 2026 - 355tr. ; 19cm

Tóm tắt: Giới thiệu các thể loại truyện thơ và sử thi, những phong tục hay, các lễ hội của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam

Ký hiệu phân loại: 390.09597 23/TR527T
Số ĐKCB: DC.002440, DC.002441

36 Văn hoá dân gian Ê đê / Ngô, Đức Thịnh : Sở Văn hoá - thông tin Đắk Lắk , 1995 - 330tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 390.0899 23/V115H
Số ĐKCB: DC.002444, DC.002445

37 Trang phục cổ truyền Raglai / Hải Liên : Đại học Quốc gia Hà Nội , 2001 - 253tr ; 21cm

Tóm tắt: Địa lí, dân cư, kinh tế, văn hoá xã hội của tộc người Raglai. Quá trình sưu tầm, nghiên cứu trang phục cổ truyền Raglai. Diễn trình makét trên những tài liệu đã thu nhận được để trưng cầu ý kiến ở các làng raglai. Hội thảo về trang phục cổ truyền Rag

Ký hiệu phân loại: 391.00899 23/
Số ĐKCB: DC.002462, DC.002463

38 Một số vấn đề kinh tế - xã hội Tây Nguyên : Khoa học xã hội , [?] - 444tr. ; 21cm

Tóm tắt: Về dân tộc, dân cư, nền kinh tế và văn hoá của đồng bào Tây Nguyên. Một số vấn đề cơ bản về kinh tế xã hội Tây Nguyên trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội. Những thành tựu đã đạt được về kinh tế, văn hoá của các tỉnh Tây Nguyên: Gialai Kontum, Đắ

Ký hiệu phân loại: 330.95976 23/M458S
Số ĐKCB: DC.002311

39 Người Ê Đê: Một xã hội mẫu quyền / Hauteclocque-Howe, Anne de : Tri Thức , 2018 - 414tr. ;

Tóm tắt: Gồm những nghiên cứu mới nhất của tác giả người Pháp Anne de Hauteclocque-Howe về dân tộc người Ê Đê - một xã hội mẫu quyền vừa điển hình vừa độc đáo ở Việt Nam về các vấn đề: Phong tục văn hoá, quan hệ gia đình, lối sống, nghề nghiệp, các thị tộc củ

Ký hiệu phân loại: 306.85089992205976 23/NG558Ê
Số ĐKCB: DC.002310

40 Biến đổi văn hoá tinh thần của người Hmông di cư ở Đắk lắk / Võ, Thị Mai Phương : Chính trị Quốc gia Sự thật , 2017 - 312tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 390.0895972059765 23/B305Đ
Số ĐKCB: DC.002299

41 Kỷ yếu hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026 : Nxb. Đắk Lắk , 2021 -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 352.130959765 23/K600Y
Số ĐKCB: DC.002303

42 Phát triển văn hóa đọc cho thiếu nhi Tây Nguyên / Cao, Thanh Phước : Đại học quốc gia Tp. Hồ Chí Minh , 2023 - 186tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 306.48808340959765 23/PH110T
Số ĐKCB: DC.002298

43 Luật tục Ê Đê : Một nền tư pháp hoà giải những giá trị xã hội và sự biến đổi / Trương, Thị Hiền : Khoa học xã hội , 2017 - 303tr. ; 21cm

Tóm tắt: Đề cập đến những giá trị luật tục của người Ê Đê trong sự biến đổi khi giao thoa với văn hoá chung của người Việt.

Ký hiệu phân loại: 390.089992205976 23/L504T
Số ĐKCB: DC.002273

44 Những nghiên cứu xã hội học về Tây Nguyên / Vũ, Thị Thùy Dung : Đại học quốc gia Hà Nội ,

Tóm tắt: Những thay đổi về môi trường đô thi, sự phát triển của nguồn nhân lực, chuyển đổi cơ cấu kinh tế và đời sống của người dân Tây Nguyên

Ký hiệu phân loại: 301.095976 23/NH556N
Số ĐKCB: DC.002297

45 Lịch sử Đảng bộ xã Yang Reh (2003 - 2022) : Nxb. Đắk Lắk , 2022 - 224tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 324.2597075059765 23/L302S
Số ĐKCB: DC.002287

46 Lịch sử Đảng bộ xã Ea Tóh (1989 - 2020) : Nxb. Đắk Lắk , 2022 - 224tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 324.2597075059765 23/L302S
Số ĐKCB: DC.002286

47 Từ phố về làng / Vũ, Kiêm Ninh : Nxb. Hà Nội , 2019 - 266tr. ; 21cm
Tóm tắt: Giới thiệu bức tranh toàn cảnh về vùng Bưởi (Hà Nội) với đời sống xã hội từ thành thị tới nông thôn, những nét văn hoá của vùng đất cổ qua lịch sử hàng ngàn năm với biết bao biến đổi thăng trầm. Qua đó bạn đọc cảm nhận được nét đẹp của phong tục, tập

Ký hiệu phân loại: 390.0959731 23/T550P
Số ĐKCB: DC.002270

48 Lịch sử Đảng bộ xã Ea Păl (1986 - 2020) : Nxb. Đắk Lắk , 2021 - 143tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 324.2597075059765 23/L302S
Số ĐKCB: DC.002284, DC.002285

49 30 năm (1992 - 2022) - Kỷ yếu 30 năm xây dựng và phát triển Đảng bộ khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh Đắk Lắk (28/5/1992 - 28/5/2022) : Nxb. Đắk Lắk , 2022 - 184tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 324.25970750959765 23/B100M
Số ĐKCB: DC.002295

50 Một số vấn đề cơ bản của xã hội Tây Nguyên trong phát triển bền vững / Bùi, Minh Đạo : Khoa học xã hội , 2012 - 241tr. ; 21cm

Tóm tắt: Khái quát những nét cơ bản về vùng đất, dân tộc và xã hội Tây Nguyên thời kì trước năm 1975; thực trạng về cơ cấu xã hội, tổ chức xã hội và hệ thống giá trị xã hội ở Tây Nguyên hiện nay; một số vấn đề cơ bản của xã hội Tây Nguyên trong phát triển bền

Ký hiệu phân loại: 303.095976 23/M458S
Số ĐKCB: DC.002279

51 Phát huy vị thế của người có uy tín trong cộng đồng dân tộc thiểu số ở Tây nguyên thời kỳ hội nhập quốc tế / Phan, Công Chính : Công an nhân dân , 2021 - 311tr. ; 21cm

Tóm tắt: Trình bày các khái niệm liên quan đến vị thế người có uy tín trong cộng đồng dân tộc thiểu số. Nêu luận cứ lý thuyết nghiên cứu và chính sách đối với người có uý tín vùng dân tộc thiểu số trong lịch sử Việt Nam. Phân tích vị thế và nguyên nhân biến đ

Ký hiệu phân loại: 305.80095976 23/PH110H
Số ĐKCB: PD.045004, DC.002280

52 bộ sưu tập ché của người Êđê tại Bảo tàng tỉnh Đắk Lắk : Nxb. Đắk Lắk , 2018 - 84tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 306.59765 23/B450S
Số ĐKCB: DC.002251, DC.002252

53 Vai trò của văn hoá truyền thống các tộc người bản địa Tây Nguyên đoois với sự phát triển bền vững vùng / Đỗ, Hồng Kỳ : Sân khấu , 2019 - 299tr. ; 21cm

Tóm tắt: Giới thiệu tổng quan về các tộc người bản địa Tây Nguyên và quan điểm về vai trò của văn hoá đối với phát triển bền vững, văn hoá truyền thống các tộc người bản địa Tây Nguyên và vai trò của nó trong xã hội cổ truyền, thực trạng và vai trò của văn ho

Ký hiệu phân loại: 390.095976 23/V103T
Số ĐKCB: DC.002255, DC.002256

54 Văn hoá các tộc người thiểu số tại chỗ Tây Nguyên: Truyền thống, biến đổi và các vấn đề đặt ra : Khoa học xã hội , 2019 - 474tr. ; 21cm

Tóm tắt: Tổng quan về Tây Nguyên và tình hình nghiên cứu văn hoá các tộc người thiểu số tại chỗ Tây Nguyên. Xem xét văn hoá truyền thống và hiện trạng văn hoá Tây Nguyên. Phân tích những biến đổi văn hoá và vấn đề phát triển bền vững Tây Nguyên

Ký hiệu phân loại: 305.0890095976 23/V115H
Số ĐKCB: DC.002248

55 TRuyện dân gian Ê Đê
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 23/TR527D
Số ĐKCB: DC.002247

56 Lời nói vần của người Ê Đê tỉnh Đắk Lắk : Nxb. Đà Nẵng , 2024 - 223tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.80959765 23/L462N
Số ĐKCB: DC.002258, DC.002259

57 Vai trò của các dân tộc thiểu số tại chỗ trong phát triển bền vững vùng Tây Nguyên / Bùi, Minh Đạo : Khoa học xã hội , 2017 - 259tr. ; cm

Tóm tắt: Khái quát về vai trò của các dân tộc thiểu số tại chỗ Tây Nguyên trước đổi mới và trong phát triển bền vững Tây Nguyên từ năm 1986 đến nay. Quan điểm, kiến nghị, giải pháp phát huy vai trò của các dân tộc thiểu số tại chỗ trong phát triển bền vững v

Ký hiệu phân loại: 338.95976 23/V103T

Số ĐKCB: DC.002260, DC.002261

58 Trang phục truyền thống các dân tộc ở Đắk Lắk : Nxb.Đắk Lắk , 2023 - 178tr. ; 25cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 391.08900959765 23/TR106P

Số ĐKCB: DC.002262, DC.002263

59 Các dân tộc Tây Nguyên : Thế giới , 2018 - 256tr. ; 26cm

Tóm tắt: Giới thiệu hình ảnh, tư liệu có chú thích dưới các bức ảnh về các 11 dân tộc sinh sống trên vùng đất Tây Nguyên, diện mạo văn hóa cùng sự vận động cuộc sống ở các buôn làng, cộng đồng tộc người cả trước kia và ngày nay, cả cổ truyền và hiện đại

Ký hiệu phân loại: 305.8959305976 23/C101D

Số ĐKCB: DC.002266

60 Đặc điểm nghệ thuật nhóm sử thi Dăm Giông / Nguyễn, Tiến Dũng : Đại học Quốc gia Hà Nội

Tóm tắt: Trình bày kết cấu nhóm sử thi Dăm Giông nhìn từ góc độ diễn xướng. Nhân vật Dăm Giông trong mối quan hệ với nhân vật tái xuất hiện và sử thi đơn. Hệ thống motif và không gian nghệ thuật trong nhóm sử thi Dăm Giông

Ký hiệu phân loại: 398.209597 23/ Đ113Đ

Số ĐKCB: PD.044173, DC.002276

61 Giáo dục học sinh bảo vệ nước sạch và vệ sinh môi trường / Nguyễn, Khánh Phương : Dân trí

Tóm tắt: Trình bày khái niệm cơ bản về nước và môi trường; tác hại của ô nhiễm môi trường đối với sức khoẻ con người; bảo vệ nước sạch và vệ sinh môi trường

Ký hiệu phân loại: 363.707 23/GI-108D

Số ĐKCB: DC.002227

62 Văn học dân gian người Việt góc nhìn so sánh / Kiều, Thu Hoạch : Khoa học xã hội , 2014 -

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 390.95922 V115H

Số ĐKCB: DC.002187

63 Quy chế quản lý và sử dụng bộ nhận diện thương hiệu tỉnh Đắk Lắk : Nxb. Đắk Lắk , 2021 -

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 346.5970481 23/QU-523C

Số ĐKCB: DC.002213, DC.002214, DC.002215

64 Chất lượng cán bộ Đoàn chủ chốt cấp huyện, tỉnh Đắk Lắk / Đặng, Gia Duẩn : Học viện hành chính quốc gia , 2015 - 122tr. ; 30cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 324.259701400959765 23/CH124L

Số ĐKCB: DC.002176, DC.002177

65 Tiăng Lấy lại ché Rlung con hổ : Hội nhà văn , 2022 - 400tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.208995930597 23/TI-116L
Số ĐKCB: DC.002238, DC.002188

66 Bon Tiăng cứu Bing, Jông, Djăn, Dje : Hội nhà văn , 2022 - 344tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.208995930597 23/B430T
Số ĐKCB: DC.002236, DC.002237

67 Tiăng lấy ché con mèo : Hội nhà văn , 2022 - 350tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.208995930597 23/TI-116L
Số ĐKCB: DC.002234, DC.002235

68 Tranh chấp bộ chiêng giữa bon Tiăng và Sơm, Sơ con Phan : Hội nhà văn , 2022 - 434tr ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.208995930597 23/TR107C
Số ĐKCB: DC.002232, DC.002233

69 Tiăng bán tượng gỗ : Hội nhà văn , 2022 - 448tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.20899593059765 23/TI-116B
Số ĐKCB: DC.002230, DC.002231

70 Lịch sử Đảng bộ xã Cư Êbur : Nxb. Đắk Lắk , 2020 - 180tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 324.2597075059765 23/L312S
Số ĐKCB: DC.002189, DC.002190

71 Sử thi Tây Nguyên tiếp cận di sản : Nxb. Hội Nhà văn , 2020 - 299tr. ; 21cm

Tóm tắt: Giới thiệu công tác điều tra, sưu tầm sử thi Tây Nguyên và vùng phụ cận. Trình bày việc văn bản hoá, biên dịch, xuất bản sử thi Tây Nguyên. Công tác lưu trữ và bảo quản
Ký hiệu phân loại: 398.2095976 23/S550T
Số ĐKCB: DC.002183

72 Văn hoá truyền thống của người Rmam và Bâhnar Jơ Lơng ở Kon Tum / Linh Nga Niê KĐam : Văn hoá dân tộc , 2022 - 335tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.0959761 23/V115H
Số ĐKCB: PD.043132, PM.073837, DC.002197, DC.002198, DC.002199

73 Lịch sử Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk (1930 - 2020) : Chính trị Quốc gia , 2021 - 763tr. ảnh màu ;
Tóm tắt: Trình bày khái quát vùng đất, con người và truyền thống lịch sử tỉnh Đắk Lắk. Quá trình Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk ra đời, lãnh đạo đấu tranh giành độc lập dân tộc (1930-1940), thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân (1945-1975), xâ
Số ĐKCB: PD.043223, PM.073699, PM.073700, DC.002180, DC.002181, DC.002182

74 Phụ nữ Êđê trong xã hội mẫu hệ / Lương, Thanh Sơn : Phụ nữ Việt Nam , 2022 - 263 tr. ; 21 cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: PD.043151, PM.073805, PM.073806, DC.002194, DC.002195, DC.002196

bon Tiăng / Hát kể: Điểu GLơi, Điểu MPiơih; st: Trương Bi, Tô Đông Hải, Đỗ Hồng Kỳ; dịch:
75 Điểu Kâu, Điểu Thị Mai; biên tập: Nguyễn Luân, Văn Thị Bích Thảo. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2010. - 2 tập : ảnh ; 24cm

T.1 : Chim kéc ăn lúa rẫy của bon Tiăng. - 2010. - 1125tr : ảnh

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 CH310K

Số ĐKCB: DC.001569, DC.001570

76 Văn hoá mẫu hệ qua sử thi Ê Đê / Tuyết Nhung Buôn Krông. - Hà Nội : Văn hoá dân tộc, 2010. - 413tr. : hình vẽ, bảng ; 21cm

Tóm tắt: Giới thiệu khái quát về văn hoá mẫu hệ Ê Đê trong đời sống tộc người; văn hoá mẫu hệ Ê Đê qua hệ thống đề tài sử thi; văn hoá mẫu hệ Ê Đê qua hệ thống nhân vật nữ. Sự tiếp nhận của người Ê Đê đối với văn hoá mẫu hệ trong sử thi

Ký hiệu phân loại: 305.899 14/V115H

Số ĐKCB: DC.001539, DC.001540

77 Luật tục trong đời sống các tộc người ở Việt Nam / Ngô Đức Thịnh. - Hà Nội : Tư pháp, 2010.

Tóm tắt: Khảo sát các khía cạnh khác nhau của luật tục nói chung như góc độ tiếp cận, nguồn gốc và bản chất, các hình thức phát triển, nội dung luật tục, việc thực thi luật tục, giá trị của luật tục, luật tục và pháp luật. Giới thiệu luật tục của một số tộc n

Ký hiệu phân loại: 305.8009597 14/L504T

Số ĐKCB: DC.001531, DC.001532

78 Truyện cổ Mơ Nông / S.t., b.s.: Nguyễn Văn Huệ...[và những người khác]. - Hà Nội : Đại học quốc gia, 2010. - 300tr. ; 21cm

Tóm tắt: Ngoài nội dung viết về văn học, tác phẩm phản ánh một số nét cơ bản về phong tục tập quán, nghi lễ tín ngưỡng của người Mơ Nông: Tập tục phạt vạ, nghi lễ mai táng, nghi lễ cúng thần chứng giám tình yêu

Ký hiệu phân loại: 398.2089593 14/TR527C

Số ĐKCB: DC.001510, DC.001511

79 Hát kể truyện cổ Raglai / S.t., b.s.: Nguyễn Hải Liên, Sử Văn Ngọc. - Tái bản, có bổ sung. - Hà Nội : Đại học Quốc gia, 2010. - 390tr. ; 21cm

Tóm tắt: Câu chuyện nói về tình yêu đôi lứa, về ước vọng làm giàu từ nghiệp trao đổi, bán buôn, về cái thiện và cái ác đan xen của một thời đầy rẫy bùa ngải và phép thuật

Ký hiệu phân loại: 398.20899 14/H110K

Số ĐKCB: DC.001514, DC.001515

80 Khắp tiễn đưa đẳm của người Tày = Khắp thống đẳm : Song ngữ Tày - Việt / Hà Đình Tỵ s.t., biên dịch. - Hà Nội : Văn hoá dân tộc, 2010. - 459tr. ; 21cm

Tóm tắt: Giới thiệu một số bài hát tiễn hồn trong lễ tang của người Tày

Ký hiệu phân loại: 393.09597 14/KH117T

Số ĐKCB: DC.001516

81 Tục cưới xin của dân tộc Tày / Triều Ân, Hoàng Quyết. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội,

Tóm tắt: Trình bày những nét văn hoá đẹp trong tục cưới xin, lễ cưới hỏi của dân tộc Tày ở Việt Nam và một số lời thơ quan lang, pả mẻ (hát đưa dâu)

Ký hiệu phân loại: 392.509597 14/T506C
Số ĐKCB: DC.001517

82 Tạo Sông Ca - nàng Si Cáy : Song ngữ Thái - Việt / Lương Thị Đại st., bd.. - Hà Nội : Văn hoá dân tộc, 2010. - 161tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/T108S
Số ĐKCB: DC.001518

83 Hệ thống nghệ thuật của sử thi Tây Nguyên / Phạm Nhân Thành. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2010. - 432tr. ; 21cm

Tóm tắt: Trình bày về cấu trúc trần thuật, đặc điểm nhân vật chính và các biện pháp nghệ thuật của thể loại sử thi Tây Nguyên

Ký hiệu phân loại: 398.2095976 14/H250T
Số ĐKCB: DC.001520

84 Tang lễ cổ truyền người Mường / Bùi Huy Vọng st., bd.. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2010. - 530tr. : hình vẽ, ảnh ; 21cm

Tóm tắt: Giới thiệu các nghi lễ, lễ thức và trình tự các công việc diễn ra trong phong tục tang lễ một đám ma cổ truyền của người Mường, ngoài ra còn phần lời cúng bằng tiếng Việt

Ký hiệu phân loại: 393.09597 14/T106L
Số ĐKCB: DC.001498

85 Tế trời, đất, tiên, tổ, mại nhà xe dân tộc Mường / Bùi Thiện s.t., biên dịch, giới thiệu. - Hà Nội : Văn hoá dân tộc, 2010. - 876tr. ; 21cm

Tóm tắt: Giới thiệu nội dung lễ tế Trời - Đất - Tiên - Tổ và Mại nhà xe như là một cuộc mo, diễu hành quanh nhà táng, nằm trong hệ thống tang lễ nhiều đêm của một đám tang của người Mường

Ký hiệu phân loại: 393.09597 14/T250T
Số ĐKCB: DC.001503

86 Văn hoá dân gian Mường / Bùi Thiện s.t., biên dịch, giới thiệu. - Hà Nội : Văn hoá dân tộc,

Tóm tắt: Giới thiệu về thiên nhiên, đất nước, con người và huyền thoại, vũ trụ quan, thế giới quan truyền thống dân tộc Mường. Vài nét về văn hoá vật chất và một số phong tục, lễ hội, nghệ thuật dân gian của dân tộc Mường

Ký hiệu phân loại: 398.20895924 14/V115H
Số ĐKCB: DC.001507

87 Kho tàng sử thi Tây Nguyên : Sử thi Mơ Nông: Con hổ cắn mẹ Rong = Yau kăp me Rong / Điểu KLưt hát kể; Đỗ Hồng Kỳ st; Điểu Kâu dịch; Nguyễn Việt Hùng biên tập. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2006. - 2 tập : ảnh ; 24cm

T.1 : Con hổ cắn mẹ Rong. - 2006. - 805tr : ảnh

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 C430H
Số ĐKCB: DC.001589, DC.001590

88 Tập bài giảng tình hình, nhiệm vụ của tỉnh Đắk Lắk / Đỗ, Văn Dương : Lý luận chính trị , 2017

Tóm tắt: Tập hợp những bài giảng về lịch sử đảng bộ tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; nhiệm vụ cơ bản và những giải pháp chủ yếu phát triển các lĩnh vực kinh tế, văn hóa...

Ký hiệu phân loại: 324.259707500959765 23/T123B
Số ĐKCB: PD.042075, PM.071672, PM.071673, DC.002208, DC.002209

89 Đổi mới và kiện toàn hệ thống chính trị cơ sở các tỉnh Tây Nguyên phục vụ phát triển bền vững / Đỗ, Văn Dương : Lý luận chính trị , 2020 - 288tr. ; 21cm

Tóm tắt: Trình bày một số vấn đề lý luận về hệ thống chính trị cơ sở. Thực trạng về hệ thống chính trị cơ sở của 5 tỉnh Tây Nguyên. Phân tích, đánh giá đúng thực trạng của các thành tố trong hệ thống chính trị cơ sở Tây Nguyên. Nguyên nhân, bài học kinh nghiệ

Số ĐKCB: DC.002157, PD.042074, PM.071674, PM.071675, DC.002206, DC.002207

90 Vai trò của luật tục Ê Đê đối với sự phát triển bền vững dân tộc / Đỗ, Hồng Kỳ : Sân khấu ,

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 390.08990959765 23/V103T
Số ĐKCB: PD.040587, PM.069703, DC.002293, DC.002294

91 Mo Mường / Bùi Văn Nợi st.. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2013. - 544tr. ; 21cm
Mo Mường / Bùi Văn Nợi st.. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2013. - 544tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899592 M400M
Số ĐKCB: DC.001833

Sử thi Ê đê / Bs.: Đỗ Hồng Kỳ (Ch.b), Y'Kô Niê. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2014. - 402tr. ; 21cm

92 Sử thi Ê đê / Bs.: Đỗ Hồng Kỳ (Ch.b), Y'Kô Niê. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2014. - 402tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899 S550T
Số ĐKCB: DC.001832

Sử thi Ê đê / Bs.: Đỗ Hồng Kỳ (Ch.b), Y'Kô Niê. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2014. - 372tr. ; 21cm

93 Sử thi Ê đê / Bs.: Đỗ Hồng Kỳ (Ch.b), Y'Kô Niê. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2014. - 372tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899 S550T
Số ĐKCB: DC.001829

Sử thi Ê đê / Bs.: Đỗ Hồng Kỳ (Ch.b), Y'Kô Niê. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2014. - 542tr. ; 21cm

94 Sử thi Ê đê / Bs.: Đỗ Hồng Kỳ (Ch.b), Y'Kô Niê. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2014. - 542tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899 S550T
Số ĐKCB: DC.001831

Sử thi Ê đê / Bs.: Đỗ Hồng Kỳ (Ch.b), Y'Kô Niê. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2014. - 538tr. ; 21cm

95 Sử thi Ê đê / Bs.: Đỗ Hồng Kỳ (Ch.b), Y'Kô Niê. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2014. - 538tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899 S550T
Số ĐKCB: DC.001830

96 Lịch sử Đảng bộ huyện Krông Bông 1975 - 2000. - Krông Bông : Ban Thường vụ huyện Ủy Krông Bông xb', 2010. - 144tr. : ảnh ; 19cm

Lịch sử Đảng bộ huyện Krông Bông 1975 - 2000. - Krông Bông : Ban Thường vụ huyện Ủy Krông Bông xb', 2010. - 144tr. : ảnh ; 19cm

Tóm tắt: Nhân dân các dân tộc Krông Bông đẩy mạnh công cuộc cải tạo và xây dựng kinh tế, xã hội giữ vững an ninh chính trị trật tự an toàn xã hội. Mở đầu thực hiện quá trình đổi mới (1980 - 1990); Đẩy mạnh phát triển kinh tế xã hội nâng cao đời sống nhân dân

Ký hiệu phân loại: 324.2597070959765 L302S
Số ĐKCB: DC.001797, DC.001798

97 Lịch sử Đảng bộ thành phố Buôn Ma Thuột 1975 - 2005. - Đắk Lắk : Ban Thường vụ Thành ủy Buôn Ma Thuột, 2012. - 246tr. : ảnh ; 19cm

Tóm tắt: Đảng bộ thị xã Buôn Ma Thuột lãnh đạo công tác xây dựng chính quyền cách mạng, khôi phục và phát triển kinh tế, xã hội (1975 - 1985); lãnh đạo thực hiện đường lối đổi mới (1986 - 1995); xây dựng thành phố phát triển toàn diện (1996 - 2005)

Ký hiệu phân loại: 324.2597070959765 L302S
Số ĐKCB: DC.002159, DC.001794, DC.001795, DC.001796

98 Sử thi thần thoại Mường / Trương Sĩ Hùng st., bs.. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2014. - 359tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899592 S550T
Số ĐKCB: DC.001828

99 Già làng và trường ca - sử thi trong văn hóa Tây Nguyên / Linh Nga Niê KDam st., bs.. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2014. - 347tr. ; 19cm

Tóm tắt: Vai trò của già làng trong đời sống cộng đồmg. Trường ca sử thi trong môi trường văn hóa Tây Nguyên, hệ thống, đặc trưng âm nhạc trong trường ca sử thi Tây Nguyên

Ký hiệu phân loại: 390.09597 Gi100L
Số ĐKCB: DC.001835

100 Phong tục đi hỏi vợ đám cưới cổ truyền Mường / Bùi Huy Vọng st., bs.. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2014. - 339tr. : ảnh tư liệu ; 19cm

Tóm tắt: Hôn nhân đối với người Mường trước tháng 8 - 1945 và ngày nay. Chí mờ, vai trò của chí mờ trong hôn nhân của người Mường, các bước đi hỏi vợ đám cưới của người Mường...Bước phong thiềng chính thức nhận lời gả con gái

Ký hiệu phân loại: 392.509597 PH431T
Số ĐKCB: DC.001826

101 Vài nét về văn hóa dân gian của người Khmer / Nguyễn Anh Động st. và bs.. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2014. - 359tr. ; 19cm
Tóm tắt: Tập tục, quỷ thần, pháp sư và bùa phép. Ngôn ngữ và văn thơ, nghệ thuật diễn xướng
Ký hiệu phân loại: 390.09597 V103N
Số ĐKCB: DC.001836

102 Thành ngữ Mường / Cao Hải Sơn st. bs.. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2013. - 215 tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.80899592 TH107N
Số ĐKCB: DC.001834

103 Sử thi Mường / Phan Đăng Nhật chủ biên. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2013. - 431tr. ; 19cm
Sử thi Mường / Phan Đăng Nhật (ch.b). - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2013. - 431tr. ; 19cm
Tóm tắt: Sưu tầm nghiên cứu phổ biến và truyền dạy vốn văn hóa văn nghệ dân gian các tộc người Việt Nam đã được ông cha ta sáng tạo và giữ gìn trong suốt mấy nghìn năm của lịch sử dân tộc. Những giá trị sáng tạo đó thể hiện mối quan hệ của các tộc người Việt
Ký hiệu phân loại: 398.208995924 S550T
Số ĐKCB: DC.001788, DC.001789

104 Truyện cổ và dân ca nghi lễ dân tộc Tày / Vi Hồng st. và bs.. - Hà Nội : Thanh niên, 2012. -
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.20899591 TR527C
Số ĐKCB: DC.001790, DC.001791

105 Lịch sử Đảng bộ huyện Krông Bông trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 - 1975). - Hà Nội : Chính trị Quốc gia, 2001. - 164tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 324.2597070959765 L302S
Số ĐKCB: DC.001762, DC.001763, DC.001764

106 Giới thiệu một số nét văn hóa pháp lý các dân tộc Việt Nam / Trần Ngọc Bình bs.. - Hà Nội : Tư pháp, 2009. - 218tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 306.09597 GI-462T
Số ĐKCB: DC.001761

107 Đấu tranh vạch trần những quan điểm sai trái, xuyên tạc của các thế lực thù địch : Tài liệu tuyên truyền phổ biến rộng rãi trong nhân dân. - Đắk Lắk : Ban tuyên giáo tỉnh ủy Đắk Lắk, 2012. - 82tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 332.4 Đ125T
Số ĐKCB: DC.001780

108 Sự tích con voi trắng / St., bs. : Trương Bi; Người kể: Điểu K Lung; Người dịch: Điểu Kâu. - Hà Nội : Thời đại, 2013. - 203tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899 S550T
Số ĐKCB: DC.001792, DC.001793

109 Đảng bộ phường Thống Nhất 35 năm xây dựng và phát triển. - Buôn Ma Thuột : Đảng ủy phường Thống Nhất xb', 2010. - 123tr. ; 19cm
Tóm tắt: Quá trình phát triển của Đảng bộ phường Thống Nhất sau 35 năm nhìn lại
Ký hiệu phân loại: 324.2597070959765 Đ106B
Số ĐKCB: DC.001776, DC.001777

110 Sổ tay pháp luật : Dành cho thanh thiếu niên. - Đắk Lắk : Sở Tư pháp xb', 2011. - 100tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 349.597 S450T
Số ĐKCB: DC.001773, DC.001774, DC.001775

111 Đất nước triệu voi. - Buôn Ma Thuột : Hội hữu nghị Việt Nam - Lào xb', 2010. - 87tr. : ảnh ;

Tóm tắt: Khái quát lịch sử, địa lý chính trị kinh tế - xã hội, hành chính dân cư văn hóa...quan hệ hợp tác Lào - Việt Nam trong nhiều năm qua
Ký hiệu phân loại: 327.5970594 Đ124N
Số ĐKCB: DC.001770, DC.001771, DC.001772

112 Người Cơ Ho ở Tây Nguyên Việt Nam = The Cơ Ho in the central highlands of Vietnam / Biên soạn: Vũ Quốc Khánh (ch.b), Ngọc Tuân, Hoàng Tuấn Cư; Hoàng Trung hiếu dịch; Kim Michael Megson hiệu đính. - Hà Nội : Thông tấn, 2013. - 166tr. ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 305.89593 NG558C
Số ĐKCB: DC.001812, DC.001813

113 Người Gia Rai ở Tây Nguyên = Jarai ethnic group in central highlands / Biên soạn: Vũ Quốc Khánh (ch.b), Nguyễn Bảo Cương, Chu Thái Sơn; Phạm Đình An dịch; Pete Jonhson h.đ. - Hà Nội : Thông tấn, 2012. - 186tr. : ảnh ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 305.899 NG558G
Số ĐKCB: DC.001814, DC.001815

114 Đại biểu hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã nhiệm kỳ 2011 - 2016 : Tài liệu bồi dưỡng. - Đắk Lắk : Sở nội vụ xb', 2012. - 262tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 320.80959765 Đ103B
Số ĐKCB: DC.001819, DC.001820

115 80 năm truyền thống ngành kiểm tra Đảng. - Đắk Lắk : Ủy ban kiểm tra tỉnh ủy Đắk Lắk xb',
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 324.2597070959765 S111M
Số ĐKCB: DC.001818

116 Sử thi thần thoại M'Nông / St.: Đỗ Hồng Kỳ, Điểu Kâu; Phiên âm dịch: Điểu Kâu, Nơyu, Đăm Pơ Tiêu; Điểu Klưt hát kể. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 2012. - t. ; 21cm

Sử thi thần thoại M'Nông / St.: Đỗ Hồng Kỳ, Điểu Kâu. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 2012. - 893tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 S550T

Số ĐKCB: DC.001730, DC.001731

117 Mo Mường / Bùi Văn Nợi st., bd., gth.. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 2012. - 759tr. ; 21cm

Mo Mường / Bùi Văn Nợi st., bd., gth.. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 2012. - 759tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.208995924 M400M

Số ĐKCB: DC.001728, DC.001729

118 Những khía cạnh văn hoá dân gian M'Nông Nong / Đỗ Hồng Kỳ. - Hà Nội : Lao động, 2012. -

Tóm tắt: Giới thiệu lịch sử tộc người, đời sống vật chất xã hội, tín ngưỡng, lễ nghi lễ hội... của n

Ký hiệu phân loại: 390.0959765 NH556K

Số ĐKCB: DC.001746, DC.001747

119 Nghi lễ - lễ hội của người Chăm và người Êđê / Ngô Văn Doanh, Trương Bi. - Hà Nội : Văn hoá dân tộc, 2012. - 891tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 390.309597 NGH300L

Số ĐKCB: DC.001726, DC.001727

120 Phong tục cổ truyền các dân tộc Thái, Tày, Nùng. - Hà Nội : Văn hoá dân tộc, 2012. - 391tr. ;

Tóm tắt: Giới thiệu trình tự lễ cưới, tục làm tết síp si, làm nhà mới của người Thái trắng ở Mường So, Sơn La, người Tày - Nùng

Ký hiệu phân loại: 390.09597 PH431T

Số ĐKCB: DC.001742, DC.001743

121 Các bài kinh về tục tang ma người Chăm Ahiêr / Sử Văn Ngọc, Sử Thị Gia Trang. - Hà Nội : Thanh niên, 2011. - 259tr. ; 21cm

Tóm tắt: Khái quát đặc điểm cư trú, văn hoá, xã hội tục tang ma của người Chăm; nội dung các bài kinh được phiên âm bằng chữ la tinh và được dịch nghĩa

Ký hiệu phân loại: 393.09597 C101B

Số ĐKCB: DC.001744, DC.001745

122 Lễ hội dân gian dân tộc Tày : Lễ hội lồng thồng của người Tày ở Lạng Sơn; lễ cấp sắc Pụt Tày / Hoàng Văn Páo, Cao Thị Hải. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 2012. - 595tr. ; 21cm

Tóm tắt: Lễ hội lồng thông trong đời sống, văn hóa, tinh thần của người Tày ở Lạng Sơn; khảo sát lễ cấp sắc của pụt Tày ở bản Pyăn huyện Ba Bể tỉnh Bắc Kạn; lời khấn trong lễ cấp sắc Pụt Tày...

Ký hiệu phân loại: 390.095971 L250H
Số ĐKCB: DC.001724, DC.001725

123 Luật tục Êđê : Tập quán Pháp / Sưu tầm, giới thiệu, dịch: Ngô Đức Thịnh, Chu Thái Sơn, Nguyễn Hữu Thấu. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 2012. - 454tr. ; 21cm

Tóm tắt: Luật tục trong xã hội Êđê truyền thống; đôi điều về giá trị của luật tục Êđê; luật tục Êđê trong xã hội hiện nay

Ký hiệu phân loại: 390.0959765 L504T
Số ĐKCB: DC.001760

124 Vè, câu đố, đồng dao các dân tộc Thái, Nùng, Tày / Vương Thị Mến, Nông Hồng Thăng, Hoàng Thị Cành. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 2011. - 267tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.809597 V200C
Số ĐKCB: DC.001750, DC.001751

125 Niên giám thóng kê tỉnh Đắk Lắk 2011. - Đắk Lắk : Cục thống kê tỉnh Đắk Lắk, 2012. - 273tr.
Tóm tắt: Những số liệu cơ bản phản ánh động thái và thực trạng kinh tế - xã hội của tỉnh Đắk Lắk từ năm 2000 - 2011 được phân theo từng ngành kinh tế, loại hình kinh tế và theo đơn vị hành chính

Ký hiệu phân loại: 315.9765 N305G
Số ĐKCB: DC.001718, DC.001719

126 Luật tục Chăm và luật tục Raglai / Phan, Đăng Nhật, Nguyễn Thế Sang. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 2012. - 771tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 390.08999 L504T
Số ĐKCB: DC.001720, DC.001721

127 Truyện cổ các dân tộc Tây Nguyên / Biên soạn: Nông Quốc Thắng... [và những người khác]. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 2011. - 659tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2095976 TR527C
Số ĐKCB: DC.001722, DC.001723

128 Tang lễ cổ truyền các dân tộc thiểu số ở Việt Nam / Y Tuyn Bing, Lê Mai Oanh, Lương Thị Đại. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 2011. - 631tr. ; 21cm

Tóm tắt: Tang lễ của người m'Nông Rlawm ở Uôn Plei huyện Lắk, Đắk Lắk, nghi lễ tang ma cổ truyền của người Cao Lan, người Thái trắng

Ký hiệu phân loại: 393.09597 T106L
Số ĐKCB: DC.001732, DC.001733

129 Dyông dư hoamon bahnar / Sưu tầm, biên dịch: Vũ Ngọc Bình... [và những người khác]. - Hà Nội : Thời đại, 2012. - 497tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 DY455D
Số ĐKCB: DC.001734, DC.001735

130 Phong Slư / Phương Bằng sưu tầm, phiên âm chữ Nôm, dịch. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc,
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899591 PH431T
Số ĐKCB: DC.001736, DC.001737

131 Sử thi Raglai và M'Nông / Nguyễn Thế Sang... [và những người khác]. - Hà Nội : Văn hoá dân tộc, 2012. - 413tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 S550T
Số ĐKCB: DC.001740, DC.001741

132 Văn hóa Tây Nguyên giàu và đẹp / Linh Nga Niê Kdam. - Hà Nội : Văn hoá dân tộc, 2012. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 390.095976 V115H
Số ĐKCB: DC.001755

133 Luật tục trong xã hội Chăm / Sử Văn Ngọc, Sử Thị Gia Trang. - Hà Nội : Thanh niên, 2012. -

Tóm tắt: Luật tục dân tộc Chăm: các tộc và việc xét xử, quan hệ với thủ lĩnh - với cộng đồng, phong tục tập quán, hôn nhân và quan hệ nam nữ, quan hệ gia đình....

Ký hiệu phân loại: 390.09597 L504T
Số ĐKCB: DC.001699, DC.001700

134 Trường ca Chăm : Ariya Cam Bini - Ariya Xah Pakei: Ariya Glơng Anak - Ariya Ppo Parơng / Inrasara. - Hà Nội : Thời đại, 2011. - 514tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.208999 TR561C
Số ĐKCB: DC.001689, DC.001690

135 Mo Mường / Bùi Văn Nợi st., bd., gth.. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 2012. - t. ; 21cm
Mo Mường / Bùi Văn Nợi st., bd., gth.. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 2012. - 935tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.208995924 M400M
Số ĐKCB: DC.001691, DC.001692

136 Sử thi thần thoại M'Nông / St.: Đỗ Hồng Kỳ, Điểu Kâu; Phiên âm dịch: Điểu Kâu, Nơyu, Đăm Pơ Tiêu; Điểu Klưt hát kể. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 2012. - t. ; 21cm
Sử thi thần thoại M'Nông / St.: Đỗ Hồng Kỳ, Điểu Kâu; Phiên âm dịch: Điểu Kâu, Nơyu, Đăm Pơ Tiêu; Điểu Klưt hát kể. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 2012. - 853tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 S550T
Số ĐKCB: DC.001695, DC.001696

137 Tang lễ cổ truyền của người Mường / Bùi Huy Vọng. - Hà Nội : Lao động, 2011. - t. : ảnh ; 21cm
Tang lễ cổ truyền của người Mường / Bùi Huy Vọng. - Hà Nội : Lao động, 2011. - 428tr. : ảnh ; 21cm

Tóm tắt: Ghi chép lại các công việc, các nghi lễ diễn ra trong tang lễ và các công việc cuối cùng sau tang lễ: mai táng, làm nhà mồ...của người Mường

Ký hiệu phân loại: 393.09597 T106L
Số ĐKCB: DC.001693, DC.001694

138 Sử thi Êđê : Kđăm đroăl: Y' Khĩng Jũ - H'Bria Jũ yâo. - Hà Nội : Văn hoá dân tộc, 2012. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.208999 S550T
Số ĐKCB: DC.001701, DC.001702

139 Tín ngưỡng dân gian Tày Nùng / Nguyễn Thị Yên. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2009. - 719tr. ;
Tóm tắt: Giới thiệu khái quát về tín ngưỡng dân gian của người Tày, Nùng; tổng hợp, phân loại các hình thức sinh hoạt văn hoá tín ngưỡng tiêu biểu của người Tày, Nùng; giới thiệu các nghi lễ phổ biến của người Tày, Nùng như tang ma, lễ cấp sắc, lễ mừng thọ, l

Ký hiệu phân loại: 305.89591 T311N
Số ĐKCB: DC.001711, DC.001712

140 Trường ca các dân tộc Ba Na, Êđê, Hrê / St., gth.: Ka Sô Liễng, Nguyễn Văn Giai. - Hà Nội : Văn hoá dân tộc, 2012. - 662tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 TR561C
Số ĐKCB: DC.001709, DC.001710

141 Sử thi M'Nông : Lêng kon rung bị bắt cóc bán: cướp máy kéo chỉ của Ndu Kon Măch: Tiăng bán tượng gỗ = Bu tăch lêng kon rung: sok khâng yau klau Nlu Kon Măch: Tiăng tăch krăk / St., bs., chỉnh lý: Trương Bi... [và những người khác]; Người kể: Điểu K'lứk, Điểu Glơi, Điểu Klung; Điểu Kâu d.. - Hà Nội : Thanh niên, 2012. - 969tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 S550T
Số ĐKCB: DC.001707, DC.001708

142 Bài ca chàng Đăm San = Klei khan Đăm Săn : Sử thi khan Êđê / St, d.: Linh Nga NiêKđăm, YKhem, Ywang Mlô Duôn Du. - Hà Nội : Văn hoá dân tộc, 2012. - 367tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.208999 B103C
Số ĐKCB: DC.001705, DC.001706

143 Hỏi đáp pháp luật về chính sách hỗ trợ người nghèo, nông dân, ngư dân và đồng bào dân tộc thiểu số / Nguyễn Hà. - Hà Nội : Tư Pháp, 2012. - 98tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 344.59703 H428Đ
Số ĐKCB: DC.001715

144 Lễ nghi cuộc đời của người Chăm / Sử văn Ngọc st., bd., gth.. - Hà Nội : Văn hoá dân tộc, 2011. - 375tr. : ảnh ; 21cm

Tóm tắt: Các bài nghiên cuáu về văn hoá Chăm: đặc điểm làng, dân số, đời sống kinh tế, văn hoá, các lễ hội, lễ cưới hỏi, tục lệ trước và sau khi sinh, có tóm tắt bằng tiếng Anh

Ký hiệu phân loại: 392.09597 L250H

Số ĐKCB: DC.001697, DC.001698

145 Điểu KLưt hát kể; Đỗ Hồng Kỳ st; Điểu Kâu dịch; Nguyễn Việt Hùng biên tập. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2006. - 2 tập : ảnh ; 24cm

Con hổ cắn mẹ Rong = Yau kăp me Rong : Sử thi Mơ Nông / Điểu KLưt hát kể; Đỗ Hồng Kỳ st; Điểu Kâu dịch; Nguyễn Việt Hùng biên tập. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2006. - 805tr :

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 C430H

Số ĐKCB: DC.001591, DC.001592

146 bon Tiăng / Hát kể: Điểu GLơi, Điểu MPiơih; st: Trương Bi, Tô Đông Hải, Đỗ Hồng Kỳ; dịch: Điểu Kâu, Điểu Thị Mai; biên tập: Nguyễn Luân, Văn Thị Bích Thảo. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2010. - 2 tập : ảnh ; 24cm

Chim kéc ăn lúa rẫy của bon Tiăng = Tet sa ba bon Tiăng : Sử thi Mơ Nông / Hát kể: Điểu

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 CH310K

Số ĐKCB: DC.001571, DC.001572

147 Điểu KLưt hát kể; Đỗ Hồng Kỳ st; Điểu Kâu phiên âm và dịch; Nguyễn Văn Toại biên tập. - Khoa học xã hội : Hà Nội, 2007. - 2 tập : ảnh ; 24cm

Cướp Bung con Klêt = Pít Bung Kon Klêt : Sử thi Mơ Nông / Điểu KLưt hát kể; Đỗ Hồng Kỳ st; Điểu Kâu phiên âm và dịch; Nguyễn Văn Toại biên tập. - Hà Nội : Khoa học xã hội,

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 C562B

Số ĐKCB: DC.001575, DC.001576

148 Điểu KLưt hát kể; Đỗ Hồng Kỳ st; Điểu Kâu phiên âm và dịch; Nguyễn Văn Toại biên tập. - Khoa học xã hội : Hà Nội, 2007. - 2 tập : ảnh ; 24cm

Cướp Bung con Klêt = Pít Bung Kon Klêt : Sử thi Mơ Nông / Điểu KLưt hát kể; Đỗ Hồng Kỳ st; Điểu Kâu phiên âm và dịch; Nguyễn Văn Toại biên tập. - Hà Nội : Khoa học xã hội,

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 KH400T

Số ĐKCB: DC.001573, DC.001574

149 MPiơih hát kể; St: Đỗ Hồng Kỳ, Lê Ngọc Phúc, Phan Thị Hồng; Điểu Kâu phiên âm và dịch; Đỗ Hồng Kỳ biên tập. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2006. - 2 tập ; 24cm

Ting, Rung chết = Khit Ting, Rung : Sử thi Mơ Nông / Điểu MPiơih hát kể; St: Đỗ Hồng Kỳ, Lê Ngọc Phúc, Phan Thị Hồng; Điểu Kâu phiên âm và dịch; Đỗ Hồng Kỳ biên tập. - Hà

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 T312R

Số ĐKCB: DC.001567, DC.001568

MPiơih hát kể; St: Đỗ Hồng Kỳ, Lê Ngọc Phúc, Phan Thị Hồng; Điểu Kâu phiên âm và dịch;
150 Đỗ Hồng Kỳ biên tập. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2006. - 2 tập ; 24cm
Ting, Rung chết = Khit Ting, Rung : Sử thi Mơ Nông / Điểu MPiơih hát kể; St: Đỗ Hồng Kỳ, Lê Ngọc Phúc, Phan Thị Hồng; Điểu Kâu phiên âm và dịch; Đỗ Hồng Kỳ biên tập. - Hà
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 KH400T
Số ĐKCB: DC.001565, DC.001566

Bing Kon Jri / Điểu KLưt hát kể; Đỗ Hồng Kỳ st và biên tập; ghi âm: Lê Văn Kỳ, ...[và những
151 người khác]; phiên âm: Điểu Phước, Thị Mai; Điểu Kâu dịch. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2009. - 2 tập : ảnh ; 24cm
Con diều lá cướp Bing con Jri = Klêng pit Bing Kon Jri : Sử thi Mơ Nông / Điểu KLưt hát
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 KH400T
Số ĐKCB: DC.001563, DC.001564

Bing Kon Jri / Điểu KLưt hát kể; Đỗ Hồng Kỳ st và biên tập; ghi âm: Lê Văn Kỳ, ...[và những
152 người khác]; phiên âm: Điểu Phước, Thị Mai; Điểu Kâu dịch. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2009. - 2 tập : ảnh ; 24cm
Con diều lá cướp Bing con Jri = Klêng pit Bing Kon Jri : Sử thi Mơ Nông / Điểu KLưt hát
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 C430D
Số ĐKCB: DC.001561, DC.001562

Sính; st: Sử Văn Ngọc,...[và những người khác]; Sử Văn Ngọc phiên âm và dịch; Sử Thi Gia
153 Trang hiệu đính; Vũ Anh Tuấn biên tập. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2009. - 2 tập : ảnh ảnh ; 24cm
Sa Ea : Sử thi Ra Glai: / Hát kể: Katơr Thị Cuống, Katơr Thị Sính; st: Sử Văn Ngọc,...[và
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 S100E
Số ĐKCB: DC.001579, DC.001580

Sính; st: Sử Văn Ngọc,...[và những người khác]; Sử Văn Ngọc phiên âm và dịch; Sử Thi Gia
154 Trang hiệu đính; Vũ Anh Tuấn biên tập. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2009. - 2 tập : ảnh ảnh ; 24cm
Sa Ea : Sử thi Ra Glai / Hát kể: Katơr Thị Cuống, Katơr Thị Sính; st: Sử Văn Ngọc,...[và
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 S100E
Số ĐKCB: DC.001577, DC.001578

Awơi Nãi TiLơr : Sử thi Ra GLai / Chamaliaq Thìq Jiêng hát kể; st: Ngô Đức Thịnh, ...[và
155 những người khác]; Phiên âm, dịch: Chamaliaq Riya Tiẻng, Trần Kiêm Hoàng; biên tập: Ngô Đức Thịnh, Phan Thu Hiền. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2009. - 1556tr. ; 24cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 AW462N
Số ĐKCB: DC.001583, DC.001584

156 Awơi Nãi TiLơr : Sử thi Ra GLai / Chamaliaq Thìq Jiêng hát kể; st: Ngô Đức Thịnh, ...[và những người khác]; Phiên âm, dịch: Chamaliaq Riya Tiẻng, Trần Kiêm Hoàng; biên tập: Ngô Đức Thịnh, Phan Thu Hiền. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2009. - 1609tr. : ảnh ; 24cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 AW462N

Số ĐKCB: DC.001581, DC.001582

157 Đỗ Hồng Kỳ, Lê Ngọc Phúc; Điểu Kâu phiên âm và dịch; biên tập: Nguyễn Xuân Kính, Nguyễn Luân, Bùi Thiên Thai. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2006. - 2 tập : ảnh ảnh ; 24cm

Đẻ Lêng = Deh Lêng : Sử thi Mơ Nông / Điểu MPiơih hát kể; st: Đỗ Hồng Kỳ, Lê Ngọc Phúc; Điểu Kâu phiên âm và dịch; biên tập: Nguyễn Xuân Kính, Nguyễn Luân, Bùi Thiên Thai.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 Đ200L

Số ĐKCB: DC.001587, DC.001588

158 Đỗ Hồng Kỳ, Lê Ngọc Phúc; Điểu Kâu phiên âm và dịch; biên tập: Nguyễn Xuân Kính, Nguyễn Luân, Bùi Thiên Thai. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2006. - 2 tập : ảnh ảnh ; 24cm

Đẻ Lêng = Deh Lêng : Sử thi Mơ Nông / Điểu MPiơih hát kể; st: Đỗ Hồng Kỳ, Lê Ngọc Phúc; Điểu Kâu phiên âm và dịch; biên tập: Nguyễn Xuân Kính, Nguyễn Luân, Bùi Thiên Thai.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 Đ200L

Số ĐKCB: DC.001585, DC.001586

159 Tiăng lấy gươm tự chém = Tiăng sok đao dao : Sử thi Mơ Nông / Điểu KLung hát kể; st: Đỗ Hồng Kỳ, Trương Bi; Điểu Kâu phiên âm và dịch; Bế Minh Hà biên tập. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2009. - 800tr. : ảnh ; 24cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 T300Ă

Số ĐKCB: DC.001641

160 Lễ ăn trâu = Tâm ngết : Sử thi Mơ Nông / Hát kể: Điểu GLơi, Điểu MPiơih; sưu tầm: Trương Bi, tô Đông Hải, Đỗ hồng Kỳ; Điểu Kâu phiên âm và dịch; Phan Hoa Lý biên tập. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2009. - 1264tr. : hình ảnh ; 24cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 KH400T

Số ĐKCB: DC.001593, DC.001594

161 Tiăng lấy cây trerla = Tiăng sokrla : Sử thi Mơ Nông / Điểu KLung hát kể; Đỗ Hồng Kỳ st; Phiên âm, dịch: Điểu Kâu, Điểu Thị Mai; Nguyễn Kim Ngọc biên tập. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2010. - 969tr. : ảnh ; 24cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 T300Ă

Số ĐKCB: DC.001595, DC.001596

162 Lêng Con Rung bị bắt đi bán = Bu tach Lêng Kon Rung : Sử thi Mơ Nông / Điểu KLưt hát kể; st: Đỗ Hồng Kỳ, Trương Bi; dịch: Điểu Kâu, Thị Mai; Nguyễn Luân biên tập. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2011. - 560tr. : Ảnh ; 24cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 L256C

Số ĐKCB: DC.001597, DC.001598

163 Dăm Duông hoá cọp. Dăm Duông trong lốt ông già = Dăm Duông Jiâng Kla bring brông. Dăm Duông Bă akar kră : Sử thi Xơ Đăng / AAr hát kể; Võ Quang Trọng st, bt; A Jar dịch. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2007. - 1070tr. : ảnh ; 24cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 D114D

Số ĐKCB: DC.001599, DC.001600

164 Amã Chisa = Amã Cuvau vong cơi : Sử thi RagLai / Pô pâr Thìq Ría hát kể; st: Ngô Đức Thịnh,...[và những người khác]; dịch: Chamaliaq Tiẻng, Trần Kiêm Hoàng; Nguyễn Việt Hùng biên tập. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2007. - 1115tr. : ảnh ; 24cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 AM100C

Số ĐKCB: DC.001601, DC.001602

165 Giông nhờ ơn thần núi làm cho giàu có. Giông kết bạn với Glain Phang = Giông yuơ yang kông gum ăn jing pơdrong. Giông tơpô păng tơdăm Glain phang : Sử thi Ba Na / A Lưu hát kể; Võ Quang Trọng st; Y Tư phiên âm; Y Kiưch dịch; Trần Nho Thìn biên tập. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2007. - 1002tr. : ảnh ; 24cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 GI-455N

Số ĐKCB: DC.001603, DC.001604

166 Diăng = Bing, Jông Kon Prăk, Kon kho pit Yang. Klôp, Nhông pit Bing, Jông Kon Diăng : Sử thi Mơ Nông: / Hát kể: Điểu Klưt, Điểu KLung; st: Trương Bi, Tô Đông Hải, Đỗ Hồng Kỳ; Điểu Kâu dịch; Nguyễn Luân biên tập. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2010. - 891tr. : Ảnh ; 24cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 B312Y

Số ĐKCB: DC.001607, DC.001608

167 Duông làm thủ lĩnh. Duông làm nhà rông = Duông bro tơ nôl. Duông bể Jông : Sử thi Xơ Đăng / A Ar hát kể; Võ Quang Trọng st; A Jar dịch; Nguyễn Luân biên tập. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2009. - 823tr. : ảnh ; 24cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 D518L

Số ĐKCB: DC.001609, DC.001610

168 Đánh trộm cá hồ Lăch. Bán chiêng cổ bon Tiăng = Ntung krau nglau Lăch. Tăch ching yau bon Tiăng : Sử thi Mơ Nông / Điểu Klưt hát kể; st: Đỗ Hồng kỳ, Trương Bi; Điểu Kâu dịch; Đinh Việt Hà biên tập. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2011. - 815tr. : ảnh ; 24cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 Đ107T
Số ĐKCB: DC.001611, DC.001612

169 Ndu, Yang con sôp đánh bon Tiăng. Con khỉ già ăn yang con rung = Ndu, Yang kon sôp lơih bon Tiăng. : Sử thi Mơ Nông / Điểu KLung hát kể; st: Đỗ Hồng kỳ, Trương Bi, Tô Đông Hải; Điểu Kâu dịch; Đinh Việt Hà biên tập. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2011. - 811tr. : ảnh ; 24cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 KH400T
Số ĐKCB: DC.001613, DC.001614

170 Tiăng, Lêng lấy lại ché yăng be = Tiăng Lêng sok rlung yăng be : Sư thi Mơ Nông: / Điểu KLưt hát kể; st: Đỗ Hồng Kỳ, Trương Bi; phiên âm, dich: Điểu Kâu, Thị Mai; Nguyễn Luân biên tập. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2011. - 948tr. : ảnh ; 24cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 KH400T
Số ĐKCB: DC.001615, DC.001616

171 Tiăng bán tượng gỗ. Cưới vợ cho Yang = Tiăng tăch Krăk. Văn ur Yang : Sử thi Mơ Nông / Điểu KLung hát kể; st: Đỗ Hồng kỳ, Trương Bi; Điểu Kâu dịch; Đinh Việt Hà biên tập. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2011. - 757tr. : ảnh ; 24cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 KH400T
Số ĐKCB: DC.001619

172 Duông đi theo thần Tung Gur = Duông tiu Tung Gur : Sử thi Xơ Đăng / A Ar hát kể; Võ Quang Trọng st; A Jar dịch; Vũ Hoàng Hiếu biên tập. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2009. - 711tr. : Ảnh ; 24cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 Đ518Đ
Số ĐKCB: DC.001621, DC.001622

173 Giông đánh hại nguồn cứu dân làng. Giông bọc trứng gà = Giông tơlach păng bak krong vă dong deh char. Giông teo kơtăp ier : Sử thi Ba Na / A Lưu hát kể; Võ Quang Trọng st; dịch: Y Tur, Y Kiưch; Nguyễn Việt Hùng biên tập. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2007. - 760tr. : ảnh ; 24cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 GI-455Đ
Số ĐKCB: DC.001623

174 Cọp bắt cóc Giông thưở bé. Bia Phu bỏ Giông = Kla rôp Giông oeiie. Bra Phu hreh Giông : Sử thi Ba Na / A Lưu hát kể; Võ Quang Trọng st; Y Tur phiên âm; Y Kiuch dịch; Lê Thi Thuỳ Ly biên tập. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2007. - 784tr. : Ảnh ; 24cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 KH400T

Số ĐKCB: DC.001624

175 Duông ở trên trời. Ông Gleh làm lễ bỏ mả Duông = Duông ôi plêng lăng. Gleh choh cham Duông : Sử thi Xơ Đăng / A Ar hát kể; Võ Quang Trọng st; A Jar dịch; Nguyễn Luân biên tập. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2010. - 854tr. : ảnh ; 24cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 D518Ơ

Số ĐKCB: DC.001625, DC.001626

176 Dăm Noi. Giở hao jrang = Diơ hao jrang : Sử thi Ba Na / Bok Angep hát kể; Nguyễn Quang Tuệ st, biên tập; Siu Pêt dịch. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2006. - 524tr. : ảnh ; 24cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 D114N

Số ĐKCB: DC.001628

177 Bing con Măch xin làm vợ Yang. Tiăng lấy lại ché rlung chim Phượng Hoàng ở bon kla = Bing kon Măch hao sai a Yang. Tiăng sok rlung kring bon kla : Sử thi Mơ Nông / Me Luynh hát kể; St: Tô Đông Hải, Điểu Kâu; Điểu Kâu phiên âm, dịch; Hà Đình Thành biên tập. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2006. - 730tr. : ảnh ; 24cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 KH400T

Số ĐKCB: DC.001629, DC.001630

178 Măng Lăng vu cho Duông ăn cắp trâu. Duông Nâng đốt rừng = Măng Lăng săl Duông tung de kơpô. Duông Nâng chô gung : Sử thi Xơ Đăng / A Ar hát kể; Võ Quang Trọng st; A Jar dịch; Nguyễn Luân biên tập. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2011. - 917tr. : ảnh ; 24cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 M116L

Số ĐKCB: DC.001631, DC.001632

179 Lênh giành lại cây nêu ở bon Ting, Yông con Gâr = Lêng sok ndring bon Ting, Yông kon Gâr : Sử thi Mơ Nông / Điểu KLưt hát kể; st: Đỗ Hồng Kỳ, Trương Bi; Thị Mai dịch; Nguyễn Luân biên tập. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2011. - 1257tr. : ảnh ; 24cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 L256G

Số ĐKCB: DC.001633, DC.001634

180 Lễ hội bon Tiăng. Bon Tiăng bị sụp = Tâm ngêt bon Tiăng. Rlâm bon Tiăng : Sử thi Mơ Nông / Điểu KLung hát kể; Đỗ Hồng Kỳ st; dịch: Điểu Kâu, Điểu Thị Mai; Vũ Hoàng Hiếu biên tập. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2009. - 716tr. : ảnh ; 24cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 L250H
Số ĐKCB: DC.001635, DC.001636

181 Châu chấu khổng lồ ăn bon Tiăng = Srah duk kuăng sa bon Tiăng : Sử thi Mơ Nông / Điểu KLưt hát kể; st: Đỗ Hồng Kỳ, Trương Bi; dịch: Điểu Kâu, Thị Mai; Nguyễn Luân biên tập. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2011. - 1042tr. : ảnh ; 24cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 CH125C
Số ĐKCB: DC.001617, DC.001618

182 Dăm yi chặt đọt mây = Kđăm yi koh guôl : Sử thi Ê Đê / Y Nuh Niê hát kể; st: Đỗ Hồng Kỳ, Y Wown Kna; Ama Bik phiên âm; Y Jer Niê kđăm dịch; Nguyễn Luân biên tập. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2011. - 451tr. : ảnh ; 24cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.208999 D114Y
Số ĐKCB: DC.001637, DC.001638

183 Tranh chấp bộ chiêng giữa bon Tiăng và Som sơ co phan = Sok gong bon Tiăng, som, sơ kon phan : Sử thi Mơ Nông / Điểu KLung hát kể; st: Đỗ Hồng Kỳ, Trương Bi; Phiên âm và dịch: Điểu Kâu, Thị Mai; Nguyễn Luân biên tập. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2011. - 687tr. : ảnh ; 24cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 TR107C
Số ĐKCB: DC.001639, DC.001640

184 Giông cưới nàng Khỉ = Giông oei kơ adruh Bia Đok. A tâu so Hle, Kơne Gơseng : Sử thi Ba Na / A Lưu hát kể; Võ Quang Trọng st; Y Tưr phiên âm' Y kiưch dịch; Nguyễn Việt Hùng biên tập. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2007. - 839tr. : ảnh ; 24cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 KH400T
Số ĐKCB: DC.001643

185 Kể gia phả sử thi - ot ndrong = Nkock yau ot ndrong : Sử thi Mơ Nông: / Hát kể: Điểu Mpiơh...[và những người khác]; st: Điểu Kâu, Đỗ Hồng Kỳ, Trương Bi; Điểu Kâu dịch; biên tập: Đỗ Hồng Kỳ, Nguyễn Việt Hùng. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2006. - 616tr. : ảnh ; 24cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 K250G
Số ĐKCB: DC.001645

186 Giông đi đòi nợ . Giông giết sư tử cứu làng Set = Giông năm tơhre. Giông koh kla xapơ lâi set : Sử thi Ba Na / A Lưu hát kể; Võ Quang Trọng st; A Jar phiên âm và dịch; Võ Quang Trọng biên tập. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2007. - 952tr. : ảnh ; 24cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 GI-455Đ

Số ĐKCB: DC.001647

187 Yang bán Bing con Lông = Yang tăch Bing kon Lông : Sử thi Mơ Nông / Me Jêch (Thị Dươi) hát kể; Tô Đông Hải st.; Điểu Kâu d.. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2006. - 671tr. ; 24cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 Y106B

Số ĐKCB: DC.001606, DC.001642

188 Tiăng bán tượng gỗ. Cưới vợ cho Yang = Tiăng tăch krăk. Văнh ur Yang : Sử thi Mơ nông / Điểu Klung hát kể, phiên âm, d.; St.: Đỗ Hồng Kỳ, Trương Bi. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2011. - 757tr. ; 24cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 KH400T

Số ĐKCB: DC.001620

189 Văn hoá các dân tộc ít người ở Việt Nam / Phạm Nhân Thành. - Hà Nội : Dân Trí, 2011. -

Tóm tắt: Sơ lược về lịch sử tộc người, các biểu hiện chủ yếu trong văn hoá vật chất, các giá trị cơ bản trong văn hoá tinh thần,tổ chức đời sống xã hội...

Ký hiệu phân loại: 305.8959 V115H

Số ĐKCB: DC.001654, DC.001655

190 Cồng chiêng Mường / Kiều Trung Sơn. - Hà Nội : Lao động, 2011. - 330tr. ; 21cm

Tóm tắt: Giới thuyết và tình hình nghiên cứu cồng chiêng Mường, người Mường và văn hoá cồng chiêng, nghệ thuật cồng chiêng Mường...

Ký hiệu phân loại: 398.095976 C455C

Số ĐKCB: DC.001652, DC.001653

191 Huyền thoại dân tộc Tày / Triều Ân st., kể lại. - Hà Nội : Thanh niên, 2011. - 225tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899591 H527T

Số ĐKCB: DC.001660, DC.001661

192 Lễ hội truyền thống dân tộc Êđê / Trương Bi. - Hà Nội : Thanh niên, 2011. - 297tr. ; 21cm

Tóm tắt: Giới thiệu nội dung cơ bản về nghi lễ lễ hội vòng đời người, nghi lễ lễ hội vòng cây lúa

Ký hiệu phân loại: 394.260959765 L250H

Số ĐKCB: DC.001658, DC.001659

193 Bơ Thi cái chết được hồi sinh / Ngô Văn Doanh. - Hà Nội : Thời đại, 2010. - 301tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 393.095976 B460T
Số ĐKCB: DC.001656, DC.001657

194 Lời cúng thần của dân tộc Êđê / Trương Bi. - Hà Nội : Đại học Quốc gia, 2001. - 241tr. ; 21cm

Tóm tắt: Giới thiệu các bài cúng trong lễ hội vòng đời người của dân tộc Êđê: Lễ cúng người mẹ mang thai, lễ đặt tên - thổi tai cho trẻ sơ sinh, ...lễ đeo vòng, lời cúng trong lễ bỏ mả

Ký hiệu phân loại: 392.0959765 L462C
Số ĐKCB: DC.001667

195 Góp phần bảo tồn văn hóa người Bih Tây Nguyên / Lương Thanh Sơn. - Hà Nội : Thời đại,

Tóm tắt: Giới thiệu đặc điểm vùng cư trú và văn hoá tộc người, văn hoá truyền thống, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá của người Bih (một nhóm người của dân tộc Êđê) ở Tây Nguyên

Ký hiệu phân loại: 305.899 G434P
Số ĐKCB: DC.001668

196 Kinh nghiệm dẫn nước nhập đồng và lịch cổ đá rò của người Mường / Bùi, Huy Vọng. - Hà Nội : Lao động, 2011. - 209tr. ; 21cm

Tóm tắt: Giới thiệu kỹ thuật làm bai, mương, đóng xe cọn nước và bộ lịch trừ đá rò, lịch Sao Ro

Ký hiệu phân loại: 398.095976 K312N
Số ĐKCB: DC.001666

197 Quả bầu vàng / Trương Bi, Y Wơn. - Hà Nội : Văn hoá thông tin, 2011. - 257tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.208999 QU-100B
Số ĐKCB: DC.001664, DC.001665

198 Truyện cổ dân gian dân tộc Mường / St., bd.: Quách Giao, Hoàng Thao. - Hà Nội : Văn hoá dân tộc, 2011. - 439tr ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899592 TR527C
Số ĐKCB: DC.001662, DC.001663

199 Kho tàng tục ngữ và thành ngữ dân gian M'nông : Song ngữ M'Nông - Việt / Điểu Kâu st., bs.; Linh Nga Niê Kđăm chỉnh lý tiếng Việt, chú thích; Điểu Thị Mai chú thích. - Hà Nội : Văn hoá, 2010. - 294tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.9095976 KH400T
Số ĐKCB: DC.001677, DC.001678

200 Tổng quan văn hoá truyền thống các dân tộc Việt Nam / Hoàng Nam. - Hà Nội : Văn hoá dân

Tóm tắt: Giới thiệu: dân số, lịch sử nơi cư trú, kinh tế truyền thống, văn hoá truyền thống các dâ

Ký hiệu phân loại: 398.009597 T455Q
Số ĐKCB: DC.001684

201 Phong tục tập quán các dân tộc Việt Nam / Tuyển chọn và biên soạn: Đặng Văn Lung, Nguyễn Sông Thao, Hoàng Văn Trụ. - Hà Nội : Văn hoá dân tộc, 2011. - 1095tr. ; 24cm

Tóm tắt: Giới thiệu lễ tết: tết nhảy (dân tộc Dao), lễ uống rượu mừng năm mới (dân tộc Êđê), tết của người Mã liềng...; tục hội: hội ok om bok, hội đua ghe ngo, hội hoa ban...; ẩm thực; hôn nhân; sinh đẻ, đặt tên, lá nhạn; tang ma, tín ngưỡng...của các dân tộ

Ký hiệu phân loại: 390.09597 PH431T

Số ĐKCB: DC.001683

202 Chính sách đất đai và văn hoá tộc người : Nghiên cứu trường hợp tại Đắk Lắk: Đa dạng bản sắc: Sách tham khảo / Mai Thanh Sơn. - Hà Nội : Thế Giới, 2011. - 72tr. ; 23cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 306.0959765 CH312S

Số ĐKCB: DC.001681, DC.001682

203 Luật tục người k'Ho Lạch / Krajan Plin. - Hà Nội : Văn hoá dân tộc, 2010. - 219tr. ; 21cm

Tóm tắt: Vài nét về luật tục người K'Ho Lạch: mối quan hệ giữa người với người, hôn nhân và quan hệ nam nữ...; tiếng K'ho lạch; luật tục K'ho Lạch

Ký hiệu phân loại: 390.095976 L504T

Số ĐKCB: DC.001675, DC.001676

204 Nghi lễ lễ hội Êđê / Trương Bi. - Hà Nội : Văn hoá dân tộc, 2010. - 263tr. ; 21cm

Tóm tắt: Giới thiệu nội dung cơ bản của nghi lễ lễ hội Êđê gồm hai hệ thống: Nghi lễ lễ hội vòng đời người và nghi lễ lễ hội vòng cây lúa; thực trạng và giải pháp bảo tồn , phát huy các giá trị văn hoá của nghi lễ lễ hội Êđê hiện nay

Ký hiệu phân loại: 394.260959765 NGH300L

Số ĐKCB: DC.001673, DC.001674

205 Trang phục truyền thống của người Bih / Lương Thanh Sơn. - Hà Nội : Văn hoá dân tộc, 2010.

Tóm tắt: Cung cấp thông tin bước đầu về đời sống kinh tế - xã hội của người Bih; diện mạo và đặc trưng cơ bản của trang phục người Bih trong cộng đồng các dân tộc Tây Nguyên

Ký hiệu phân loại: 391.00959765 TR106P

Số ĐKCB: DC.001669, DC.001670

206 Người Mnông ở Việt Nam = The Mnông in Vietnam / B.s.: Vũ Khánh (ch.b.), Trần Tấn Vịnh, Nguyễn Bảo Cương ; Ban biên tập tin đối ngoại dịch ; Grahame Herbert Whyte h.đ.. - Hà Nội : Thông tấn, 2011. - 170tr. : hình ảnh ; 20cm

Tóm tắt: Giới thiệu các bức ảnh và những bài viết ngắn gọn, cô đọng của các chuyên gia dân tộc học khắc họa chân thực sinh động những nét văn hoá tiêu biểu, đặc sắc của dân tộc Mnông

Ký hiệu phân loại: 305.89593 NG558M

Số ĐKCB: DC.001685, DC.001686

207 Tài liệu hỏi đáp về nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk : Lần thứ XIV nhiệm kỳ 2005 - 2010. - Đắk Lắk : Ban tuyên giáo tỉnh uỷ Đắk Lắk xb', 2006. - 31tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 324.259765071 T103L
Số ĐKCB: DC.001550

208 Bản tin HIV/AIDS : Khu vực Tây Nguyên. Số 2/2010 / Biên tập: Đặng Tuấn Đạt, Phạm Thọ Dược. - Đắk Lắk : Bộ Y tế. Viện vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên xb', 2010. - 70tr. ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 362.1095976 B105T
Số ĐKCB: DC.001549

209 Tuổi trẻ Đắk Lắk kiên quyết đấu tranh chống âm mưu "diễn biến hoà bình" của các thế lực thù địch : Tài liệu tuyên truyền trong thanh, thiếu niên. - Đắk Lắk : Ban tuyên giáo tỉnh uỷ, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh Đắk Lắk xb', 2009. - 84tr. ; 19cm
Tóm tắt: Khái quát truyền thống tuổi trẻ các dân tộc tỉnh Đắk Lắk trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc; vạch trần âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, nhất là đối với thanh thiếu niên từ đó có những hình thức, giải pháp phù hợp đấu tranh làm thất

Ký hiệu phân loại: 324.0959765 T515T
Số ĐKCB: DC.001553, DC.001554

210 Phát huy truyền thống cách mạng đồng bào các dân tộc Đắk Lắk đoàn kết xây dựng quê hương giàu đẹp : Tài liệu tuyên truyền phổ biến rộng rãi trong nhân dân. - Đắk Lắk : Ban tuyên giáo tỉnh uỷ Đắk Lắk xb', 2009. - 100tr. ; 19cm
Tóm tắt: Giới thiệu khái quát truyền thống đoàn kết, đấu tranh cách mạng chống kẻ thù xâm lược; những thành quả to lớn mà Đảng bộ, quân và dân các dân tộc trong tỉnh đã giành được sau hơn 34 năm giải phóng đất nước...

Ký hiệu phân loại: 305.80959765 PH110H
Số ĐKCB: DC.001558

211 Phụ nữ các dân tộc tỉnh Đắk Lắk kiên quyết đấu tranh chống âm mưu "diễn biến hoà bình" của các thế lực thù địch : Tài liệu tuyên truyền trong phụ nữ. - Đắk Lắk : Ban tuyên giáo tỉnh uỷ, Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh Đắk Lắk xb', 2009. - 63tr. ; 19cm
Tóm tắt: Khái quát truyền thống đoàn kết, đấu tranh cách mạng chống kẻ thù xâm lược của phụ nữ các dân tộc Đắk Lắk; sự quan tâm của Đảng, nhà nước đối với tổ chức Hội và thẻ hội viên phụ nữ trong tình hình mới; âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch

Ký hiệu phân loại: 305.480959765 PH400N
Số ĐKCB: DC.001555, DC.001556

Tổng tập văn học dân gian các dân tộc thiểu số Việt Nam. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2010. - t. ; 24cm

212 Tổng tập văn học dân gian các dân tộc thiểu số Việt Nam. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2010. - 1742tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899 T455T
Số ĐKCB: DC.001521

Tổng tập văn học dân gian các dân tộc thiểu số Việt Nam. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2010. - t. ; 24cm

213 Tổng tập văn học dân gian các dân tộc thiểu số Việt Nam. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2010. - 1143tr. ; 24cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2089593 T455T

Số ĐKCB: DC.001522

Tổng tập văn học dân gian các dân tộc thiểu số Việt Nam. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2010. - t. ; 24cm

214 Tổng tập văn học dân gian các dân tộc thiểu số Việt Nam. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2010. - 699tr. ; 24cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.09597 T455T

Số ĐKCB: DC.001523

Tổng tập văn học dân gian các dân tộc thiểu số Việt Nam. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2010. - t. ; 24cm

215 Tổng tập văn học dân gian các dân tộc thiểu số Việt Nam. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2010. - 699tr. ; 24cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.09597 T455T

Số ĐKCB: DC.001524

Khan Đăm Săn và Khan Đăm Kteh Mlan : Sử thi Êđê / Nguyễn Hứu Thấu st., bd., chỉnh lý. - Hà Nội : Chính trị quốc gia, 2003. - t. ; 21cm

216 Khan Đăm Săn và Khan Đăm Kteh Mlan : Sử thi Êđê / Nguyễn Hữu Thấu st., bd., chỉnh lý. - Hà Nội : Chính trị quốc gia, 2003. - 273tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899 KH105Đ

Số ĐKCB: DC.001533, DC.001534

Văn hoá dân gian các dân tộc thiểu số. - Hà Nội : Đại học Quốc gia, 2010. - t. ; 21cm

217 Văn hoá dân gian các dân tộc thiểu số / Phan Đăng Nhật st., bs.. - Hà Nội : Đại học Quốc gia, 2010. - 224tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 V115H

Số ĐKCB: DC.001508, DC.001509

Truyện dân gian dân tộc Mường / Bùi Thiện st., bs.. - Hà Nội : Văn hoá dân tộc, 2010. - 2 tập ; 21cm

218 Truyện dân gian dân tộc Mường / Bùi Thiện st., bs.. - Hà Nội : Văn hoá dân tộc, 2010. - 307tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20895924 TR527D

Số ĐKCB: DC.001505

Truyện dân gian dân tộc Mường / Bùi Thiện st., bs.. - Hà Nội : Văn hoá dân tộc, 2010. - 2 tập ; 21cm

219 Truyện dân gian dân tộc Mường / Bùi Thiện st., bs.. - Hà Nội : Văn hoá dân tộc, 2010. - 289tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20895924 TR527D
Số ĐKCB: DC.001504

220 Nghi lễ truyền thống của người Bu Nong (M'Nông) / Tô Đông Hải st., bd.. - Hà Nội : Văn hoá dân tộc, 2010. - 325tr. ; 21cm

Tóm tắt: Giới thiệu phong tục tập quán của người Bu Nong: nghi lễ thuộc vòng đời, vòng sinh trưởng của cây lúa, những nghi lễ liên quan đến phong tục, tập quán và sinh hoạt cộng đồng

Ký hiệu phân loại: 390.09597 NGH300L
Số ĐKCB: DC.001512, DC.001513

221 Tục ngữ Thái : Giải nghĩa / Quán Vi Miên st., bd.. - Hà Nội : Dân Trí, 2010. - 713tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.909597 T506N
Số ĐKCB: DC.001519

222 Nghi lễ vía trùa của người Mường / Hoàng, Anh Nhân. - Hà Nội : Dân Trí, 2010. - 224tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.09597 NG300L
Số ĐKCB: DC.001501, DC.001502

223 Vấn đề giao đất giao rừng và định canh định cư vùng đồng bào các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên / Nguyễn Văn Nam (Ch.b). - Hà Nội : Chính trị Quốc gia, 2010. - 126tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 333.3309597 V121Đ
Số ĐKCB: DC.001536

224 Những bông hoa của rừng. - Hà Nội : Văn hoá dân tộc, 2008. - 51tr. : ảnh ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001548

225 Niên giám thống kê tỉnh Đắk Lắk 2010. - Đắk Lắk : Cục thống kê tỉnh Đắk Lắk, 2010. - 265tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001559, DC.001560

226 Niên giám thống kê tỉnh Đắk Lắk 2009. - Đắk Lắk : Cục thống kê tỉnh Đắk Lắk, 2010. - 265tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001529, DC.001530

227 Người Êđê ở Việt Nam = The Ede in Vietnam / B.s.: Vũ Quốc Khánh (ch.b.)...[và những người khác]. - Hà Nội : Thông tấn, 2010. - 165tr. : ảnh ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001528

228 Người Nùng ở Việt Nam = The Nung in Vietnam / Vũ Quốc Khánh (ch.b); ...[và những người khác]. - Hà Nội : Thông tấn, 2010. - 163tr. : ảnh ; 20cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001526, DC.001527

229 Người Hmông ở Việt Nam = The Hmong in Vietnam / B.s.: Vũ Quốc Khánh (ch.b.)...[và những người khác]. - Hà Nội : Thông tấn VNA Publishing house, 2005. - 169tr. : ảnh ; 29cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001525

230 Tục ngữ, câu đố và trò chơi trẻ em Mường / Bùi Thiện s.t., biên dịch, giới thiệu. - Hà Nội : Văn hoá dân tộc, 2010. - 425tr. : ảnh ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001497

231 Xường cài hoa dân tộc Mường / Vương Anh s.t., biên dịch, giới thiệu. - Hà Nội : Văn hoá dân tộc, 2010. - 860tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001506

232 Giông lấy khiên đao bok kei dei. Giông, giơ đi săn chém cọp của Dăm Hơ Dang : Sử thi Ba Na = Giông năm iok khêl đao bok kei dei. Giông, giơ lua kỏh kỏ tơ dăm hơ dang. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2006. - 909 tr ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 GI-455L
Số ĐKCB: DC.001644, DC.001338

233 Giông lấy nàng Bia phu. Giông đánh quỷ Bung lung : Sử thi Ba Na = Giông oei kơ bia phu. Giông tơblăh kiăk Bung lung. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2006. - 1066tr. ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây nguyên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 GI-455L
Số ĐKCB: DC.001336, DC.001605

234 Bing con Măch xin làm vợ yang. Tiăng lấy lại ché rlung chim phượng hoàng ở bon Kla : Sử thi Mnông = Biêng kon măch hao sai a yang. tiăng sok rlung kring bon kla / St.: Tô Đông Hải, Điểu Kâu; Me Luynh nghệ nhân hát kể; Điểu Kâu dịch sang tiếng Việt. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2006. - 730tr ; 24cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 B311C
Số ĐKCB: DC.001296, DC.001646

235 Lùa cây bạc, cây đồng : Sử thi Mnông = Vă tơm prăk, tơm kông. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2006. - 778tr. ; 24cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)

Tóm tắt:

Ngôn ngữ

236 Từ điển Tày - Việt : Khoảng 10.000 từ ngữ / Lương Bèn (Ch.b)... [và những người khác]. - Thái Nguyên : Đại học Thái Nguyên, 2011. - 390tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 495.9103 T550Đ

Số ĐKCB: DC.001756, DC.001757

237 Tìm hiểu ngôn ngữ các dân tộc ở Việt Nam / Tạ Văn Thông (Ch.b)...[và những người khác]. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2009. - 474tr. ; 24cm

Tóm tắt: Nghiên cứu về ngôn ngữ một số dân tộc thiểu số ở Việt Nam: Ngữ âm tiếng cuối, hệ thống ngữ âm tiếng Cơ tu, tiếng Chăm, tiếng Hán Tạng; phương ngữ người Hà tĩnh; cách xưng hô trong tiếng Tày...

Ký hiệu phân loại: 495.9 T310H

Số ĐKCB: DC.001716, DC.001717

238 Những vấn đề chính sách ngôn ngữ và giáo dục ngôn ngữ vùng dân tộc thiểu số Việt Nam = Language policy and education in ethnic minorities region of Vietnam / Trần Trí Dõi. - Hà Nội : Đại học Quốc gia, 2011. - 534tr. ; 24cm

Tóm tắt: Giới thiệu một số văn bản thể hiện chính sách ngôn ngữ và giáo dục ngôn ngữ vùng dân tộc thiểu số ở Việt Nam và những công trình nghiên cứu về vấn đề này

Ký hiệu phân loại: 495.9 NH556V

Số ĐKCB: DC.001648, DC.001649

239 Nông dân các dân tộc tỉnh Đắk Lắk kiên quyết đấu tranh chống âm mưu "diễn biến hoà bình" của các thế lực thù địch : Tài liệu tuyên truyền trong nông dân. - Đắk Lắk : Ban tuyên giáo tỉnh uỷ, Hội nông dân tỉnh Đắk Lắk xb', 2009. - 87tr. ; 19cm

Tóm tắt: Khái quát truyền thống cách mạng của Hội nông dân, những thành tựu trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, nông dân ở Đắk Lắk thời gian qua...

Khoa học tự nhiên

240 Tiến sĩ Phú Yên : Thanh niên , 2019 - 475tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 509.59765 23/T305S

Số ĐKCB: DC.002328, DC.002329, DC.002330

241 Sổ tay về voi : Nxb. Hà Nội , 2022 - 20tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.022014, TN.022015, TN.022016, DC.002216, DC.002217, DC.002218, LD.052118, LD.052119, LD.052120, LD.052121, LD.052122

242 Hôn nhân và gia đình dân tộc Nùng / Nguyễn Thị Ngân, Trần Thùy Dương. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 2008. - 319 tr ; 19 cm
Tóm tắt:

Công nghệ (Khoa học ứng dụng)

243 Voi Tây Nguyên / Nilmura Yoko; Higuchi Hoa dịch. - Hà Nội : Kim Đồng, 2013. - 27tr. : ảnh ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 639.959765 V428T
Số ĐKCB: DC.001822, DC.001823, DC.001824

244 Nghề thủ công truyền thống của các dân tộc Tây Nguyên / Linh Nga Niê Kđăm. - Hà Nội :
Tóm tắt: Khái quát về các tộc người ở Tây Nguyên: Người Jrai, Êđê, Sê Đăng, Bahnar, M'nông, K'ho; nghề thủ công truyền thống: nghề dựng nhà, nghề trang trí nóc và đan lát mây tre, nghề mộc...; vai trò của nghề thủ công trong đời sống cộng đồng quá khứ và hiện

Ký hiệu phân loại: 680.095976 NGH250T
Số ĐKCB: DC.001679, DC.001680

245 Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ 2006 - 2010 = Results of science and technology research 2006 - 2010. - Đắk Lắk : Viện khoa học kỹ thuật nông lâm nghiệp Tây Nguyên xb', 2011. - 269tr. ; 27cm
Tóm tắt:

Nghệ thuật và vui chơi giải trí

246 Nhạc cụ dân gian Ê đê, M' Nông / Vũ, Lân : Văn hoá dân tộc , 2008 - 307tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 784.1959765 23/NH101C
Số ĐKCB: DC.002460, DC.002461

247 Tượng gỗ dân gian các tộc người Ba Na, Gia Rai / Hoàng, Thị Thanh Hương : Văn hoá dân tộc
Tóm tắt: Nghiên cứu về tượng gỗ dân gian và lực lượng nghệ nhân tạc tượng người Ba Na, Gia Rai. Những vấn đề về bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hoá dân tộc qua hệ thống tượng gỗ của các tộc người này.

Ký hiệu phân loại: 731.46209597 23/T561G
Số ĐKCB: DC.002472, DC.002473

248 Âm nhạc cồng chiêng Tây Nguyên : Văn hóa - thông tin , 2009 - 112tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 786.88430959765 23/Â120N
Số ĐKCB: DC.002322

249 Người con của núi rừng - 20tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 700 23/NG558C
Số ĐKCB: DC.002486, DC.002487

250 Hải Dương - Phú Yên 60 năm son sắt nghĩa tình : Sở Thông tin và truyền thông tỉnh Hải Dương
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 782.4209597 23/H103D
Số ĐKCB: DC.002494, DC.002495, DC.002496

251 Nghệ thuật múa dân gian các dân tộc thiểu số Tây Nguyên / Lý, Sol : Sân khấu , 2016 - 230tr. ;

Tóm tắt: Khái quát về nghệ thuật diễn xướng và nghệ thuật múa dân gian Tây Nguyên; âm nhạc và thực trạng múa dân gian Tây nguyên trong cuộc sống hiện nay.
Ký hiệu phân loại: 793.3195976 23/NGH250T
Số ĐKCB: DC.002291

252 Nhạc cụ truyền thống của người Ê Đê trong không gian nhạc cụ Tây Nguyên / Lý, Vân Linh Niê KDam : Văn hoá dân tộc , 2024 - 251tr. ; 21cm

Tóm tắt: Khái quát nhạc cụ truyền thống về người Ê Đê, sự hình hành âm nhạc dân gian Tây Nguyên, thực trạng và giải pháp gìn giữ, bảo tồn nhạc cụ dân gian Tây Nguyên
Ký hiệu phân loại: 781.62095976 23/NH101C
Số ĐKCB: DC.002274, DC.002275

253 Âm nhạc Đắk Lắk 2015 - 2020 - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 782.4209597 23/Â120N
Số ĐKCB: DC.002253

254 Nghệ thuật múa dân gian các dân tộc thiểu số Trường Sơn - Tây Nguyên / Lý, Sol : Văn hoá dân tộc , 2020 - 227tr. ; 21cm

Tóm tắt: Giới thiệu nghệ thuật diễn xướng dân gian(múa)về đời sống kinh tế - xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo ... của gần 30 tộc người dân tộc thiểu số ở Trường Sơn - Tây Nguyên.
Ký hiệu phân loại: 793.3195976 23/NGH250T
Số ĐKCB: DC.002246

255 Yêu sao Đắk Lắk hôm nay : Văn hoá dân tộc , 2020 - 107tr. ; 29cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 782.42 23/Y259S
Số ĐKCB: DC.002264, DC.002265, DC.002305, DC.002302

256 Ca khúc về đề tài dân tộc thiểu số miền núi : Văn hoá dân tộc , 2021 - 444tr. ; 29cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 782.42 23/C100K
Số ĐKCB: DC.002178, DC.002179

257 Kpă Púi Cuộc đời và sự nghiệp / Linh Nga Niê Kdam : Văn hoá dân tộc , 2020 - 303tr. ; 21cm

Tóm tắt: Giới thiệu về tiểu sử, cuộc đời và sự nghiệp của nhạc sĩ, nhà văn Kpăc Púi, một số tác phẩm của ông và bài viết của các tác giả khác về ông
Ký hiệu phân loại: 780.92 23/KP112P
Số ĐKCB: DC.002186

258 Âm nhạc cồng chiêng Tây Nguyên / Bùi, Trọng Hiền : Văn hoá dân tộc , 2021 - 447 tr. ; 21 cm

Tóm tắt: Trình bày cấu tạo, phương pháp kích âm và biên chế các dàn cồng chiêng, thang âm, bài bản và nghệ thuật diễn tấu cồng chiêng Tây Nguyên

Số ĐKCB: PD.043145, PM.073729, PM.073730, DC.002191, DC.002192, DC.002193

259 Dân ca Mường : Phần tiếng Việt / Bùi Thiện s.t., biên dịch. - Hà Nội : Văn hoá dân tộc, 2010. -

Tóm tắt: Trình bày những nét đặc trưng về dân ca Mường. Nguồn gốc - nội dung - hình thức dân ca Mường. Giới thiệu các làn điệu dân ca Mường như hát Lời thương, hát Xắc bùa, hát Mỡi... và một số bản nhạc dân ca Mường

Ký hiệu phân loại: 782.42162 14/D121C

Số ĐKCB: DC.001499

260 Dân ca Mường : Phần tiếng Mường / Bùi Thiện s.t., biên dịch. - Hà Nội : Văn hoá dân tộc,

Tóm tắt: Giới thiệu các làn điệu dân ca Mường và một số bản nhạc dân ca Mường

Ký hiệu phân loại: 782.42162 14/D121C

Số ĐKCB: DC.001500

261 Âm nhạc các dân tộc thiểu số Trường Sơn - Tây Nguyên 1955- 2017 / Linh Nga, Niê Kdam : Văn hoá dân tộc , 2017 - 300tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: PD.039687, PD.039688, PM.068321, DC.002128, DC.002129, PM.068322, PM.068323, DC.002292

262 Nghệ thuật múa dân gian các dân tộc thiểu số Tây Nguyên / Lý, Sol : Sân khấu , 2016 - 230tr. ;

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 793.3195976 23/NGH250T

Số ĐKCB: DC.002114, DC.002200, DC.002201

263 Nghệ thuật diễn xướng dân gian Êđê, Bih ở Đăk Lăk / Linh Nga Niê KDam. - Hà Nội : Thời

Tóm tắt: Khái lược về người Êđê, Bih ở Đắk Lắk. Nghệ thuật diễn xướng dân gian Êđê, Bih. Nghệ thuật diễn xướng trong cộng đồng Êđê, Bih

Ký hiệu phân loại: 781.6200959762 NGH250T

Số ĐKCB: DC.001787

264 Nghệ thuật diễn xướng Ê đê. Bih ở Đắk Lắk / Linh Nga Niê Kđăm. - Hà Nội : Thời đại, 2014. -

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 781.6200959765 NGH250T

Số ĐKCB: DC.001786

265 Âm nhạc dân gian dân tộc Êđê Kpă và Jrai / Lý Vân Linh Niê Kđăm, Lê Xuân Hoan. - Hà Nội : Văn hoá dân tộc, 2012. - 419tr. ; 21cm

Tóm tắt: Tìm hiểu về nhạc cụ cổ truyền của người Êđê Kpă ở vùng Tây Nguyên và một số đặc trưng cơ bản của âm nhạc Jrai

Ký hiệu phân loại: 782.42162 Â-120N

Số ĐKCB: DC.001738, DC.001739

266 Xường trai gái dân tộc Mường / Sưu tầm, dịch: Bùi Chí Hăng. - Hà Nội : Văn hoá dân tộc,

Tóm tắt: Giới thiệu làn điệu xường trong dân ca Mường về cuộc sống được phiên âm tiếng Mườ

Ký hiệu phân loại: 782.42162 X561T
Số ĐKCB: DC.001748, DC.001749

267 Dân ca Gia Rai : Song ca Gia Rai - Việt / Nguyễn Quang Tuệ st. và bd.. - Hà Nội : Văn hoá dân tộc, 2012. - 342tr. ; 21cm

Tóm tắt: Ghi chép về quá trình sưu tầm, nghiên cứu ca dao, dân ca Gia Rai, Ba Na ở Gia Lai với nội dung về tình bạn, tình yêu, hôn nhân, gia đình, quê hương, lao động...

Ký hiệu phân loại: 782.42162 D121C
Số ĐKCB: DC.001703, DC.001704

268 Các làn điệu dân ca Raglai = Manhĩ Siri Adoh Raglai / Chamaliaq Riya Tienq, Trần Kiêm Hoàng. - Hà Nội : Thanh niên, 2012. - 562tr. ; 21cm

Tóm tắt: Sưu tầm, ghi chép các bài sử thi, các làn điệu dân ca của bà con Raglai lằng tiếng Raglai và Tiếng Việt trên địa bàn huyện Khánh Sơn tỉnh Khánh Hoà

Văn học

269 Phú Yên một thời để nhớ : Thư viện Phú Yên , 2003 - 488tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.922803 23/PH500Y
Số ĐKCB: DC.002364, DC.002365, DC.002366

270 Tàu không số bến vũng Rô : Hội nhà văn , 2024 - 330tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92208 23/T111K
Số ĐKCB: DC.002346, DC.002347, DC.002348

271 Sư đoàn cánh nam / Thiên Lương : Hội văn học nghệ thuật Đắk Lắk , 1995 - 136tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.922334 23/S550Đ
Số ĐKCB: DC.002323

272 Người lính ra đi từ làng cát / Ngô, Minh Thơ : Hồng Đức , 2025 - 296tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92283403 23/NG558L
Số ĐKCB: DC.002352, DC.002353, DC.002354

273 Còn mãi với thời gian / Nguyễn, Tường Thuật : Thanh niên , 2014 - 215tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92283403 23/C430M
Số ĐKCB: DC.002358, DC.002359, DC.002360

274 Vết thương báo thức / Nguyễn, Đình Hãn : Câu lạc bộ thơ Đam San - Trung Tâm văn hóa tỉnh Đắk Lắk , 2022 - 120tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92214 23/V258T
Số ĐKCB: DC.002327

275 Những ký ức về nhà đày Buôn Ma Thuột : Ban tuyên giáo tỉnh ủy Đắk Lắk , 2000 - 228tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.922803 23/NH556K
Số ĐKCB: DC.002318

276 Kể chuyện Dam San / Lê, Thành Văn : Văn hoá dân tộc , 2021 - 71tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92214 23/K250C
Số ĐKCB: DC.002482, DC.002483

277 Văn học Phú Yên năm 50 thống nhất : Hội nhà văn , 2017 - 326tr. ; 21cm
Tóm tắt: Giới thiệu về những tác phẩm tiêu biểu trong suốt nửa thế kỷ qua, với ba mảng chính: thơ, văn xuôi, lý luận phê bình

Ký hiệu phân loại: 895.92209 23/V115H
Số ĐKCB: DC.002385, DC.002386, DC.002387

278 Ký ức Tây Nguyên / Đặng, Vũ Hiệp : Quân đội nhân dân , 2000 - 370tr. ; 21cm
Tóm tắt: Khắc hoạ rõ nét tập thể cán bộ, chiến sĩ và người dân Tây Nguyên thông qua những hành động anh hùng và những phẩm chất tốt đẹp của họ được thể hiện trong cuộc chiến tranh kiên trì, sáng tạo

Ký hiệu phân loại: 895.9228403 23/K600Ư
Số ĐKCB: DC.002309

279 Miên viễn trời xanh / Trần, Phố : Hội nhà văn , 2023 - 106tr. ; 18 cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92214 23/M305V
Số ĐKCB: DC.002267

280 Cánh diều hình nốt nhạc / Niê Thanh Mai - 148tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/C107D
Số ĐKCB: DC.002268, DC.002269

281 Những câu chuyện thật / Vũ, Mỹ Dung : Hồng Đức , 2025 - 237tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: PD.045193, PM.076743, PM.076744, LD.054256, LD.054257, LD.054258, DC.002271, DC.002272

282 Hãy cứ cười / Vũ, Mỹ Dung : Hồng Đức , 2024 - 239r. ; 21cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: PD.045194, PM.076745, PM.076746, LD.054270, LD.054271, DC.002282, DC.002283

283 Rừng cổ tích / Đặng, Bá Tiến : Hội nhà văn , 2012 - 91tr. ; 19x18,5cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92214 23/R556C
Số ĐKCB: DC.002254

284 Chớp bể mưa nguồn / Bích Thêm : Nxb. Tp. Hồ Chí Minh , 2019 - 199tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9228408 23/CH466B
Số ĐKCB: DC.002250

285 Tình thơ Tây Nguyên : Hội nhà văn , 2018 - 203tr. ; 20cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.92210084 23/T312T
Số ĐKCB: DC.002244

286 Giọt nắng Cao Nguyên / Nguyễn, Duy Xuân : Hội nhà văn , 2013 - 108tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.92214 23/V250B
Số ĐKCB: DC.002243

287 Trầm ca / Đàm, Lan : Hội nhà văn , 2018 - 453tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.92214 23/TR120C
Số ĐKCB: DC.002242

288 Cung trầm / Bích Xoan : Hội nhà văn , 2018 - 93tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9221 23/C513T
Số ĐKCB: DC.002241

289 Về Ban Mê đi anh / Nguyễn, Duy Xuân : Văn hoá dân tộc , 2021 - 71tr. ; 20cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.92214 23/V250B
Số ĐKCB: DC.002222, DC.002223, DC.002224

290 Dã quỳ và em / Nguyễn, Duy Xuân : Văn hoá dân tộc , 2021 - 84tr. ; 20cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.922834 23/D100Q
Số ĐKCB: DC.002219, DC.002220, DC.002221

291 Chầm chậm Luang Prabang / H'Linh, Niê : Văn hoá dân tộc , 2019 - 199tr. ; 20cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9228403 23/CH120C
Số ĐKCB: DC.002202, DC.002203

292 Thơ văn Dak Lak 2006 - 2010 : Văn hoá dân tộc , 2010 - 266tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.92214 14/TH460V
Số ĐKCB: DC.002225

293 Tây Nguyên trôi / Văn, Công Hùng : Nxb. Hội Nhà văn , 2019 - 411tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.92283403 23/T126N
Số ĐKCB: DC.002184, DC.002185, DC.002257

294 Tình một thuở / Linh Vũ : Nxb. Hội Nhà văn , 2005 - 57tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Lịch sử và địa lý

295 Tây Nguyên ngày nay : Văn hoá Dân tộc , 2003 - 142tr. ; 21cm

Tóm tắt: Gồm các bài nghiên cứu về Tây Nguyên trên các phương diện: Đặc điểm dân cư, văn hoá truyền thống, tín ngưỡng, tôn giáo Tây Nguyên dưới tác động của quá trình chuyển biến dân cư, vấn đề phát triển du lịch văn hoá dân tộc ở Tây Nguyên...

Ký hiệu phân loại: 915.976 23/T126N
Số ĐKCB: DC.002474, DC.002475

296 Sắc lệnh và sắc phong cho đức Quận công Lương Văn Chánh của vua Lê, các Chúa Nguyễn và Vua Nguyễn từ 1596 đến 1909 : [Knxb] , 2011 - 24tr. ; 22cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.765 23/S113P
Số ĐKCB: DC.002379, DC.002380, DC.002381

297 Chiến thắng đường 5 Phú Yên Xuân 1975 : Quân đội nhân dân , 2008 - 225tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.765 23/CH305T
Số ĐKCB: DC.002373, DC.002374, DC.002375

298 Vũng Rô - những chuyến tàu lịch sử : Sở Khoa học và công nghệ - 124tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.765 23/V513R
Số ĐKCB: DC.002370, DC.002371, DC.002372

299 Huyền thoại Đường Hồ Chí Minh trên biển : Văn học , 2024 - 816tr. ; 21cm

Tóm tắt: Gồm các bài viết, bài nghiên cứu về lịch sử, vai trò, ý nghĩa của đường Hồ Chí Minh trên biển; đóng góp, hy sinh của quân và dân đã tạo nên những kỳ tích lịch sử của con đường Hồ Chí Minh trên biển và bài học đối với sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quố

Ký hiệu phân loại: 959.70442 23/H527T
Số ĐKCB: DC.002376, DC.002377, DC.002378

300 Thành cổ ở Phú Yên tư liệu và nhận thức / Đặng, Văn Thắng : Đại học Quốc gia Tp. Hồ chí
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.765 23/TH107C
Số ĐKCB: DC.002367, DC.002368, DC.002369

301 Lịch sử Phú Yên kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975) : Ban tuyen giáo tỉnh ủy ,
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.765 23/L302S
Số ĐKCB: DC.002437, DC.002438, DC.002439

302 Lịch sử căn cứ địa cách mạng tỉnh Phú Yên trong kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945 - 1975) : Chính trị Quốc gia - Sự thật , 2013 - 450tr. ; 21cm

Tóm tắt: Giới thiệu cơ sở hình thành căn cứ địa cách mạng ở Phú Yên. Trình bày quá trình xây dựng căn cứ địa cách mạng ở Phú Yên trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954) và giữ gìn, phát triển, xây dựng căn cứ địa cách mạng trong kháng chiến chống Mỹ

Ký hiệu phân loại: 959.765 23/L302S
Số ĐKCB: DC.002427, DC.002428, DC.002429

303 Phú Yên - Đất và người / Trần, Huyền Ân : Văn hoá Văn nghệ , 2019 - 435tr. ; 21cm

Tóm tắt: Ghi lại lịch sử, vị trí địa lí, thiên nhiên, đời sống kinh tế - xã hội, đời sống tinh thần, các di tích và nhân vật lịch sử của vùng đất Phú Yên kể từ thuở những lưu dân người Việt theo bước chân Lương Văn Chánh đến đây mở đất lập nghiệp cho đến ngày

Ký hiệu phân loại: 959.765 23/PH500Y

Số ĐKCB: DC.002424, DC.002425, DC.002426

304 Lương Văn Chánh / Nguyễn, Văn Thưởng : Từ điển Bách khoa , 2011 - 242tr. ; 21cm

Tóm tắt: Giới thiệu về thân thế Lương Văn Chánh cùng với sự nghiệp và công lao của ông trong quá trình tham gia mở đất, chiêu tập lưu dân, khai khẩn đất hoang, tạo lập thôn ấp, làng xã, ổn định đời sống và những dấu ấn của ông trên vùng đất Phú Yên

Ký hiệu phân loại: 959.704092 23/L561V

Số ĐKCB: DC.002430, DC.002431, DC.002432

305 Memory of Tây Nguyên (The Central Highlands) / Dang Vu Hiep : Thế Giới Publishers , 2021 -

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7043 23/M202 O

Số ĐKCB: DC.002315

306 Đất và người Tây Nguyên : Nxb. Văn hoá Sài Gòn , 2007 - 340tr. ; 21cm

Tóm tắt: Tập hợp các bài viết của nhiều nhà nghiên cứu, nhà báo, nhà khảo cổ... viết về con người, về văn hoá, lịch sử, vùng đất, lễ hội của Tây Nguyên

Ký hiệu phân loại: 915.976 23/Đ124V

Số ĐKCB: DC.002314

307 Địa danh Phú Yên : Văn hoá thông tin , 2014 - 527tr. ; 21cm

Tóm tắt: Giới thiệu địa danh, con người, lịch sử, văn hoá ... của vùng đất Phú Yên

Ký hiệu phân loại: 959.765 23/Đ301D

Số ĐKCB: DC.002406, DC.002407, DC.002408

308 Hải Dương - Phú Yên lịch sử, tiềm năng phát triển (1960 - 2020) : Hải Dương , 2020 - 295tr. ;

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.765 23/H103D

Số ĐKCB: DC.002334, DC.002335, DC.002336

309 Đề cương tuyên truyền kỷ niệm 100 năm hình thành và phát triển, 30 năm chiến thắng Buôn Ma Thuột, Giải phóng tỉnh Đắk Lắk : Nxb. Đắk Lắk , 2004 - 112tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.765 23/Đ205C

Số ĐKCB: DC.002321

310 Quân dân Phú Yên góp phần đánh bại cuộc hành quân Át-Lăng : Nxb. Phú Yên , 2004 - 316tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.765 23/QU-121D

Số ĐKCB: DC.002337, DC.002338, DC.002339

311 Đất phú trời Yên / Trần, Sĩ Huệ : Lao động , 2011 - 563tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.765 23/Đ124P

Số ĐKCB: DC.002340, DC.002341, DC.002342

312 Tiểu sử tóm tắt các đồng chí Bí thư tỉnh ủy Đắk Lắk qua các thời kỳ : Nxb. Đắk Lắk , 2005 -

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 920.00959765 23/T309S
Số ĐKCB: DC.002324

313 Thông tin các di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk : Nxb. Đắk Lắk , 2021 - 104tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.765 23/TH455T
Số ĐKCB: DC.002325

314 Phú Yên kháng chiến chống thực dân Pháp 1945 - 1954 : Ban tuyên giáo Tỉnh uỷ , 1995 -

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.765 23/PH500Y
Số ĐKCB: DC.002391, DC.002392, DC.002393

315 Địa chí Phú Yên : Chính trị Quốc gia , 2003 - 1091tr. ; 21cm

Tóm tắt: Giới thiệu địa lý, lịch sử, kinh tế, văn hoá xã hội ... của Phú Yên

Ký hiệu phân loại: 915.9765 23/Đ101C
Số ĐKCB: DC.002388, DC.002389, DC.002390

316 Lịch sử Đảng bộ Quân sự tỉnh Phú Yên (1945 - 2020) : Quân đội nhân dân , 2020 - 547tr. ;

Tóm tắt: Giới thiệu tổng quan về địa lý, tài nguyên, vị thế địa quân sự; Đảng lãnh đạo các lực lượng vũ trang tỉnh kháng chiến chống thực dân Pháp , chống Mỹ và trong thời kỳ xây dựng và bảo vệ tổ quốc thời hiện đại

Ký hiệu phân loại: 959.765 23/L302S
Số ĐKCB: DC.002409, DC.002410, DC.002411

317 Di tích lịch sử văn hoá và danh lam thắng cảnh tiêu biểu ở Phú Yên / Nguyễn, Danh Hạnh : Thông tin và truyền thông , 2016 - 171tr. ; 20cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.765 23/D300T
Số ĐKCB: DC.002491, DC.002492, DC.002493

318 Đá bia huyền ảo / Nguyễn, Hoài Sơn : Khoa học xã hội , 2013 - 115tr. ; 21cm

Tóm tắt: Giới thiệu về núi Đá Bia trong tâm thức người dân Phú Yên và qua các tài liệu ghi chép. Hình tượng Đá Bia trong truyện kể dân gian, thơ, thư tịch dân gian, điêu khắc, hội hoạ, âm nhạc và nhiếp ảnh. Đá Bia gắn kết một vùng văn hoá du lịch hấp dẫn như:

Ký hiệu phân loại: 915.9765 23/Đ100B
Số ĐKCB: DC.002362, DC.002363, DC.002361

319 Tây Nguyên, những chặng đường lịch sử - văn hoá / Nguyễn, Tuấn Triết : Khoa học xã hội ,

Tóm tắt: Tổng quan về địa lí, dân cư vùng Tây Nguyên. Những nét chính trên chặng đường lịch sử - văn hoá Tây Nguyên từ trước công nguyên đến nay

Ký hiệu phân loại: 959.776 23/T126N
Số ĐKCB: DC.002442, DC.002443

320 Đình - Miếu - Lăm - Lăng ở Phú Yên / Nguyễn, Đình Chúc : Thông tin và Truyền Thông ,

Tóm tắt: Trình bày khái quát về đình miếu Phú Yên (sự xuất hiện, ý nghĩa, kiến trúc, cách thờ phụng...) và tín ngưỡng dân gian về đối tượng thờ phụng. Đồng thời, giới thiệu 63 đình, đền; 3 lễm; 9 miếu và 3 lăng ở Phú Yên

Ký hiệu phân loại: 959.765 23/Đ312M
Số ĐKCB: DC.002412, DC.002413, DC.002414

321 Phú Yên một thời để nhớ : Sở VHTT , 2001 - 416tr. ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.65 23/PH500Y
Số ĐKCB: DC.002415, DC.002416, DC.002417

322 Di tích lịch sử - văn hóa Tây Nguyên : Thông tin và truyền thông , 2019 - 252tr. ; 21cm
Tóm tắt: Giới thiệu một số di tích lịch sử, di tích văn hoá đặc sắc ở Tây Nguyên qua Di chỉ khảo cổ An Khê, di chỉ khảo cổ Biển Hồ, quần thể di tích Tây Sơn Thượng đạo, di tích lịch sử văn hoá Plei Ơi, di chỉ khảo cổ Lung Leng, nhà rông Kon Rbàng, khu nhà mồ

Ký hiệu phân loại: 959.76 23/D300T
Số ĐKCB: DC.002306

323 Nhớ lại những năm ở nhà đày Buôn Ma Thuột / Nguyễn, Hữu Khiếu : Chính trị quốc gia ,
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.765 23/NH460L
Số ĐKCB: DC.002308

324 Ký ức một thời với Tây Nguyên : Quân đội nhân dân , 2020 - 399tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7043 23/K600Ư
Số ĐKCB: DC.002288, DC.002289, DC.002290

325 Lời Bác dặn / Nguyễn, Duy Xuân : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ chí Minh , 2025 - 144tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7043 23/L462B
Số ĐKCB: DC.002277, DC.002278

326 Kỷ yếu hội thảo khoa học Đắk Lắk - 120 năm hình thành và phát triển (22/11/1904 - 22/11/2024) : Nxb. Đắk Lắk , 2024 - 448tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.765 23/K600Y
Số ĐKCB: DC.002296

327 Tây Nguyên ngày ấy / Lê, Cao Đài : Hội nhà văn , 2008 - 511tr. ; 21cm

Tóm tắt: Ghi lại cuộc sống và chiến đấu của những người bác sĩ quân y ở chiến trường Tây Nguyên trong cuộc kháng chiến chống Mỹ

Ký hiệu phân loại: 959.7043 23/T126N
Số ĐKCB: DC.002249

328 Thông tin các di tích lịch sử, văn hoá và danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk : Nxb.Đắk Lắk , 2021 - 104tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 915.9765 23/TH455T
Số ĐKCB: DC.002239, DC.002240

329 Tài liệu thuyết minh về du lịch Đắk Lắk : Thông Tấn , 2020 - 128tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 915.9765 T103L
Số ĐKCB: DC.002210, DC.002211, DC.002212

330 Di tích lịch sử - văn hoá Tây Nguyên : Thông tin và Truyền thông , 2020 - 250tr. ; 21cm
Tóm tắt: Giới thiệu một số di tích lịch sử, di tích văn hoá đặc sắc ở Tây Nguyên qua Di chỉ khảo cổ An Khê, di chỉ khảo cổ Biển Hồ, quần thể di tích Tây Sơn Thượng đạo, di tích lịch sử văn hoá Plei Ơi, di chỉ khảo cổ Lung Leng, nhà rông Kon Rbàng, khu nhà mồ

Ký hiệu phân loại: 959.76 23/D300T
Số ĐKCB: DC.002204, DC.002205

331 Thầm thức cùng tiếng chim : Thơ / Trần Phố. - Hà Nội : Văn học, 2010. - 83tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92214 14/TH120T
Số ĐKCB: DC.001545, DC.001546

332 Hạ xanh 12 / Phạm Thành An ... [và những người khác]. - Đắk Lắk : Hội Văn học nghệ thuật Đắk Lắk xb', 2009. - 172tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223408 H100X
Số ĐKCB: DC.001766

333 Krông Năng một miền thơ. - Đắk Lắk : Hội Văn học nghệ thuật Đắk Lắk, 2008. - 134tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223408 KR455N
Số ĐKCB: DC.001765

334 Tác phẩm báo chí chọn lọc năm 2008. - Đắk Lắk : Hội nhà báo Việt Nam tỉnh Đắk Lắk xb',
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9228408 T101P
Số ĐKCB: DC.001781, DC.001782

335 Hẹn với mùa thu : Thơ. - Đắk Lắk : Hội văn học nghệ thuật Đắk Lắk xb', 2009. - 170tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9221408 H203V
Số ĐKCB: DC.001783, DC.001784, DC.001785

336 Lời đầu năm với em : Thơ / Hương Vũ. - Buôn Ma Thuột : Hội Văn học Nghệ thuật Đắk Lắk
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92214 L462Đ
Số ĐKCB: DC.001767, DC.001768, DC.001769

337 Người mở đất : Kỷ niệm 30 năm thành lập công ty (23/10/1978 - 23/10/2008). - Gia Lai : Công ty CP In & DVVH Gia Lai, 2008. - 164tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9228 NG558M
Số ĐKCB: DC.001821

338 Bên dòng EaBuk : Truyện ngắn / Trương Công Đản. - Đắk Lắk : Hội văn học nghệ thuật Đắk
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.922334 B254D
Số ĐKCB: DC.001758

339 Giọt mưa ngâu : Thơ / Xuân Khoá. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn nghệ, 2004. - 51tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92214 GI-435M
Số ĐKCB: DC.001759

340 Thú rừng Tây Nguyên / Thiên Lương; Thuỳ Dung vẽ hình. - In lần thứ 4. - Hà Nội : Kim
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 TH500R
Số ĐKCB: DC.001713

341 Cánh chim bay cao = Píc nộc bân slung : Thơ song ngữ Nùng - Việt / Hoàng, Choóng. - Hà Nội : Văn hoá dân tộc, 2010. - 128tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.91 C107C
Số ĐKCB: DC.001714

342 Lửa thức : Trường ca / Nguyễn Văn Tao. - Hà Nội : Hội nhà văn, 2011. - 102tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92214 L551T
Số ĐKCB: DC.001671, DC.001672

343 Ngày mai sáng rỡ : Tập truyện ngắn / Niê Thanh Mai. - Hà Nội : Văn hoá dân tộc, 2010. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 NG112M
Số ĐKCB: DC.001552

344 Lời đầu năm với em : Thơ / Hương Vũ. - Đắk Lắk : Hội văn học nghệ thuật Đắk Lắk xb', 2009.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92214 L462Đ
Số ĐKCB: DC.001547

345 Thơ Krông Pắk. - Hà Nội : Văn học, 2010. - 176tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92214 TH460K
Số ĐKCB: DC.001543, DC.001544

346 Miền ký ức : Tản văn - truyện ngắn / Sơn Thuý. - Hà Nội : Hội nhà văn, 2010. - 103tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9228403 M305K
Số ĐKCB: DC.001551

347 Ban Mê hoài niệm : Thơ / Diệu Thuỷ. - Hà Nội : Hội nhà văn, 2011. - 68tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9221 B105M
Số ĐKCB: DC.001537, DC.001538

348 Mùa bão qua : Tập truyện / Vũ Mỹ Dung. - Hà Nội : Văn học, 2011. - 314tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 M501B
Số ĐKCB: DC.001535

349 Lạc giữa lòng Mường : Tập truyện ngắn. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 2008. - 397 tr. ; 19cm. - (Tủ sách văn hóa các dân tộc thiểu số)
Tóm tắt:

350 Thuỷ chung cùng năm tháng : Chính trị Quốc gia , 2011 - 587tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 9597.65 23/TH529C
Số ĐKCB: DC.002382, DC.002383, DC.002384

351 Cõi hồng / Bùi, Minh Vũ : Hội nhà văn , 2017 - 131tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 89592234 23/C428H
Số ĐKCB: DC.002245

352 Đồng, 2018. - 214tr. ; 21cm
T. 3 : Tạm biệt. - 2018. - 214tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/T105B
Số ĐKCB: DC.002127, PD.039192, PM.067959

353 Đồng, 2018. - 226tr. ; 21cm
T. 2 : Trôi dạt. - 2018. - 226tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/T105B
Số ĐKCB: DC.002126, PD.039191, PM.067958

354 Đồng, 2018. - 234tr. ; 21cm
T. 1 : Tan biến. - 2018. - 234tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/T105B
Số ĐKCB: DC.002125, PD.039190, PM.067957

355 Tấm lòng quê : Thơ / Diệu Thủy. - Dak Lak : Hội Văn học nghệ thuật, 1996. - 67tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: ĐC.85(92) T120L
Số ĐKCB: DC.000051, DC.000052

356 Người Tây Nguyên theo Đảng, theo Bác Hồ : Mnuih buôn sang Tây Nguyên Hluê Nao Hõng Đảng, Hõng Awa Hồ. - Dak Lak : Nxb. Dak Lak, 2005. - 120tr. ; 19cm
T.01 : Hdruôm I. - 2005. - 120tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 959.7040922 NG558T
Số ĐKCB: DC.002142

357 . - 2015. - 160tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/H561R
Số ĐKCB: DC.002094, DC.002095

358

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001414, DC.001415, DC.001416

359 Tây Nguyên trên đường phát triển bền vững. - Hà Nội : Chính trị quốc gia, 2006. - 422tr. ;

Tóm tắt: Cung cấp thông tin về những thành tựu đã đạt được trong phát triển kinh tế - xã hội những năm qua; Những tiềm năng và thế mạnh của vùng và cả những yếu kém và hạn chế chưa khắc phục được; Những hoạch định chiến lược phát triển cho tương lai.

Ký hiệu phân loại: 338.095976 23/T126N
Số ĐKCB: DC.002171

360 Từ loại danh từ tiếng Ê - Đê : Sách chuyên khảo / Nguyễn Minh Hoạt. - Hà Nội : Đại học quốc gia Hà Nội, 2018. - 180tr. ; 24cm

Tóm tắt: Khái quát về văn hóa và ngôn ngữ của người Ê Đê và đặc điểm ngôn ngữ Ê Đê: Từ loại, danh từ chung, danh từ riêng

Ký hiệu phân loại: 499.2 23/T550L
Số ĐKCB: DC.002169, DC.002170

361 Vì Tây Nguyên bình yên và phát triển / Đồng ch.b: Nguyễn Văn Tài, Văn Đức Thanh. - Hà Nội : Chính trị quốc gia sự thật, 2019. - 372tr. ; 24cm

Tóm tắt: Cung cấp những luận giải về tăng cường quốc phòng, an ninh trong mối quan hệ với phát triển bền vững các vấn đề kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, mô trường; Khảo sát những vấn đề thực tiễn , rút ra kinh nghiệm và bài học, trên cơ sở đó dự báo nhữ

Ký hiệu phân loại: 355.033095976 23/V300T
Số ĐKCB: DC.002168

362 Sư đoàn 470 - 40 năm chiến đấu, xây dựng và trưởng thành : 1970 - 2010. - In lần thứ 2, có sữa chữa, bổ sung. - Hà Nội : Quân đội nhân dân, 2010. - 436tr. ; 21cm

Tóm tắt: Cung cấp những hoạt động của sư đoàn trên những chặng đường chiến đấu và xây dựng trong bối cảnh chung của quân đội và đất nước.

Ký hiệu phân loại: 355.70959765 23/S550Đ
Số ĐKCB: DC.002165

363 Lịch sử bộ đội biên phòng tỉnh Đắk Lắk : 1975 - 2020. - Hà Nội : Thông tin và truyền thông,

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 355.3510959765 23/L302S
Số ĐKCB: DC.002163

364 Lịch sử Đảng Bộ huyện Ea H'Leo : 1945 - 2005. - Hà Nội : Chính trị quốc gia, 2010. - 378tr. ;

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 324.25970750959765 23/L302S
Số ĐKCB: DC.002160

365 Hội đồng nhân dân huyện Krông Năng khóa I, II, II, IV : 1987 - 2004. - Đắk Lắk : Nxb. Đắk
Tóm tắt: Tập hợp , giới thiệu chân dung các đại biểu hội đồng nhân dân huyện trong cơ cấu tổ cl
Ký hiệu phân loại: 352.140959765 23/H452Đ
Số ĐKCB: DC.002158

366 Biến đổi không gian văn hóa buôn làng Ê Đê ở Buôn Ma Thuột từ sau 1975 đến nay / Đặng Hoài Giang. - Hà Nội : Đại học quốc gia Hà Nội, 2019. - 292tr. ; 21cm
Tóm tắt: Tình hình nghiên cứu và lí luận về không gian văn hoá buôn làng. Cộng đồng và không gian buôn làng Ê Đê. Quá trình biến đổi cấu trúc không gian văn hoá buôn làng Ê Đê. Xu hướng và vấn đề đặt ra từ quá trình biến đổi không gian văn hoá buôn làng Ê Đê
Ký hiệu phân loại: 305.89990959765 23/B305Đ
Số ĐKCB: DC.002154, DC.002155

367 Truyện kháng chiến về đề tài dan tộc miền núi từ 1945 - 1975 / Nguyễn Minh Trường. - Hà Nội : Đại học quốc gia Hà Nội, 2019. - 372tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223409 23/TR527K
Số ĐKCB: DC.002152, DC.002153

368 Màu Thổ cẩm : Thơ / Bùi Minh Vũ. - Hà Nội : Hội nhà văn, 2019. - 168tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.92214 23/M111T
Số ĐKCB: PD.041606, DC.002146, DC.002147, PM.071333

369 Tiếng nổ rung chuyển Cao Nguyên : Truyện, Ký / Nguyễn Hữu Trí. - Hà Nội : Quân đội nhân
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.922334 23/T306N
Số ĐKCB: DC.002145

370 Hồi ức mùa xuân / Nguyễn Hữu Trí. - Đắk Lắk : Hội văn học nghệ thuật Đắk, 1998. - 120tr. ;
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 959.7043 23/H452Ư
Số ĐKCB: DC.002143

371 Công ty cao su Đắk Lắk tuổi 20. - Hà Nội : Lao động, 2006. - 152tr. ; 27cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 338.70959765 23/C455T
Số ĐKCB: DC.002172

372 Viện vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên 30 năm xây dựng và trưởng thành 1975 - 2005. - Hà Nội : Y
Tóm tắt: Tập hợp các bức ảnh về 30 năm hoạt động của viện vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên
Ký hiệu phân loại: 362.11 23/V305V
Số ĐKCB: DC.002173

373 Huyện Ea H'Leo tỉnh Đắk Lắk. - Đắk Lắk : Nxb. Đắk Lắk, 2010. - 206tr. ; 29cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 324.25970750959765 23/H527E
Số ĐKCB: DC.002174

374 Bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại huyện, thị xã, thành phố (cấp huyện) trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. - Đắk Lắk : Nxb. Đắk Lắk, 2009. - 604tr. ; 29cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 342.59765066 23/B450T
Số ĐKCB: DC.002175

375 Văn hóa các tộc người thiểu số tại chỗ Tây Nguyên : Truyền thống, biến đổi và các vấn đề đặt ra / Lê Hồng Lý...[và những người khác]. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2019. - 476tr. ; 21cm
Tóm tắt: Khái quát bối cảnh tự nhiên, kinh tế, dân cư, quan hệ tộc người và các chính sách phát triển Tây Nguyên. văn hóa truyền thống và hiện trạng văn hóa các dân tộc thiểu số ở Tây nguyên...

Ký hiệu phân loại: 305.80095976 23/V115H
Số ĐKCB: PD.040933, PM.070204, DC.002166, DC.002167

376 Khi mẹ vắng nhà : Dành cho trẻ em từ 5 - 12 tuổi Tập truyện ngắn / Nguyễn Thị Bích Thiêm. - Hà Nội : Văn học, 2018. - 199tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/KH300M
Số ĐKCB: PD.040653, PM.069755, PM.069756, DC.002150, DC.002151

377 Chớp bể mưa nguồn : Tản văn / Bích Thêm. - Tp. Hồ Chí Minh : Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh,
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9228408 23/CH466B
Số ĐKCB: PM.069757, PM.069758, DC.002148, DC.002149, PD.040652

378 Đại ngàn / Khôi Nguyên. - Hà Nội : Hội Nhà văn, 2018. - 760tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/Đ103N
Số ĐKCB: PD.040597, DC.002164, PM.069614

379 Chút nắng mùa đông / Sơn Thúy. - Dak Lak : Hội văn học nghệ thuật Dak Lak xb', 2006. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 598.9223 23/CH522N
Số ĐKCB: DC.000522

380 Di sản văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên. - Hà Nội : Văn hóa Dân tộc, 2018. - 510 tr. ; 24 cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 390.095976 23/D300S
Số ĐKCB: DC.002130, DC.002131, DC.002304

381 Chính sách đối với dân tộc thiểu số của nhà nước quân chủ Việt Nam (từ năm 939 đến năm 1884) / Nguyễn Minh Tường (ch.b.), Lê Đình Sỹ, Nguyễn Đức Nhuệ. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2017. - 495 tr. : bản ; 24 cm
Tóm tắt: Giới thiệu vài nét về đất nước Việt Nam và mấy vấn đề chung về dân tộc thiểu số Việt Nam. Trình bày chính sách đối với dân tộc thiểu số dưới triều Ngô - Đinh - Tiền Lê - Lý (939-1225); chính sách đối với dân tộc thiểu số dưới triều Trần - Hồ (1225-14

Ký hiệu phân loại: 959.702 23/CH312S
Số ĐKCB: PD.039872, PM.068658, DC.002132, DC.002133

382 Vai trò của các dân tộc thiểu số tại chỗ trong phát triển bền vững vùng Tây Nguyên / Bùi Minh Đạo. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2017. - 260 tr. : bảng ; 24 cm

Tóm tắt: Trình bày khái quát về vai trò của các dân tộc thiểu số tại chỗ Tây Nguyên trước đổi mới và trong phát triển bền vững Tây Nguyên từ năm 1986 đến nay. Quan điểm, kiến nghị, giải pháp phát huy vai trò của các dân tộc thiểu số tại chỗ trong phát triển b

Ký hiệu phân loại: 338.95976 23/V103T
Số ĐKCB: PD.039871, PM.068659, DC.002134, DC.002135

383 Một số vấn đề về liên kết vùng trong phát triển bền vững Tây Nguyên : Sách chuyên khảo / Lê Anh Vũ (ch.b). - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2017. - 336 tr. : bảng, biểu đồ ; 24 cm. - (ĐTTS ghi: Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam. Viện Phát triển bền vững vùng)

Tóm tắt: Trình bày cơ sở lý luận và kinh nghiệm thực tiễn về liên kết vùng; thực trạng liên kết nội vùng Tây Nguyên; quan điểm, giải pháp đẩy mạnh liên kết nội vùng Tây Nguyên đến năm 2020

Ký hiệu phân loại: 338.9597607 23/M 458 S
Số ĐKCB: DC.002136, DC.002137

384 Cẩm nang pháp luật dành cho đồng bào dân tộc thiểu số. - Hà Nội : Hồng Đức, 2018. - 200tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 342.597087209597 23/C120N
Số ĐKCB: PD.039851, PM.068606, DC.002138, DC.002139, PM.068607

385 Ngôn ngữ các dân tộc ở Việt Nam / Tạ Văn Thông, Tạ Quang Tùng. - Thái Nguyên : Đại Học Thái Nguyên, 2017. - 726 tr. ; 21cm

Tóm tắt: Giới thiệu những bài viết nghiên cứu về ngôn ngữ theo các chủ đề ngữ âm - tiếng địa phương - chữ viết, lịch sử - so sánh, ngữ pháp và ngôn ngữ - xã hội

Ký hiệu phân loại: 495.9227 23/NG454N
Số ĐKCB: PM.068634, DC.002140, DC.002141, PD.039817, PM.068635

386 Tái cơ cấu kinh tế Tây Nguyên theo hướng phát triển bền vững : Sách chuyên khảo / Bùi Quang Tuấn. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2016. - 402tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 338.95976 23/T103C
Số ĐKCB: PD.038404, PM.066837, PM.066838, DC.002300, DC.002301

387 Lịch sử Đảng bộ thị xã Buôn Ma Thuột : 1930 - 1975. - Đắk Lắk : Nxb. Đắk Lắk, 2014. -
Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.033478, LD.033482, DC.002161, DC.002162, LD.033479, LD.033480, LD.033481

388 Quan hệ dân tộc xuyên quốc gia ở Việt Nam - Nghiên cứu tại vùng Tây Nguyên / Đồng ch.b: Trần Minh Hằng, Nguyễn Công Thảo. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2016. - 216tr. : hình vẽ, bảng ; 21cm

Tóm tắt: Trình bày khái quát về Tây Nguyên và các điểm nghiên cứu. Thực trạng quan hệ dân tộc xuyên quốc gia và những yếu tố tác động đến quan hệ dân tộc; những tác động của quan hệ dân tộc xuyên quốc gia đến phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng, an ninh

Ký hiệu phân loại: 305.80095976 23/QU105 H

Số ĐKCB: PD.038266, PM.066585, PM.066586, DC.002121, DC.002122

389 Di cư của người dân tộc thiểu số đến Tây Nguyên từ năm 1975 đến năm 2015 : Sách chuyên khảo / Nguyễn Duy Thụy. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2016. - 348tr. : bảng ; 21cm

Tóm tắt: Nghiên cứu điều kiện tự nhiên, xã hội Tây Nguyên, những yếu tố tác động đến việc di cư của người dân tộc thiểu số; thực trạng di cư tự do và đời sống của đồng bào di cư; ảnh hưởng của vấn đề di cư đối với kinh tế, xã hội của vùng đất này

Số ĐKCB: DC.002124, PD.038267, PM.066583, PM.066584, DC.002123, DC.002281

390 Cõi hồng : Tiểu thuyết / Bùi Minh Vũ. - Hà Nội : Hội Nhà Văn, 2017. - 132tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/C428H

Số ĐKCB: DC.001754, DC.002120

Truyện cổ M'Nông / Trương Thông Tuấn (s.t., giới thiệu). - Hà Nội : Hội nhà văn, 2016. - 355tr. ; 21cm

391 Truyện cổ M'Nông / Trương Thông Tuấn (s.t., giới thiệu). - Hà Nội : Hội nhà văn, 2016. - 355tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 23/T527C

Số ĐKCB: DC.002119

Truyện cổ M'Nông / Trương Thông Tuấn (s.t., giới thiệu). - Hà Nội : Hội nhà văn, 2016. - 442tr. ; 21cm

392 Truyện cổ M'Nông / Trương Thông Tuấn (s.t., giới thiệu). - Hà Nội : Hội nhà Văn, 2016. - 442tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 23/T527C

Số ĐKCB: DC.002118

393 Xên Mường / Lường Thị Đại ch.b., Chu Thùy Liên, Lò Văn Hoàng. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2016.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 394.269597177 23/X254M

Số ĐKCB: DC.002115

394 Luật tục Mường / Cao Sơn Hải s.t., d., khảo cứu. - Hà Nội : Hội nhà văn, 2016. - 411tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 390.0899592 23/L504T

Số ĐKCB: DC.002117

395 Mo vía của người Mường / Bùi Văn Hợi tìm hiểu, giới thiệu. - Hà Nội : Hội nhà văn, 2016. -

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 392.08995920597 23/M400V

Số ĐKCB: DC.002116

396 Dân ca M'nông / Trương Thông Tuấn st., phân loại và nghiên cứu. - Hà Nội : Hội nhà văn,

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.808995930597 23/D121C
Số ĐKCB: DC.002112

397 Những biểu tượng đặc trưng trong văn hoá dân gian Mường / Bùi Huy Vọng. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2016. - 342tr. : ảnh, bảng ; 21cm

Tóm tắt: Khái quát về đời sống tín ngưỡng, phong tục và hệ thống biểu tượng trong văn hoá Mường. Tìm hiểu một số biểu tượng tượng trưng cho sự sống, số mệnh, đời sống tâm linh của người Mường như cây si, cây mía, lửa, nước, cặp biểu tượng hươu - cá - chim, cồ

Ký hiệu phân loại: 398.208995920597 23/NH556B
Số ĐKCB: DC.002113

398 Hình tượng người phụ nữ trong sử thi Tây Nguyên / Nguyễn Thị Thu Trang. - Hà Nội : Văn hoá dân tộc, 2016. - 166tr. ; 21cm

Tóm tắt: Khái quát về sử thi Tây Nguyên. Phân tích vẻ đẹp và vai trò của người phụ nữ trong sử

Ký hiệu phân loại: 398.2095976 23/H312T
Số ĐKCB: DC.002110

399 Câu đố dân gian Ê Đê / Trương Thông Tuần. - Hà Nội : Sân khấu, 2016. - 206tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.608999059765 23/C125Đ
Số ĐKCB: DC.002111

400 Thực hiện pháp luật về dân chủ ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn các tỉnh Tây Nguyên : LATS Luật học : 62.38.01.01 / Đỗ Văn Dương. - Hà Nội : Lý luận chính trị, 2014. - 171tr. ; 30cm + 1 tt

Tóm tắt: Phân tích khái niệm pháp luật về dân chủ ở xã, phường, thị trấn; khái niệm, đặc điểm, hình thức thực hiện pháp luật về dân chủ ở xã, phường, thị trấn; vai trò và các điều kiện bảo đảm thực hiện pháp luật về dân chủ ở xã, phường, thị trấn. Khái quát h

Ký hiệu phân loại: 342.597085 23/TH552H
Số ĐKCB: DC.002108

401 Trên những chặng đường đất nước : Nam Trung Bộ & Tây Nguyên / Nguyễn Xuân Hoàng... [và những người khác] ; Nguyễn Sông Lam tuyển chọn. - Hà Nội : Thanh niên, 2013. - 351tr. ; 21cm

Tóm tắt: Những bài viết của nhiều tác giả về con người, thiên nhiên, cuộc sống sinh hoạt của người dân, sự sống của muôn loài động thực vật, về địa danh lịch sử, danh lam thắng cảnh vùng Nam Trung Bộ và Tây Nguyên

Ký hiệu phân loại: 915.97 23/TR254N
Số ĐKCB: DC.002109

402 Sổ tay truyền thông xây dựng làng bản văn hoá / B.s.: Hà Văn Tăng, Vũ Mộc Miên. - Hà Nội : Văn hoá dân tộc, 2014. - 95tr. ; 20cm

Tóm tắt: Trình bày những khái niệm, yếu tố cơ bản về xây dựng làng bản văn hoá; quan điểm, đường lối của Đảng, nhà nước về xây dựng làng bản văn hoá

Ký hiệu phân loại: 306.409597 23/S450T
Số ĐKCB: DC.002107

403 Sổ tay công tác dành cho người có uy tín ở vùng dân tộc thiểu số / Hà Anh b.s.. - Hà Nội : Văn hoá dân tộc, 2014. - 95tr. : ảnh ; 20cm

Tóm tắt: Phân tích vị trí, vai trò của người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc; nội dung hoạt động của người có uy tín trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc; kinh nghiệm hoạt động thực tiễn của người c

Ký hiệu phân loại: 305.9307772 23/S450T
Số ĐKCB: DC.002106

404 Tây Nguyên không có "Lễ hội đâm trâu" : Thấy, ghi chép và nghĩ / H'Linh Niê. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 2016. - 190tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9228403 23/T126N
Số ĐKCB: DC.002103, DC.002104

405 Bài trừ hủ tục để cuộc sống tốt đẹp hơn / B.s.: Vi Hoàng, Hà Anh. - Hà Nội : Chính trị Quốc gia Văn hoá dân tộc, 2014. - 119tr. ; 21cm. - (Tủ sách Xã - Phường - Thị trấn)

Tóm tắt: Trình bày về những hủ tục - rào cản đối với sự phát triển xã hội và việc bài trừ hủ tục để xây dựng đời sống mới cùng các giải pháp và kinh nghiệm bài trừ hủ tục ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số

Ký hiệu phân loại: 363.408995922 23/B103T
Số ĐKCB: DC.002105

406 Hỏi đáp chính sách dạy nghề chuyên biệt và giải quyết việc làm cho con em dân tộc thiểu số. - Hà Nội : Lao động Xã hội, 2015. - 121tr. ; 21cm

Tóm tắt: Trình bày đưới dạng hỏi - đáp những quy định chung về giáo dục nghề nghiệp và chính sách dạy nghề đối với con em dân tộc thiểu số

Ký hiệu phân loại: 344.5970767 23/H428Đ
Số ĐKCB: DC.002102

407 Những từ có nguy cơ thất truyền trong đời sống hàng ngày của người Êđê vùng Krông Ana (Đắk Lắk) = Dŭm boh hră amra luĭč wơr hlăm klei hdĭp aguah tlam djuê ana Êđê krĭng krông ana (Dak Lak) : Tài liệu bổ trợ cho việc giảng dạy tiếng Êđê / Lương Thanh Sơn (Ch.b.). - Hà Nội : Thế giới, 2015. - 248tr. ; 21cm

Tóm tắt: Giới thiệu một số từ vựng tiếng Êđê ít được sử dụng trong đời sống hàng ngày mà thường dùng trong các câu chuyện cổ, các lời nói vần, lời cúng, bài hát...

Ký hiệu phân loại: 495.92257 23/NH556T
Số ĐKCB: DC.002099, DC.002100, DC.002101

408 Nguyên sơ : Thơ / Nguyễn Đức Khẩn. - Hà Nội : Văn học, 2012. - 129tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92214 23/NG527S
Số ĐKCB: DC.002096, DC.002097, DC.002098

409 Giếng hoang / Nguyễn Anh Đào. - Hà Nội : Nxb. Hà Nội, 2016. - 158tr. ; 20cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/GI-255H
Số ĐKCB: DC.002092, DC.002093

410 Sang mùa : Thơ / Hồ Hồng Lĩnh. - Hà Nội : Hội Nhà văn, 2016. - 104tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.92214 23/S106M
Số ĐKCB: DC.002090, DC.002091

411 Lễ cúng bến nước (Tuh pin êa) của dân tộc Ê Đê tỉnh Đắk Lắk / B.s.: Y Wai Byă (ch.b.),...[và những người khác] ; Ảnh: Ngô Minh Đức. - Hà Nội : Văn hoá dân tộc, 2014. - 47tr. : tranh màu ; 18cm
Tóm tắt: Giới thiệu về ý nghĩa và nghi thức lễ cúng bến nước của đồng bào Ê Đê ở Đắk Lắk như: cúng tại bến nước; cúng thần cây cối ven đường; cúng thần đất; lễ tạ ơn các vị thần linh; cúng ông bà đã khuất... kèm theo các hình ảnh minh hoạ
Ký hiệu phân loại: 390.08995930597 23/L250C
Số ĐKCB: DC.002087, DC.002088, DC.002089

412 Giá trị văn hóa truyền thống Tây Nguyên với phát triển bền vững / Trần Đại Quang...[và những người khác]. - Hà Nội : Chính trị Quốc gia, 2016. - 407tr. : sơ đồ ; 24cm
Tóm tắt: Tập hợp các bài viết, bài nghiên cứu phân tích về văn hoá Tây Nguyên; thực trạng của việc bảo tồn các giá trị văn hoá và giải pháp nhằm phát huy giá trị văn hoá truyền thống Tây Nguyên trong giai đoạn hiện nay
Ký hiệu phân loại: 306.095976 23/GI-100T
Số ĐKCB: DC.002086

413 Tiếng cười và đồng dao các dân tộc Tày - Thái / S.t., giải nghĩa, chuyển dịch: Trần Trí Dõi, Vi Khăm Mun, Vương Toàn. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2015. - 287tr. ; 24cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.809597 23/T306C
Số ĐKCB: DC.002083, DC.002084

414 Từ điển văn hóa truyền thống các dân tộc Thái - Tày - Nùng / Ch.b: Nguyễn Thị Việt Thanh, Vương Toàn. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2015. - 508tr. ; 24cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 305.89591003 23/T550Đ
Số ĐKCB: DC.002081, DC.002082

415 Diễn xướng nghi lễ di sản văn hóa đặc sắc của dân tộc Mường / Bùi Thiện s.t., biên dịch, giới thiệu ; Hà Lý tuyển chọn, chỉnh lý. - Hà Nội : Văn hoá dân tộc, 2015. - 1239tr. : ảnh màu ; 24cm

Tóm tắt: Giới thiệu những câu chuyện về huyền thoại, huyền tích, sử thi về nguồn gốc loài người, về cuộc chiến sinh tồn, về lao động và những cuộc chiến huyền thoại từ xưa của xứ Mường

Ký hiệu phân loại: 390.08995920597 23/D305X
Số ĐKCB: DC.002079, DC.002080

416 Các dân tộc ít người ở Việt Nam : Các tỉnh phía Nam / Lê Bá thảo... [và những người khác]. - Tái bản có sửa chữa. - 685tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 305.895922 23/C101D
Số ĐKCB: DC.002077, DC.002078

417 Tiểu thuyết Nguyễn Hoàng Thu / Nguyễn, Hoàng Thu. - Hà Nội : Hội nhà văn, 2015. - 622tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/T 309 T
Số ĐKCB: DC.002076

418 Văn học các dân tộc thiểu số Trường Sơn - Tây Nguyên (1975 - 2010) / Linh Nga Niê KDam t.ch, b.s. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 2015. - 503 tr. ; 21 cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92209 23/V 115 H
Số ĐKCB: DC.002074, DC.002075

419 Những từ có nguy cơ thất truyền trong đời sống hàng ngày của người Ê Đê vùng Krông Ana (Đắk Lắk) = Dum Boh Hră Amra Luic Wơr Hlăm klei Hdip Aguah Tlam Djuê Ana Ê Đê Kring Krông ana(Dak Lak) : Tài liệu bổ trợ cho việc giảng dạy tiếng Ê Đê / Lương Thanh Sơn ch.b. - Hà Nội : Thế giới, 2015. - 248 tr. ; 20 cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 415.50959765 23/NH 556 T
Số ĐKCB: DC.002071, DC.002072, DC.002073

420 Niên giám thống kê 2015. - Đắk Lắk : Cục Thống kê tỉnh Đắk Lắk x.b, 2016. - 330 tr. : bảng,
Tóm tắt: Những số liệu cơ bản phản ánh khái quát động thái và thực trạng kinh tế - xã hội của tỉnh Đắk Lắk các năm 2010 - 2015. (trong đó có một số chỉ tiêu năm 2015 là số sơ bộ) được phân theo từng ngành kinh tế, loại hìn

Ký hiệu phân loại: 315.9765 23/N 305 G
Số ĐKCB: DC.001998, DC.001999

421 Lễ cưới truyền thống của dân tộc M Nông Gar / Y Wai Byă nội dung; phòng Nghiệp Vụ Văn hóa s.t, b.s; Y Kiêt Du (Ama Len) d.. - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2011. - 47 tr. : ảnh ; 27 cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 392.50899593059765 23/L 250 C
Số ĐKCB: DC.002000, DC.002001, DC.002002

422 Bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộc Mông : Kỷ yếu hội thảo. - Hà Nội : Vụ Văn hóa dân tộc x.b, 2005. - 327 tr. ; 19 cm

Tóm tắt: Tập hợp các bài viết của nhiều tác giả xung quanh chủ đề Bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộc Mông.

Ký hiệu phân loại: 306.089959305976 23/B 108 T
Số ĐKCB: DC.001986, DC.001987, DC.001988

423 Mdrong Dăm : Sử thi Ê Đê (Bản kể rút gọn) / Y Nuh Niê Nghệ nhân hát kể; S.t: Đỗ Hồng Kỳ, Y Wơn, Nguyễn Thanh Đỉnh; Ama Bik phiên âm; Y Điêng dịch sang tiếng Việt. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2009. - 133 tr. : ảnh ; 19 cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.208999059765 23/M 000 R
Số ĐKCB: DC.001989, DC.001990, DC.001991

424 Thì thầm dân ca nghi lễ / Vi Hồng s.t, b.s, tiểu luận; Hoàng Tuấn Cư g.t. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 2001. - 153 tr. ; 19 cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.809597 23/TH 300 T
Số ĐKCB: DC.001992

425 Lễ cúng bến nước của dân tộc Ê Đê tỉnh Đắk Lắk = Tuh pin êa. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 2014. - 47 tr. : ảnh ; 18 cm

Tóm tắt: Nghi lễ Tuh pin eea (cúng bến nước) là một trong những nghi lễ truyền thống tiieeu biểu của người Ê Đê nói riêng và các dân tộc thiểu số ở vùng Tây Nguyên nói chung. Giáo dục ý thức bảo vệ môi trường thiên nhiên (rừng đâ

Ký hiệu phân loại: 394.08999059765 23/ L 250 C
Số ĐKCB: DC.001995, DC.001996, DC.001997

426 Lịch sử Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Dak Lak (1965 - 2000) : Lưu hành nội bộ. - Đắk Lắk : Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh x.b, 2003. - 367 tr. : ảnh ; 19 cm

Tóm tắt: Tập lịch sử này có sự đóng góp tư liệu quý báu của các thế hệ cán bộ chiến sĩ, các nhân chứng lịch sử trong và ngoài tỉnh. Làm tài liệu chính thức để giáo dục truyền thống cho các thế hệ hôm nay và mai sau

Ký hiệu phân loại: 355.00959765 23/L 302 S
Số ĐKCB: DC.001972

427 Lời chiêng : Thơ. - Đắk Lắk : Hội Văn học Nghệ thuật Đắk Lắk, 2006. - 216 tr. ; 19 cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.922134 23/L 462 C
Số ĐKCB: DC.001971

428 H Điêu : Trường ca của dân tộc Gia Rai 2 ngữ Việt - Gia Rai / s.t, b.s, d.: Y Chiêu, Y Điền. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 1995. - 45 tr. ; 19 cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.80959765 23/H 000 Đ
Số ĐKCB: DC.001970

429 Xây dựng điểm du lịch khu du lịch văn minh / B.s Võ Quế, Minh Anh. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 2013. - 67 tr. : ảnh ; 19 cm
Tóm tắt: Định hướng phát triển du lịch đến năm 2020
Ký hiệu phân loại: 338.7910959765 23/X 126 D
Số ĐKCB: DC.001969

430 Chàng Mơ Hiêng : Sử thi khan Ê Đê / S.t, biên dịch: Bùi Khắc Trường, Y Thi. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 1994. - 68 tr. ; 19 cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.208999059765 23/CH 106 M
Số ĐKCB: DC.001973

431 Vận dụng luật tục Ê Đê vào việc xây dựng gia đình, buôn, thôn văn hóa = Lông Hrô Yua Klei KĐi Ê Đê HLăm BRuă Ngă MDơng Go Esei, buôn, Alu DHar Kreh / S.t, b.s, dịch thuật: Trương Bi, Bùi Minh Vũ, Kna YWơn. - Dak Lak : Sở Văn hóa thông tin Dak Lak, 2003. - 138 tr. ; 19 cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 390.08990059765 23/V 121 D
Số ĐKCB: DC.001974

432 Vận dụng luật tục MNông vào việc xây dựng gia đình, buôn, thôn văn hóa = Dong nau Mpring Dôih An Ton NJêng RNăk Vâl, bon, thôn KLonh Ueh. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 2007. - 119 tr. ; 19 cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 090.089593059765 23/V 121 D
Số ĐKCB: DC.001976

433 Mạch nguồn miền sơn cước : Thơ. - Hà Nội : Lao Động, 2015. - 176 tr. ; 19 cm. - (Câu lạc bộ thơ Hưu Trí & Người Cao Tuổi Tỉnh Đắk Lắk)
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.922134 23/M102N
Số ĐKCB: DC.001975

434 Tác phẩm báo chí chọn lọc năm 2007. - Buôn Ma Thuột : Hội Nhà báo Dak Lak x.b, 2008. -
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 070.57220959765 23/T 101 P
Số ĐKCB: DC.001977

435 Tạ lỗi với dòng sông : Thơ / Đình Khôi. - Dak Lak : Hội Văn học nghệ thuật Dak Lak, 2002. - 38 tr : ảnh ; 24 cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.922134 23/T 100 L
Số ĐKCB: DC.001978

436 Tài liệu hỏi đáp về chống âm mưu "Diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch : Phổ biến rộng rãi trong nhân dân. - Dak Lak : Ban Tuyên giáo tỉnh ủy x.b, 2004. - 120 tr. ; 19 cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 322.420959765 23/T 103 L
Số ĐKCB: DC.001979

437 Luật tục Ê Đê về bảo vệ rừng, đất đai, nguồn nước = Răng m'gang dliê kmrơng, m'gang lăn, êa / Cung cấp nội dung: Y Nuh Niê, Y Pui,...[và những người khác]; s.t, b.s: Trương Bi, Bùi Minh Vũ; Người d. y Wơn Kna, Y Ben Byă. - Đắk Lắk : Sở Văn hóa Thông tin Dak Lak xb', 2006. - 93 tr. ; 19 cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 394.08999059765 23/L 504 T
Số ĐKCB: DC.001980, DC.001981, DC.001982

438 Lời nói vần của dân tộc Ê Đê = Klei Duê Ê đê / Y Wai Byă ch.b; Y Kô Niê d.; st. & b.s.: Phòng Nghiệp vụ Văn hóa Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Đắk Lắk. - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2011. - 235 tr. ; 19 cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.20899059765 23/L 462 N
Số ĐKCB: DC.001983, DC.001984, DC.001985

439 Ngày ấy - bây giờ : Tuyển tập ca khúc / Nguyễn Văn Hạnh. - Gia Lai : Nxb. Hồng Bàng, 2012. - 39 tr. : ảnh ; 24 cm
Tóm tắt: 30 Các bài hát viết về Đắk Lắk
Ký hiệu phân loại: 782.42 23/NG 115 Â
Số ĐKCB: DC.001994

440 Đời nó 3 / Nguyễn Thành Chinh. - Hà Nội : Thời đại, 2014. - 275 tr. : ảnh ký họa ; 21 cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.922134 23/Đ 462 N
Số ĐKCB: DC.001993

441 kể: Điểu GLơi, Điểu MPiơih; s.t: Trương Bi, Tô Đông Hải, Đỗ Hồng Kỳ; Phiên âm dịch sang tiếng Việt: Điểu Kâu. Điểu Thị Mai. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2010. - 1125tr. : ảnh ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)
Chim kéc ăn lúa rẫy của bon Tiăng = Tet sa ba bon Tiăng : Sử thi Mơ Nông / Nghệ nhân hát
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2089959305976 23/CH 310 K
Số ĐKCB: DC.002010

442 kể: Điểu GLơi, Điểu MPiơih; s.t: Trương Bi, Tô Đông Hải, Đỗ Hồng Kỳ; Phiên âm dịch sang tiếng Việt: Điểu Kâu. Điểu Thị Mai. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2010. - 1125tr. : ảnh ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)
Chim kéc ăn lúa rẫy của bon Tiăng = Tet sa ba bon Tiăng : Sử thi Mơ Nông / Nghệ nhân hát
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2089959305976 23/CH 310 K
Số ĐKCB: DC.002009

443 Hồng Kỳ s.t; Điểu Kâu phiên âm, d.. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2006. - 805 tr. : ảnh ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)
Con hổ cắn mẹ Rong = Yau kăp me Rong : Sử thi Mơ Nông / Điểu KLứt Nghệ nhân hát kể; Đỗ Hồng Kỳ s.t; Điểu Kâu phiên âm, dịch sang tiếng Việt. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2006. -

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2089959305976 23/C 430 H
Số ĐKCB: DC.002012

444 Hồng Kỳ s.t; Điểu Kâu phiên âm, d.. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2006. - 805 tr. : ảnh ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)

Con hổ cắn mẹ Rong = Yau kăp me Rong : Sử thi Mơ Nông / Điểu KLứt Nghệ nhân hát kể; Đỗ Hồng Kỳ s.t; Điểu Kâu phiên âm, dịch sang tiếng Việt. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2006. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2089959305976 23/C 430 H
Số ĐKCB: DC.002011

445 nhân hát kể; Đỗ Hồng Kỳ s.t; ghi âm: Lê văn kỳ...[và những người khác]. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2009. - tr. ; cm

Con diều lá cướp Bing con Jri = Klêng pit Bing kon Jri : Sử thi Mơ Nông / Điểu KLứt Nghệ nhân hát kể; Đỗ Hồng Kỳ s.t; ghi âm: Lê Văn Kỳ...[và những người khác]; phiên âm Điểu
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2089959305976 23/C 430 D
Số ĐKCB: DC.002014

446 nhân hát kể; Đỗ Hồng Kỳ s.t; ghi âm: Lê văn kỳ...[và những người khác]. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2009. - tr. ; cm

Con diều lá cướp Bing con Jri = Klêng pit Bing kon Jri : Sử thi Mơ Nông / Điểu KLứt Nghệ nhân hát kể; Đỗ Hồng Kỳ s.t; ghi âm: Lê Văn Kỳ...[và những người khác]; phiên âm Điểu
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2089959305976 23/C 430 D
Số ĐKCB: DC.002013

447 Giông cứu nàng Rang Hu. Giông đi tìm vợ = Giông hoai iok bia Rang Hu. Giông năm Cha akăn : Sử thi Ba Na / A Hon Nghệ nhân hát kể; s.t: Phạm Cao Đạt, Võ Quang Trọng; A JAR phiên âm dịch sang tiếng Việt. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2006. - 605 tr. : ảnh ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 33989.2089859305976 23/GI- 455 C
Số ĐKCB: DC.002023

448 Ama H Wứ. Chàng Dăm Tiông = Ama H Wứ Dăm Tiông : Sử thi Ê Đê / Y Top Nghệ nhân hát kể; Y Điêng s,t, phiên âm, dịch sang tiếng Việt. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2007. - 707 tr. : ảnh ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.208999059765 23/A 100 M
Số ĐKCB: DC.002019

449 Duông ở trên trời. Ông Gieh làm lễ bỏ mả Duông = Gieh choh cham Duông. Duông ôi piêng lăng : Sử thi Xơ Đăng / A AR Nghệ nhân hát kể; Võ Quang Trọng s.t; A JAR phiên âm, dịch sang tiếng Việt. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2010. - 854 tr. : ảnh ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 389.2089959305976 23/D 518 Ơ
Số ĐKCB: DC.002038

450 Lấy hoa bạc, hoa đồng = Sok kao prăk, kao kông : Sử thi Mơ Nông / Điểu KLung Nghệ nhân hát kể; s.t: Đỗ Hồng Kỳ, Trương Bi, Vũ Đức Cường; Điểu Kâu phiên âm, dịch sang tiếng Việt. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2005. - 927 tr : ảnh ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2089959305976 23/L 126 H
Số ĐKCB: DC.002040

451 Lùa cây bạc, cây đồng = Vă tơm prăk, tơm kông : Sử thi Mơ Nông / Me Luynh Nghệ nhân hát kể; Tô Đông Hải s.t; Điểu Kâu phiên âm, dịch sang tiếng Việt. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2006. - 778 tr. : ảnh ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2089959305976 23/L 501 C
Số ĐKCB: DC.002041

452 Đánh trộm cá hồ Lăch. Bán chiêng cổ bon Tiăng = Ntung krau Nglau Lăch. Tăch ching yau bon Tiăng : Sử thi Mơ Nông / Điểu KLứt Nghệ nhân hát kể; s.t: Đỗ Hồng Kỳ, Trương Bi; Điểu Kâu phiên âm, dịch sang tiếng Việt. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2011. - 815 tr. : ảnh ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2089959305976 23/Đ 107 T
Số ĐKCB: DC.002042

453 Giông lấy nàng Bia Phu. Giông đánh quỷ Bung Lung = Giông oei kơ Buia Phu. Giông tơblăh kiăk Bung Lung : Sử thi Ba Na. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2006. - 1066 tr. : ảnh ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2089959305976 23/GI- 455 L
Số ĐKCB: DC.002043

454 Lấy ché con ó của Tiăng = Sok rlung klang ndang klau Tiăng : Sử thi Mơ Nông / Điểu KLung Nghệ nhân hát kể; s.t: Đỗ Hồng Kỳ, Trương Bi; Điểu Kâu phiên âm, dịch sang tiếng Việt. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2006. - 1272 tr. : ảnh ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2089959305976 23/L 126 C
Số ĐKCB: DC.002044

455 Con đỉa nuốt bon Tiăng = Glu sok bon Tiăng : Sử thi Mơ Nông / Điểu KLung Nghệ nhân hát kể; s.t: Đỗ Hồng Kỳ, Trương Bi, Điểu Kâu phiên âm, dịch sang tiếng Việt. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2005. - 1083 tr. : ảnh ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2089959305976 23/C 430 Đ
Số ĐKCB: DC.002045

456 Dăm Duông cứu nàng Bar Mã. Dăm Duông bị bắt làm tôi tớ : Sử thi Xơ Đăng / A AR Nghệ nhân hát kể; Võ Quang Trọng, Lưu danh Doanh; A JAR phiên âm, dịch sang tiếng Việt. - Hà nội : Khoa học xã hội, 2006. - 1128 tr. : ảnh ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20898959305976 23/D 114 D
Số ĐKCB: DC.002033

457 Yơng, Yang lấy ống bạc tượng người = Yơng, Yang sok ding prăk kon nuih : Sử thi Mơ Nông / Điểu KLung Nghệ nhân hát kể; s,t: Đỗ Hồng Kỳ, Trương Bi, Điểu Kâu phiên âm, dịch sang tiếng Việt. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2005. - 1092 tr. : ảnh ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2089959305976 23/Y 645 Y
Số ĐKCB: DC.002034

458 Duông làm thủ lĩnh. Duông làm nhà rông = Duông bê jông. Duông bro tonôl : Sử thi xơ Đăng / A AR Nghệ nhân hát kể; Võ Quang Trọng s.t; A JAR phiên âm, dịch sang tiếng Việt. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2009. - 823 tr. : ảnh ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: D 518 L 23/
Số ĐKCB: DC.002037

459 Duông làm thủ lĩnh. Duông làm nhà rông = Duông bê jông. Duông bro tonôl : Sử thi xơ Đăng / A AR Nghệ nhân hát kể; Võ Quang Trọng s.t; A JAR phiên âm, dịch sang tiếng Việt. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2009. - 823 tr. : ảnh ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2089959305976 23/
Số ĐKCB: DC.002037

460 Châu Chấu khổng lồ ăn bon Tiăng = Sra duk kuăng sa bon Tiăng : Sử thi Mơ Nông / Điểu KLứt Nghệ nhân hát kể; s.t: Đỗ Hồng Kỳ, Trương Bi; Phiên âm dịch sang tiếng Việt: Điểu Kâu, Trương thị Mai. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2011. - 1042 tr. : ảnh ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2089959305976 23/CH 125 C
Số ĐKCB: DC.002036

461 Lễ hội bon Tiăng. Bon tiăng bị sụp = Tâm ngêt bon Tiăng. Rlâm bon Tiăng : Sử thi Mơ Nông / Điểu KLung Nghệ nhân hát kể; Đỗ Hồng Kỳ s.t; phiên âm, dịch sang tiếng Việt: Điểu Kâu, Điểu Thị Mai. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2009. - 716 tr. : ảnh ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2089959305976 23/L 250 H
Số ĐKCB: DC.002039

462 Giông leo mía thần. Giông cứu đói dân làng mọi nơi = Giông gum kon tơ ring pơ ngot hrăn. Giông hao kơtao : Sử thi Ba Na / A Lưu Nghệ nhân hát kể; Võ Quang Trọng s.t; Phiên âm dịch sang tiếng Việt: YTưr, Y Kiưch. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2006. - 1012 tr. : ảnh ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2089656305976 23/Gi- 455 G
Số ĐKCB: DC.002065

463 Lấy ché con ó của Tiăng = Sok rlung klang ndăng klau Tiăng : Sử thi Mơ Nông / Điểu KLung Nghệ nhân hát kể; S.t: Đỗ Hồng Kỳ, Trương Bi, Điểu Kâu phiên âm,dịch sang tiếng Việt. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2006. - 1272 tr. : ảnh ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2089959305976 23/L 126 C
Số ĐKCB: DC.002066

464 Lêng con Rung bị bắt đi bán = Bu tach Lêng kon Rung : Sử thi Mơ Nông / Điểu KLứt Nghệ nhân hát kể; S.t: Đỗ Hồng Kỳ, Trương Bi; Phiên âm dịch sang tiếng Việt: Điểu Kâu, Thị Mai. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2011. - 560 tr. : ảnh ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2089959305976 23/L 255 C
Số ĐKCB: DC.002067

465 Sung, Trang con Mung thăm Tiăng = Sung, Trang kon Mung khâl Tiăng : Sử thi Mơ Nông / Điểu KLung Nghệ nhân hát kể; Đỗ Hồng Kỳ s.t; Điểu Kâu phiên âm, dịch sang tiếng Việt. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2007. - 1487 tr. : ảnh ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2089959305976 23/T 513 T
Số ĐKCB: DC.002068

466 Rôch, Rông bắt hồn lêng = Rôch, Rông guăch huêng Lêng : Sử thi Mơ Nông / Điểu PLang Nghệ nhân hát kể; Tô Đông Hải s.t; Điểu Kâu phiên âm, dịch sang tiếng Việt. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2016. - 619 tr. : ảnh ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 389.2089659305976 23/R 450 H
Số ĐKCB: DC.002070

467 Trâu bon Tiăng chạy đến bon Krơng, Lơng con Jiăng = Mbung rpu bon Tiăng tât Krơng, Lơng kon Jiăng : Sử thi Mơ Nông / Điểu Mpơih Nghệ nhân hát kể; s.t: Trương Bi, Bùi Minh Vũ; Điểu Kâu phiên âm, dịch sang tiếng Việt. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2006. - 575 tr. : ảnh ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2089959305976 23/TR 125 B
Số ĐKCB: DC.002056

468 Hbia Mlin : Sử thi Ê Đê / Y Nuh Niê Nghệ nhân hát kể; s.t: Đỗ Hồng Kỳ, Y Wơn Kna; Ama Bik phiên âm; Y Điêng d.; Nguyễn Văn Toại biên tập. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2007. - 1022 tr. : ảnh ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593059765 23/HB 301 M
Số ĐKCB: PD.039619, DC.002055

469 Ndu, Yang con Sôp đánh bon Tiăng. Con khỉ già ăn Yang con Rung = Ndu, Yang kon Sôp lơih bon Tiăng. Dôk mra sa yang kon rung : Sử thi Mơ Nông / Điểu KLung Nghệ nhân hát kể; s.t: Đỗ Hồng Kỳ, Trương Bi, Tô Đông Hải; Điểu Kâu phiên âm, dịch sang tiếng Việt. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2011. - 811 tr. : ảnh ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2089959305976 23/N000D
Số ĐKCB: DC.002060

470 Bắt con lươn ở suối Dak Huch = Chuh ndung klong Trau Dak Huch : Sử thi Mơ Nông / Điểu Klung Nghệ nhân hát kể; s.t: Đỗ Hồng Kỳ, Trương Bi; Điểu Kâu phiên âm dịch sang tiếng Việt. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2005. - 1057 tr. : ảnh ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2089959305976 23/B 118 C
Số ĐKCB: DC.002058

471 Yang bán Bing con Lông = Yang tăch Bing Kon Lông : Sử thi Mơ Nông / Me Jêch (Thị Dươi) Nghệ nhân hát kể; Tô Đông Hải s.t; Điểu Kâu phiên âm, dịch sang tiếng Việt. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2006. - 671 tr. : ảnh ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2089959305976 23/Y 106 B
Số ĐKCB: DC.002057

472 Cọp bắt cóc Giông thủa bé. Bia Phu bỏ Giông = KLa rôp Giông oei ie. Bia Phu hrech Giông : Sử thi Ba Na / A Lưu Nghệ nhân hát kể; Võ Quang Trọng s.t; Y TƯR phiên âm; Y Kiưch dịch sang tiếng Việt. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2007. - 784 tr. : ảnh ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2089959305976 23/C 434 B
Số ĐKCB: DC.002061

473 Dăm Noi. Diơ hao jrang = Giơ hao jrang : Sử thi Ba Na / Bok AnGep Nghệ nhân hát kể; Nguyễn Quang Huệ s.t; Siu pêt phiên âm, d.. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2006. - 524 tr. : ảnh ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2089959305976 23/D 114 N
Số ĐKCB: DC.002035, DC.002062

474 Xing Nhã. Dăm Trao, Dăm Rao. Anh em Dăm Trao, Dăm Rao : Sử thi Ê Đê / Oi Chun (MMa Hia) Nghệ nhân hát kể; Nguyễn Thị Kim Hoa s.t; Y Điêng phiên âm dịch sang tiếng Việt. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2007. - 902 tr. : ảnh ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.208999059765 23/A 107 E
Số ĐKCB: DC.002030

475 Lêng giành lại cây nêu ở bon Ting, Yông con Gâr = Lêng sok ndring bon Ting, Yông kon Gâr : Sử thi Mơ Nông / Điểu KLứt Nghệ nhân hát kể; s.t: Đỗ Hồng Kỳ, Trương Bi; Thị Mai phiên âm, dịch sang tiếng Việt. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2011. - 1257 tr. : ảnh ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2089959305976 23/L 255 G
Số ĐKCB: DC.002031

476 Kể gia phả sử thi ot ndrong = NKoch yau ot ndrong : Sử thi Mơ Nông / Nghệ nhân hát kể: Điểu Mpiơih...[và những người khác]; s.t: Điểu kâu, Đỗ Hồng Kỳ, Trương Bi; Điểu Kâu phiên âm d.. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2006. - 616 tr. : ảnh ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2089959305976 23/K 250 G
Số ĐKCB: DC.002032

477 Mdrong Dăm : Sử thi Ê Đê / Y Nuh Niê Nghệ nhân hát kể; Đỗ Hồng Kỳ...[và những người khác]; AMa Bik phiên âm; Y Điêng d.. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2006. - 1171 tr. : ảnh ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.208999059765 23/M 000 D
Số ĐKCB: DC.002020

478 Giông lấy khiên đao bok kei Dei. Giông, Giơ đi săn chém cọp của Dăm Hơ Dang. = Giông năm iok kheel đao bok kei Dei. Giông, Giơ lua koh ko tơ Dăm Hơ Dang : Sử thi Ba Na / A Lưu Nghệ nhân hát kể; Võ Quang Trọng s.t; phiên âm , dịch sang tiếng Việt: Y Tử, YKiưch. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2006. - 909 tr. : ảnh ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2089959305976 23/GI- 455 L
Số ĐKCB: DC.002022

479 Amã ChiSa = A mã Cuvau VongCơi : Sử thi Ra Glai / Pôpâr ThìQ Ría Nghệ nhân hát kể; s.t: Ngô Đức Thịnh...[và những người khác] ; Phiên âm dịch sang tiếng Việt: ChammaliAQ Tiêng, Trần Kiêm Hoàng. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2007. - 1115 tr. : ảnh ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899905976 23/A-100 M
Số ĐKCB: DC.002046

480 Tranh chấp bộ chiêng giữa bon Tiăng và Sơm, Sơ con Phan = Sŏk gong bon Tiăng, Sơm, Sơ kon Phan : Sử thi Mơ Nông / Hát kể: Điểu Klung ; S.t.: Đỗ Hồng Kỳ, Trương Bi ; Phiên âm, dịch: Điểu Kâu, Thị Mai. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2011. - 687 tr. : ảnh ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2089959305976 23/TR 107 C
Số ĐKCB: DC.002049

481 Cướp chăn lêng của Jrêng, lêng kon ôt = Pit ôi lêng Jrêng, lêng kon ôt : Sử thi Mơ Nông / Điểu GLơi Nghệ nhân hát kể; Đỗ Hồng Kỳ s.t; ghi âm: Lê Văn Kỳ...[và những người khác]; Điểu Kâu phiên âm dịch sang tiếng Việt. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2005. - 751 tr. : ảnh ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2089959305976 23/C 562 C
Số ĐKCB: DC.002050

482 Tiăng bán tượng gỗ. Cưới vợ cho Yang = Tiăng tăch krăk. Văn ur Yang : Sử thi Mơ Nông / Điểu KLung Nghệ nhân hát kể; s.t: Đỗ Hồng Kỳ, Trương Bi; Điểu Kâu phiên âm, dịch sang tiếng Việt. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2011. - 757 tr. : ảnh ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2089959305976 23/T 300 Ă
Số ĐKCB: DC.002052

483 Giông đi đòi nợ. Giông giết sư tử cứu làng Set. = Giông năm tơ hre. Giông koh kla xa pơlaai Set : Sử thi Ba Na / A Lưu Nghệ nhân hát kể; Võ Quang Trọng s.t; A Jar phiên âm, dịch sang tiếng Việt. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2007. - 952 tr. : ảnh ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2089959305976 23/GI- 455 Đ
Số ĐKCB: DC.002048

484 Bing con Măch xin làm vợ Yang. Tiăng lấy lại ché rlung chim phượng hoàng ở bon kla. = Bing kon Măch hao sai a yang. Ti ăng sok rlung kring bon kla : Sử thi Mơ Nông / Me Luynh Nghệ nhân hất kể; s.t: Tô Đông Hải, Điểu Kâu; Điểu Kâu phiên âm dịch sang tiếng Việt. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2006. - 730 tr. : ảnh ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 3989.2089959305976 23/B 300 N
Số ĐKCB: DC.002047, DC.002069

485 kể; s.t: Đỗ Hồng Kỳ, Vũ Đức Cường, Điểu Kâu phiên âm dịch sang tiếng Việt. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2006. - tr. ; 24 cm

Tiăng cướp Djăn, Dje = Tiăng pit Djăn, Dje : Sử thi Mơ Nông / Điểu KLung Nghệ nhân hát kể; s.t: Đỗ Hồng Kỳ, Vũ Đức Cường; Điểu Kâu phiên âm dịch sang tiếng Việt. - Hà Nội : Khoa
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2089959305976 23/T 300 Ă
Số ĐKCB: DC.002051

486 Anh em KLu, KLa = Ayong KLu, adei Kla : Sử thi Ê Đê / YNuh Niê Nghệ nhân hát kể; s.t: Đỗ Hồng Kỳ, YWơn KNa, AMa Bik phiên âm; Y BLi KBuôr. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2007. - 928 tr. : ảnh ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 23/A 107 E
Số ĐKCB: PD.039653, PM.068273, DC.002053

487 Khing Ju : Sử thi Ê Đê / Y Nuh Niê Nghệ nhân hát kể; s.t: Đỗ Hồng Kỳ, Y Wơn KNa; Y Wơn KNa phiên âm; YKô Niê KDăm dịch sang tiếng Việt. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2007. - 1276 tr. : ảnh ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593059765 23/KH 311 G
Số ĐKCB: DC.002054

488 Tiăng, lêng lấy lại ché yăng be = Tiăng, lêng sok rlung yăng be : Sử thi Mơ Nông / Điểu KLứt Nghệ nhân hát kể; s.t: Đỗ Hồng Kỳ, Trương Bi; Phiên âm dịch sang tiếng Việt: Điểu Kâu, Thị Mai. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2011. - 948 tr. : ảnh ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2089959305976 23/T 300 Ă
Số ĐKCB: DC.002064, PD.039642

489 Lêng nghịch đá thần của Yang = Lêng nuănh mlă Yang : Sử thi ot Ndrong Mơ Nông / Điểu KLứt Nghệ nhân hát kể; Điểu Kâu phiên âm, d.; s.t: Đỗ Hồng Kỳ, Trương Bi. - Hà Nội : khoa học xã hội, 2004. - 848 tr. : ảnh ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2089959305976 23/L 255 N
Số ĐKCB: DC.002063

490 Tiăng lấy gươm tự chém = Tiăng sok đao dao : Sử thi Mơ Nông / Điểu KLung Nghệ nhân hát kể; s.t: Đỗ Hồng Kỳ, Trương Bi; Điểu Kâu phiên âm , dịch sang tiếng Việt. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2006. - 800 tr. : ảnh ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2089959305976 23/T 300 Ă
Số ĐKCB: DC.002059

491 Dăm Băng MLan : Sử thi Ê Đê / Y Nuh Niê nghệ nhân hát kể; s.t: Đỗ Hồng Kỳ, Y Wơn KNa; Y Wơn KNa phiên âm; d.: Y BLi KBuôr, YChen Niê; Đỗ Hồng Kỳ biên tập. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2009. - 1438 tr. : ảnh ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.208999059765 23/D 114 B
Số ĐKCB: DC.002015, PD.039618, PM.068278

492 Kră, Năng cướp Bing, Kông con Lông = Kră, Năng cướp Bing, Kông con Lông : Sử thi Mơ Nông / Điểu KLứt Nghệ nhân hát kể; s.t: Đỗ Hồng Kỳ, Trương Bi; Điểu Kâu phiên âm, dịch sang tiếng Việt. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2005. - 802tr. : ảnh ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2089959305976 23/KR 000 N
Số ĐKCB: DC.002016

493 Giông làm nhà mồ = Giông bơ bơ xat : Sử thi Ba Na / A Lưu Nghệ nhân hát kể; Võ Quảng Trọng s.t; Phiên âm dịch sang tiếng Việt: Ytur...[và những người khác]. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2005. - 5334 tr. ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2089959305976 23/GI- 455 B
Số ĐKCB: DC.002017

494 Giông đạp đổ núi đá cao ngất = Giông trăm tơkâl kông tơng : Sử thi Ba Na / A Lưu Nghệ nhân hát kể; Võ Quang Trọng s.t; YTur phiên âm; Dịch sang tiếng Việt: A Jar, Y Kiưch. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2006. - 817 tr. ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2089959305976 23/GI 455 Đ
Số ĐKCB: DC.002018

495 Tiăng lấy cây tre rla = Tiăng sok rla : Sử thi Mơ Nông / Hát kể: Điểu Klung ; Đỗ Hồng Kỳ s.t. ; Phiên âm, d.: Điểu Kâu, Điểu Thị Mai. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2010. - 969 tr. : ảnh, bảng ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2089959305976 23/T300Ă
Số ĐKCB: DC.002021

496 Sum BLum : Sử thi Ê Đê / Y Nuh Niê Nghệ nhân hát kể; Đỗ Hồng Kỳ s.t; AMa Bik phiên âm. ; Y Jek Niê Kdăm d. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2007. - 1369 tr. ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.208999059765 23/S 511 B
Số ĐKCB: DC.002024

497 Chàng Dăm Bhễn và nàng HBia HNi = Bhễn dua H Ni : Sử thi Ê Đê / Y Nuh Niê hát kể; Đỗ Hồng Kỳ s.t; AMa Bik phiên âm; Y Jer Niê KDăm d.; Nguyễn Luân biên tập. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2010. - 601 tr. ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.208995930597 23/CH 106 D
Số ĐKCB: DC.002026, PD.039607, PM.068276

498 Dăm Duông hóa Cọp. Dăm Duông trong lốt ông già = Dăm Duông Jiâng kia bring brông. Dăm Duông bă akar kra : Sử thi Xơ Đăng / A AR nghệ nhân hát kể; Võ Quang Trọng s.t; A JAR phiên âm, dịch sang tiếng Việt. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2007. - 1070 tr. ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2089959305976 23/D114D
Số ĐKCB: DC.002028

499 Giông dẫn các cô gái đi xúc cá. Sét xuống đồng bằng thăm bạn = Set Jur Vuăn năm hơpong ngôi păng pô hăp. Giông Jên đe adruh yâu đak Kông : Sử thi Ba Na / A Lưu nghệ nhân hát kể; Võ Quang Trọng s.t; Y Kiưch d.. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2007. - 1053 tr. ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2089959305976 23/S207X
Số ĐKCB: DC.002025

500 Tiăng giành lại bụi tre lồ ô = Tiăng sok tơm ngâr : Sử thi Mơ Nông / Điểu KLung nghệ nhân hát kể; Đỗ Hồng Kỳ s.t, Điểu Kâu phiên âm, dịch sang tiếng Việt. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2007. - 1172 tr. ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2089959305976 23/T 300 X
Số ĐKCB: DC.002027

501 Lễ ăn trâu : Sử thi Mơ Nông / Nghệ nhân hát kể: Điểu GLơi, Điểu MPiơih; S.t: Trương Bi...; Điểu Kâu phiên âm, dịch sang tiếng Việt. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2009. - 1264 tr. ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2089959305976 23/L 250 Ă
Số ĐKCB: DC.002029

502 Đẻ Lêng = Deh Lêng : Sử thi Mơ Nông / Điểu Mpiơih hát kể, s.t: Đỗ Hồng Kỳ, Lê Ngọc Phúc; Điểu Kâu phiên âm, d.. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2006. - 995 tr. : ảnh ; 24 cm
Đẻ Lêng = Der Lêng : Sử thi MNông / 2006. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2006. - 1967 tr. ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2089959305976 23/Đ200L
Số ĐKCB: DC.002004

503 Đẻ Lêng = Deh Lêng : Sử thi Mơ Nông / Điểu Mpiơih hát kể, s.t: Đỗ Hồng Kỳ, Lê Ngọc Phúc; Điểu Kâu phiên âm, d.. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2006. - 995 tr. : ảnh ; 24 cm
Đẻ Lêng = Đeh Lêng : Sử thi Mơ Nông. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2006. - 997 tr. : ảnh ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2089959305976 23/Đ 200 L
Số ĐKCB: DC.002003

Hà Nội : Khoa học xã hội, 2005. - tr. ; 24 cm

504 Thuốc cá ở hồ Bầu Trời, Mặt Trăng = Krau nglau trôk, nglau khay : Sử thi Mơ Nông / Điểu KLung kể, Điểu Kâu phiên âm, d., Đỗ Hồng Kỳ s.t. - Hà Nội : Khoa học, 2005. - 2402 tr. ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2089959305976 23/TH514C
Số ĐKCB: DC.002008

Hà Nội : Khoa học xã hội, 2005. - tr. ; 24 cm

505 Thuốc cá ở hồ Bầu Trời, Mặt Trăng = Krau nglau trôk, nglau khay : Sử thi Mơ Nông / Điểu KLung kể, Điểu Kâu phiên âm, d., Đỗ Hồng Kỳ s.t. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2005. - 1206 tr. ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2089959305976 23/TH514C
Số ĐKCB: DC.002007

Kho tàn sử thi Tây Nguyên: Cướp bung con Kliet. - Hà Nội : Khoa học xã hội. - 24 cm

506 Cướp bung con klêt = Pit Bung Kon Klêt : Sử thi MƠ Nông / Điểu KLứt nghệ nhân hát kể, Đỗ Hồng Kỳ s.t, Điểu Kâu phiên âm, dịch sang tiếng Việt. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2007. - 1676 tr ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2089959305976 C562B
Số ĐKCB: DC.002006

Kho tàn sử thi Tây Nguyên: Cướp bung con Kliet. - Hà Nội : Khoa học xã hội. - 24 cm

507 Cướp bung con klêt = Pit Bung Kon Kiêt : Sử thi MƠ Nông / Điểu KLứt nghệ nhân hát kể, Đỗ Hồng Kỳ s.t, Điểu Kâu phiên âm, dịch sang tiếng Việt. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2007. - 851 tr : ảnh ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2089959305976 C562B
Số ĐKCB: DC.002005

508 Tìm hiểu một số phong tục, tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo các dân tộc vùng Tây Nguyên / Đặng Văn Hường. - Hà Nội : Quân đội nhân dân, 2013. - 260tr. ; 21cm
Tóm tắt: Khái quát về đặc điểm tự nhiên, văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo của các dân tộc ở Tây Nguyên. Giới thiệu một số phong tục, tập quán, lễ hội truyền thống và thắng cảnh ở Tây Nguyên...

Ký hiệu phân loại: 390.095971 23/T310H
Số ĐKCB: DC.001968, PD.037058, PM.065360, DC.001967

509 Những người bạn lớn = The giant friends : Đừng để voi chỉ còn là ký ức / Dương Trung Quốc chỉ đạo nội dung; Lê Văn Thao b.s.; Nguyễn Bá Ngọc chụp ảnh. - Hòa Bình : Công ty cổ phần bất động sản An thịnh xb', [2014]. - 104tr. : ảnh chụp ; 12cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 636.90959765 B113K
Số ĐKCB: DC.001949

510 Mỹ thuật và nhiếp ảnh Đắk Lắk 2010 - 2014 / Lê Khôi Nguyên (chỉ đạo thực hiện); t.ch và b.s; Lê Vấn, Y Nhi KSơr , Bảo Hưng. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 2014. - 92tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 700.959765 M600T
Số ĐKCB: DC.001953, DC.001954

511 Âm nhạc Đắk Lắk 2010 - 2014 / T.ch và b.s: Lê Khôi Nguyên, Huỳnh Ngọc La Sơn. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 2014. - 72tr. : bản nhạc ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 780.959765 Â120N
Số ĐKCB: DC.001955, DC.001956

512 Thơ - văn Đắk Lắk 2010 - 2014 / T.ch và b.s: Lê Khôi Nguyên, Nguyễn Bá Tiến. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 2014. - 316tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92214 TH460V
Số ĐKCB: DC.001957, DC.001958

513 Sáng mắt học trò : Thơ / Hoài Hương. - Hà Nội : Văn học, 2015. - 234tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92214 S106M
Số ĐKCB: DC.001959, DC.001960

514 Mưa xuống sân đời : Thơ / Nguyễn Đức Khẩn. - Hà Nội : Hội nhà văn, 2015. - 102tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92214 M551X
Số ĐKCB: DC.001961, DC.001962

515 Cẩm nang du lịch Đắk Lắk = Dak Lak tourist guidebook. - Hà Nội : Công ty Cổ phần truyền thông Đại Việt Thông tấn, 2013. - 96tr. : hình ảnh ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 915.9765 C120N
Số ĐKCB: DC.001939, DC.001940, DC.001941

516 Một giọt hương / Phan Hồng. - Hà Nội : Hội nhà văn, 2015. - 67tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92214 M458G
Số ĐKCB: DC.001963, DC.001964

517 Chim Sơn Ca : Thơ / Bùi Minh Vũ. - Hà Nội : Hội nhà văn, 2010. - 112tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92214 CH310S
Số ĐKCB: DC.001965, DC.001966

518 Tài liệu tuyên truyền đấu tranh chống âm mưu, thủ đoạn " Diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch và xóa bỏ các tà đạo trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk : Dạng hỏi đáp. - Đắk Lắk : Ban tuyên giáo tỉnh ủy Đắk Lắk xb', 2015. - 68tr. ; 20cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 324.5976507 T103L

Số ĐKCB: DC.001937, DC.001938

519 Tài liệu hỏi - đáp Nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2015 - 2020 : Phổ biến rộng rãi trong nhân dân. - Đắk Lắk : Ban Tuyên giáo tỉnh ủy Đắk Lắk xb', 2015. - 68tr. ; 20cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 324.25976507 L302S

Số ĐKCB: DC.001935, DC.001936

520 Cồng chiêng trong văn hóa người Ba Na Kriêm / Yang Danh. - Hà Nội : Khoa học xã hội,

Tóm tắt: Tìm hiểu về cồng chiêng Ba Na Kriêm. Vai trò của cồng chiêng trong đời sống người B

Ký hiệu phân loại: 786.809597 C455C

Số ĐKCB: DC.001931, DC.001932

521 Địa chí Đắk Lắk. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2015. - 1574tr. ; 27cm

Tóm tắt: Cung cấp những thông tin cơ bản về tỉnh Đắk Lắk; Giáo dục truyền thống, tình yêu quê hương, trách nhiệm đối với cộng đồng, xây dựng và phát triển địa phương; Phục vụ quản lý, chỉ đạo, hoạch định chiến lược, xây dựng chủ trương, chính sách; Đáp ứng nh

Ký hiệu phân loại: 915.9765 Đ103C

Số ĐKCB: DC.001952

522 Lịch sử Đảng bộ thị xã Buôn Ma Thuột : 1930 - 1975. - Đắk Lắk : Đảng bộ Tp. Buôn Ma

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 324.0959765 L302S

Số ĐKCB: DC.001946, DC.001947, DC.001948

Sử thi Mơ Nông / B.s: Đỗ Hồng Kỳ (ch.b), Vũ Quang Dũng. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 21cm

523 Sử thi Mơ Nông / B.s: Đỗ Hồng Kỳ (ch.b), Vũ Quang Dũng. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2014. - 432tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 S550T

Số ĐKCB: DC.001898, DC.001899

Sử thi Mơ Nông / B.s: Đỗ Hồng Kỳ (ch.b), Vũ Quang Dũng. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 21cm

524 Sử thi Mơ Nông / B.s: Đỗ Hồng Kỳ (ch.b), Vũ Quang Dũng. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2014. - 416tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 S550T

Số ĐKCB: DC.001896, DC.001897

Sử thi Mơ Nông / B.s: Đỗ Hồng Kỳ (ch.b), Vũ Quang Dũng. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 21cm

525 Sử thi Mơ Nông / B.s: Đỗ Hồng Kỳ (ch.b), Vũ Quang Dũng. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2014. - 404tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 S550T
Số ĐKCB: DC.001894, DC.001895

Sử thi Mơ Nông / B.s: Đỗ Hồng Kỳ (ch.b), Vũ Quang Dũng. - Hà Nội : Khoa học xã hội. - 412tr. ; 21cm

526 Sử thi Mơ Nông / B.s: Đỗ Hồng Kỳ (ch.b), Vũ Quang Dũng. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2014. - 412tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 S550T
Số ĐKCB: DC.001892, DC.001893

Sử thi Mơ Nông / B.s: Đỗ Hồng Kỳ (ch.b), Vũ Quang Dũng. - Hà Nội : Khoa học xã hội. - 416tr. ; 21cm

527 Sử thi Mơ Nông / B.s: Đỗ Hồng Kỳ (ch.b), Vũ Quang Dũng. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2014. - 416tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 S550T
Số ĐKCB: DC.001890, DC.001891

Sử thi Mơ Nông / B.s: Đỗ Hồng Kỳ (ch.b), Vũ Quang Dũng. - Hà Nội : Khoa học xã hội. - 404tr. ; 21cm

528 Sử thi Mơ Nông / B.s: Đỗ Hồng Kỳ (ch.b), Vũ Quang Dũng. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2014. - 404tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 S550T
Số ĐKCB: DC.001888, DC.001889

529 Đời nó / Nguyễn Thành Chinh. - Hà Nội : Hồng Đức, 2015□- 239tr : 16tr.ảnh ; 21 cm

Đời nó / Nguyễn Thành Chinh. - Hà Nội : Hồng Đức, 2015□- 239tr : 16tr.ảnh ; 21 cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9228408 Đ462N
Số ĐKCB: DC.001945

Sử thi Mơ Nông / B.s: Đỗ Hồng Kỳ (ch.b), Vũ Quang Dũng. - Hà Nội : Khoa học xã hội. - 456tr. ; 21cm

530 Sử thi Mơ Nông / B.s: Đỗ Hồng Kỳ (ch.b), Vũ Quang Dũng. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2014. - 456tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 S550T
Số ĐKCB: DC.001886, DC.001887

Sử thi Mơ Nông / B.s: Đỗ Hồng Kỳ (ch.b), Vũ Quang Dũng. - Hà Nội : Khoa học xã hội. - 444tr. ; 21cm

531 Sử thi Mơ Nông / B.s: Đỗ Hồng Kỳ (ch.b), Vũ Quang Dũng. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2014. - 444tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 S550T
Số ĐKCB: DC.001884, DC.001885

Sử thi Mơ Nông / B.s: Đỗ Hồng Kỳ (ch.b), Vũ Quang Dũng. - Hà Nội : Khoa học xã hội. - 21cm

532 Sử thi Mơ Nông / B.s: Đỗ Hồng Kỳ (ch.b), Vũ Quang Dũng. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2014. - 768tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 S550T

Số ĐKCB: DC.001882, DC.001883

533 Sử thi Ba Na / Nguyễn Quang Tuệ (b.s). - Hà Nội : Khoa học xã hội. - 21cm

Sử thi Ba Na / Nguyễn Quang Tuệ (b.s). - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2014. - 336tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 S550T

Số ĐKCB: DC.001880, DC.001881

534 Sử thi Ba Na / Nguyễn Quang Tuệ (b.s). - Hà Nội : Khoa học xã hội. - 21cm

Sử thi Ba Na / Nguyễn Quang Tuệ (b.s). - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2014. - 456tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 S550T

Số ĐKCB: DC.001878, DC.001879

535 Sử thi Ba Na / Nguyễn Quang Tuệ (b.s). - Hà Nội : Khoa học xã hội. - 21cm

Sử thi Ba Na / Nguyễn Quang Tuệ (b.s). - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2014. - 550tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 S550T

Số ĐKCB: DC.001876, DC.001877

536 Nhánh cỏ dưới gót chân Dăm San / H' Xíu H' Mok ... [và những người khác]. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 2015. - 167tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 NH107C

Số ĐKCB: DC.001942, DC.001943

Sử thi Chăm / Ch.b: In Ra Sa Ra, Phan Đăng Nhật. - Hà Nội : Khoa học xã hội. - 21cm

537 Sử thi Chăm / Ch.b: In Ra Sa Ra, Phan Đăng Nhật. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2014. - 430tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.208999 S550T

Số ĐKCB: DC.001908, DC.001909

Sử thi Chăm / Ch.b: In Ra Sa Ra, Phan Đăng Nhật. - Hà Nội : Khoa học xã hội. - 21cm

538 Sử thi Chăm / Ch.b: In Ra Sa Ra, Phan Đăng Nhật. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2014. - 456tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20999 S550T

Số ĐKCB: DC.001906, DC.001907

Sử thi Chăm / Ch.b: In Ra Sa Ra, Phan Đăng Nhật. - Hà Nội : Khoa học xã hội. - 21cm

539 Sử thi Chăm / Ch.b: In Ra Sa Ra, Phan Đăng Nhật. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2014. - 522tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20999 S550T
Số ĐKCB: DC.001904, DC.001905

540 Sự tích con voi trắng = Klei yal dliê đưm kơ êman kỗ / S.t., b.s.:Trương Bi, Y Wơn. - Hà Nội : Sở văn hóa thông tin Đắk Lắk xb', 2007. - 247tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20959765 S550T
Số ĐKCB: DC.001944, PM.058064

Sử thi Ê đê / Bs.: Đỗ Hồng Kỳ (Ch.b), Y'Kô Niê. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2014. - 4 quyển ; 21cm

541 Sử thi Ê đê / Bs.: Đỗ Hồng Kỳ (Ch.b), Y'Kô Niê. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2014. - 688tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899 S550T
Số ĐKCB: DC.001902, DC.001903

Sử thi Ê đê / Bs.: Đỗ Hồng Kỳ (Ch.b), Y'Kô Niê. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2014. - 4 quyển ; 21cm

542 Sử thi Ê đê / Bs.: Đỗ Hồng Kỳ (Ch.b), Y'Kô Niê. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2014. - 702tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899 S550T
Số ĐKCB: DC.001900, DC.001901

543 Voi trong đời sống văn hóa người M' nông / Trần Tấn Vịnh. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2015. - 187tr. : hình ảnh ; 21cm

Tóm tắt: Tìm hiểu truyền thống nuôi voi của người M'nông. Những khám phá, cảm nhận thú vị về con voi trong lễ nghi, phong tục M'nông nói riêng và đồng bào Tây Nguyên nói chung. Hình tượng voi trong văn học, nghệ thuật dân gian

Ký hiệu phân loại: 398.0959765 V428T
Số ĐKCB: DC.001920, DC.001921

544 Sự tích hạt gạo : Kho tàng truyện cổ Ê Đê / S.t.; d.: Trương Bi, Y Wơn. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2014. - 179tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.208999 S550T
Số ĐKCB: DC.001933, DC.001934

545 Lời khấn thần trong nghi lễ nông nghiệp của người M'nông Nong / Trương Bi s.t.; Điểu Kâu d.. - Hà Nội : Thời đại, 2014. - 163tr. ; 21cm

Tóm tắt: Tìm hiểu về nghi lễ nông nghiệp của người M'nông Nong. Giới thiệu một số bài cúng thần về nghi lễ nông nghiệp như: lễ cúng ngõ, cúng bờ rào làng, cầu thần phù hộ khi đi xa, cúng suối nước làng...

Ký hiệu phân loại: 395.50959765 L462K
Số ĐKCB: DC.001922, DC.001923

546 Hơ 'Mon Dăm Joong / Yang Danh s.t.; Đinh Nôn diễn xuất. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2015. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 H460M
Số ĐKCB: DC.001910, DC.001911

547 Giới thiệu một số tác phẩm tiêu biểu của kho tàng sử thi Mơ Nông, Ê Đê / Đỗ Hồng Kỳ. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2015. - 499tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 GI462T
Số ĐKCB: DC.001912, DC.001913

548 Đang - Dân ca Mường / Đinh Văn Phùng s.t.; Đinh Văn Ân b.d.. - Hà Nội : Khoa học xã hội,
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 782.42162 Đ106D
Số ĐKCB: DC.001914, DC.001915

549 Xuống Mường và trông Mường = Lai lông Mương và lai mỗng Mương / La Quán Miên s.t., d.,. - Hà Nội : Thời đại, 2014. - 143tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899592 X518M
Số ĐKCB: DC.001916, DC.001917

550 Mỡi Mường / Bùi Văn Nợi. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2015. - 127tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.09597 M460M
Số ĐKCB: DC.001918, DC.001919

551 Trò chơi và đồ chơi dân gian Mường / Bùi Huy Vọng. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2014. -
Tóm tắt: Giới thiệu các trò chơi dân gian trong đời sống của người Mường như: trò đổ lả, trò đánh đồng hồ, trò đè chân, đè tay, trò đi u, đánh cờ Mường, đánh mảng, đi ô, bắt còn, đánh đu... cùng một số đồ chơi dân gian phổ biến của người Mường

Ký hiệu phân loại: 394.09597 TR400C
Số ĐKCB: DC.001929, DC.001930

552 Lêng chết khit lêng : Sử thi M' Nông / Trương Bi s.t., Điểu Kâu b.d.. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2015. - 291tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 L255C
Số ĐKCB: DC.001924, DC.001925

553 Văn hóa dân gian Mường một góc nhìn / Bùi Huy Vọng. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2015. -
Tóm tắt: Trình bày khái quát về văn hoá dân gian người Mường qua các hình vẽ trong hang đồng nội và chiếc mũ của thầy mo Mường; qua bộ ba cặp biểu tượng hươu - cá - chim, qua giếng nước cổ, phong tục đắp bếp, tục thờ Thánh tản, lễ ké si, tục cắt rốn chôn ra

Ký hiệu phân loại: 398.0959719 V115H
Số ĐKCB: DC.001927, DC.001928

554 Nhạc cụ dân gian Êđê, M' Nông ở Đắk Lắk / Vũ Lân, Trương Bi. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2015. - 303tr. : hình ảnh ; 21cm

Tóm tắt: Giới thiệu các loại nhạc cụ dân gian như cồng chiêng, các nhạc cụ tương đương với cồng chiêng, một số nhạc cụ khác của dân tộc Êđê, M'Nông nhằm góp phần vào việc phát hiện, bảo tồn, khai thác, phát huy những giá tri văn hoá tinh thần các tộc người ở

Ký hiệu phân loại: 784.19597 NH101C

Số ĐKCB: DC.001926

555 Trăm bài thơ Sen / Tiến Thảo. - Hà Nội : Hội nhà văn, 2015. - 100tr. : hình ảnh ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92214 TR114B

Số ĐKCB: DC.001874, DC.001875

556 Tổ quốc là con đường bố con mình đang đi : Thơ / Nguyễn Duy Xuân. - Hà Nội : Hội nhà văn,

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92214 T450Q

Số ĐKCB: DC.001872, DC.001873

557 Rừng cổ tích : Trường ca / Đặng Bá Tiến. - Hà Nội : Hội nhà văn, 2012. - 91tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92214 R556C

Số ĐKCB: DC.001871

558 Tại gió mà nhớ : Ký / H'Linh Niê. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 2015. - 299tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9228408 T103G

Số ĐKCB: DC.001869, DC.001870

559 Lời chân thành với cỏ : Thơ / Đặng Bá Tiến. - Tp.Hồ Chí Minh : Văn nghệ Tp. Hồ Chí Minh,

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92214 L462C

Số ĐKCB: DC.001866, DC.001867, DC.001868

560 Chim sơn ca : Thơ / Bùi Minh Vũ. - Hà Nội : Hội nhà văn, 2010. - 116tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92214 CH310S

Số ĐKCB: DC.001864, DC.001865

561 Tình một thuở : Thơ / Linh Vũ. - Hà Nội : Hội nhà văn, 2005. - 60tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92214 T321M

Số ĐKCB: DC.001862, DC.001863

562 Ngủ mơ trên cát : Thơ / Linh Vũ. - Đắk Lắk : Hội văn học nghệ thuật, 1996. - 63tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92214 NG500M

Số ĐKCB: DC.001861

563 Cẩm nang du lịch Đắk Lắk = Dak Lak Tourist Guidebook. - Đắk Lắk : Thông tấn, 2013. - 96tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 915.9765 C120N

Số ĐKCB: DC.001858, DC.001859, DC.001860

564 Ngày về quê ngoại : Thơ tình / Linh Vũ. - Hà Nội : Hội nhà văn, 2004. - 59tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92214 NG112V
Số ĐKCB: DC.001857, LD.008426, DC.001856

565 Dòng sông mùa xuân : Thơ / Linh Vũ. - Hà Nội : Hội nhà văn, 2009. - 89tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92214 D431S
Số ĐKCB: DC.001854, DC.001855

566 Văn kiện Đại hội Đảng bộ Tỉnh Đắk Lắk lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2005-2010. - Đắk Lắk : Đắk
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 324.259765071 V115K
Số ĐKCB: DC.001853

567 Văn kiện Đại hội Đại biểu Đảng bộ Tỉnh Đắk Lắk lần thứ XV, nhiệm vụ 2010-2015 : Lưu hành nội bộ. - Đắk Lắk : Đắk Lắk, 2010. - 159tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 324.2597650750959765 V115K
Số ĐKCB: DC.001852, DC.002156

568 Tượng mít : Thơ trào lộng / Phó Ong. - Hà Nội : Lao động, 2014. - 96tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92214 T561M
Số ĐKCB: DC.001849, DC.001850, DC.001851

569 Lão ngư kỳ tân : Thơ / Bùi Minh Vũ. - Hà Nội : Hội nhà văn, 2014. - 296tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92214 L108N
Số ĐKCB: DC.001847, DC.001848

570 Lời Bác dạy sáng đường chúng ta đi = ASăp Awa Hồ MTô MTrang ÊLan Drei ÊBat : Song ngữ Ê đê - Việt / B.s.: Hà Lý, Chu Đức Tính; d: H'Juaih Niê Kdăm, Yjek Niê Kdam, H'Nuen Niê Kdăm. - Hà Nội : Chính trị quốc gia - Sự thật Văn hóa dân tộc, 2014. - 140tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 335.4346 L462B
Số ĐKCB: DC.001846

571 Buôn Ma Thuột 1975-1985 : Tập sáng tác. - Đắk Lắk : Phòng Văn hóa và thông tin thị xã Buôn Ma Thuột xb', 1985. - 272tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92233 B517M
Số ĐKCB: DC.001845

572 Niên giám thống kê tỉnh Đắk Lắk 2014. - Đắk Lắk : Cục thống kê tỉnh Đắk Lắk xb', 2015. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 315.9765 N305G
Số ĐKCB: DC.001843, DC.001844

573 Niên giám thống kê Tỉnh Đắk Lắk 2013. - Đắk Lắk : Cục thống kê Tỉnh Đắk Lắk xb', 2014. -

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 315.9765 N305G
Số ĐKCB: DC.001841, DC.001842

574 Từ sông Krông Bông : Tiểu thuyết / Trúc Hoài. - Tái bản có sửa chữa, bổ sung. - Hà Nội : Công an nhân dân, 2014. - 656tr. ; 24cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 T550S
Số ĐKCB: DC.001839, DC.001840

575 Lịch sử Đảng bộ Tỉnh Đắk Lắk 1975-2005. - Hà Nội : Chính trị quốc gia, 2010. - 446tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 324.25976507 L302S
Số ĐKCB: DC.001838

576 Từ sông Krông Bông : Tiểu thuyết / Trúc Hoài. - Tái bản có sửa chữa, bổ sung. - Hà Nội : Công an nhân dân, 2014. - 655tr. ; 24cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: PM.063356, PM.063363, PM.063364, DC.001950, DC.001951, PD.035343, PM.063365

577 Sử thi Mường / Phan Đăng Nhật chủ biên. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2013. - 431tr. ; 19cm
Sử thi Mường / Phan Đăng Nhật ch.b. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2013. - 541tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.208995924 S550T
Số ĐKCB: DC.001837

578 Niên giám thống kê tỉnh Đắk Lắk 2012. - Đắk Lắk : Cục thống kê tỉnh Đắk Lắk, 2013. - 326tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 315.9765 N305G
Số ĐKCB: DC.001807, DC.001808

579 Tam Giang tình đất tình người : Kỷ niệm 30 năm ngày thành lập xã Tam Giang. - Đắk Lắk : Hội văn học nghệ thuật, 2009. - 104tr. : ảnh ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 915.9765 T104G
Số ĐKCB: DC.001809, DC.001810, DC.001811

580 Mỹ thuật Nam miền Trung và Tây Nguyên. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2013. - 404tr. ; 19cm

Tóm tắt: Các bài tham luận tại hội thảo mỹ thuật Nam miền Trung và Tây Nguyên lần thứ nhất 11/ 2012. Các nghệ sĩ tạo hình được tặng giải thưởng Hồ Chí minh và giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật

Ký hiệu phân loại: 759.95976 M600T
Số ĐKCB: DC.001799

581 Hoài cảm : Thơ / Hà Thắng. - Đắk Lắk : Hội Văn học nghệ thuật Đắk Lắk xb', 2008. - 35tr. ;

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92214 H404C
Số ĐKCB: DC.001800, DC.001801, DC.001802

582 Tài liệu hỏi đáp về chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Đắk Lắk. - Đắk Lắk : Ủy Ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk xb', 2012. - 47tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 307.720959765 T103L

Số ĐKCB: DC.001805, DC.001806

583 Cẩm nang hướng dẫn sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong gia đình : Tài liệu lưu hành nội bộ. - Đắk Lắk : Trung tâm khuyến công & TVPT CN Đắk Lắk xb', 2012. - 27tr. : ảnh ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 333.710959765 C120N

Số ĐKCB: DC.001803, DC.001804

584 Văn hóa rượu của đồng bào Tày Nùng / St., bs.: Dương Sách, Dương Thị Đào. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2014. - 227tr. ; 19cm

Tóm tắt: Những quan niệm dân gian về rượu, văn hóa rượu của đồng bào Tày Nùng, phong cách uống rượu, tri thức dân gian về rượu, truyện dân gian về rượu của người Tày Nùng

Ký hiệu phân loại: 394.10959765 V115H

Số ĐKCB: DC.001827

585 Lịch sử nhà đày Buôn Ma Thuột : 1330 - 1945. - Đắk Lắk : Viện Lịch sử Đảng, 2010. - 237tr. ;

Tóm tắt: Ghi lại lịch sử đấu tranh kiên cường của các lớp chiến sĩ cách mạng đã từng bị giam cầm tại nhà đày Buôn Ma Thuột. Nơi đế quốc Pháp đày ải và hủy diệt tù chính trị Việt Nam. Thời kỳ 1930 - 1945; 1936 - 1939; 1940 - 1945. Danh sách tù chính trị tại

Ký hiệu phân loại: 959.765032 L302S

Số ĐKCB: DC.001778, DC.001779

586 Huyện Ea H'Leo tỉnh Đắk Lắk. - Đắk Lắk : Đảng bộ huyện Ea H'Leo xb', 2010. - 206tr. ; 27cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 915.9765 H527E

Số ĐKCB: DC.001825

587 Đào Tấn Ngoạn Kôn Meo - A Ma Lộc : Từ quê lúa Tuy Hòa đến đại ngàn Trường Sơn / Biên soạn: Đào Nhật Kim, Phan Thanh Bình. - Hà Nội : Chính trị Quốc gia - Sự thật, 2013. - 490tr. ; 24cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7092 Đ108T

Số ĐKCB: DC.001816, DC.001817

588 Đời nó : Tự truyện và những bài viết chọn lọc đã đăng trên báo / Nguyễn Thành Chinh. - Hà Nội : Thời đại, 2012. - 179tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9228408 Đ462N

Số ĐKCB: DC.001752, DC.001753

589 Lịch sử nhà đày Buôn Ma Thuột : 1930 - 1945. - Đắk Lắk : Tỉnh uỷ Đắk Lắk. Viện lịch sử Đảng xb', 2010. - 238tr. ; 21cm

Tóm tắt: Khái quát về nhà đày Buôn Ma Thuột, nơi đế quốc Pháp đày ải và huỷ diệt tù chính trị Việt Nam trong giao đoạn 1930 - 1945

Ký hiệu phân loại: 959.765032 L302S
Số ĐKCB: DC.001541, DC.001542

590 Hướng dẫn đánh giá hiệu quả giao rừng tự nhiên cấp thôn buôn / Trần Ngọc Thanh, Nguyễn Quang Tân, Thomas Sikor. - Kđ : Kn, 2003. - 116tr. ; 30cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.000674, DC.000675

591 Cuộc tổng tấn công mùa xuân 1975 : Gồm các bài đăng trên báo chí phương Tây từ tháng 3 - tháng 5/1975. - Kđ : Kn, Kn. - 346tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001107

592 Chính sách cai trị dân tộc thiểu số trước thời Pháp thuộc. - Kđ : Kn, Kn. - 11tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.000983

593 Liên hoan ảnh nghệ thuật khu vực các tỉnh Duyên hải miền Trung và Tây Nguyên lần thứ 8 : Tổ chức tại Dak Lak. - Dak Lak : hội văn học nghệ thuật Dak Lak xb', 2003. - 74tr. : Ảnh chụp ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.000575, DC.000576, DC.000577, DC.000578, DC.000579

594 Hoa quyết thắng. - Dak Lak : Ty văn hóa thông tin Dak Lak xb', 1980. - 27tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.000366, DC.000367, DC.000368

595 Sử thi Akhàt - Jucar Ra Glai : Udai - Ujac. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2004. - 1190tr. ; 24cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899 S550T
Số ĐKCB: DC.001173

596 Thơ Tố Hữu : Tuyển / Tố Hữu. - Tái bản. - Hà Nội : Văn học, 1975. - 219tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001039

597
Tóm tắt:

Số ĐKCB: DC.000803, DC.000804, DC.000805, DC.000808, DC.000810, DC.000811, DC.000812, DC.000813, DC.000814, DC.000815, DC.000816

598 Việt Nam những sự kiện lịch sử 1858 - 1945 / Dương Kinh Quốc. - Hà Nội : Khoa học xã hội,
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.000779

599 Bắt chồng : Tập truyện ngắn Tây Nguyên. - Hà Nội : Văn hoá dân tộc, 1994. - 175tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.000397, DC.000398

600 Ting, rung chết : Sử thi Mơ Nông. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2006. - 1465 tr ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 T312R
Số ĐKCB: DC.001311, DC.001312

601 Niên giám thống kê 1988 : Tài liệu tối mật. - Hà Nội : Tổng cục thống kê, 1985. - tr. 3 ; 27cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.42 N305G
Số ĐKCB: DC.000965

602
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.932 D100K
Số ĐKCB: DC.000459

603 Sử thi Bahnar Kriêm / Hà Giao ch.b.. - Hà Nội : Văn hoá dân tộc. - cm
T.2: Sử thi Bahnar Kriêm.- Hà Nội,Văn hóa dân tộc,2018.- 888tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: S550T 398.208995930597/
Số ĐKCB: DC.000194

604 Nhớ hoài Buôn Ma Thuột : Tập ca khúc. - DakLak : Trung tâm VHTT tỉnh DakLak, 2008. - 60
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001470, DC.001471

605 Người Chăm HRoi và tục dựng cột trâu / Trần Văn Ái, Nguyễn Văn Ngọc. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 2009. - 87tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001495, DC.001496

606 Nghi lễ vòng đời người Xơ Đăng / Phan Văn Hoàng. - Hà Nội : văn hóa dân tộc, 2009. - 211tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001493, DC.001494

607 Lời chiêng Tây Nguyên / Niê KDam, Linh Nga : hội văn học nghệ thuật , 2008 - 159 tr ; 19 cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001491, DC.001492, DC.002228, DC.002229

608 Đề cương tuyên truyền kỷ niệm 35 năm chiến thắng Buôn Ma thuột (10/3/1975 - 10/3/2010); 105 năm hình thành và phát triển Buôn Ma Thuột - Dak Lak (22/111904 - 22/112009). - Dak Lak : Ban tuyên giáo Tỉnh ủy, 2010. - 88tr. : Ảnh ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001486, DC.001487, DC.001488, DC.001489, DC.001490

609 Lịch sử nhà đày Buôn Ma Thuột 1930 - 1945. - Dak Lak : Tỉnh ủy DakLak xb, 2010. - 237 tr. : 8 tr. Ảnh ; 19cm. - (Tỉnh ủy DakLak. Viện lịch sử Đảng)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001484, DC.001485

610 Buôn Ma Thuột trận đánh lịch sử. - Hà Nội : Nxb. trẻ, 2000. - 269 tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001483

611 Lời ca trong lễ xên bản xên Mường của Người Thái / Sưu tầm, biên dịch: Lương Thị Đại, Lò Xuân Hinh. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 2009. - 487tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001481, DC.001482

612 Người Chu - Ru ở Lâm Đồng / TS. Hoàng Sơn (ch.b). - Hà Nội Hà Nội : Văn hóa dân tộc Văn hóa dân tộc, 2009 2009. - 219tr. 219tr. ; 19cm 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001479, DC.001480

613 Cơ hội và thách thức đối với vùng dân tộc thiểu số hiện nay. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 2009.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001477, DC.001478

614 Văn hoá ẩm thực của người Êđê / Tuyết Nhung Buôn KRông (ch.b), Hnhuên Niê Kdăm, Văn Ngọc Sáng. - Hà Nội : Văn hóa các dân tộc, 2009. - 236tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001475, DC.001476

615 Bảo tồn, phát huy di sản văn hóa các tộc người Êđê, M'Nông / Trương Bi, Bùi Minh Vũ. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 2009. - 105tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001473, DC.001474

616 Dak Lak trước ngưỡng cửa năm 2000 / Nguyễn Thành Chinh (ch.b). - TP.Hồ Chí Minh : Văn
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001472

617 Kỷ yếu kỳ họp bất thường(Ngày 10 tháng 11 năm 2009) : Lưu hành nội bộ. - Đăk Lăk : Văn phòng đoàn ĐBQH Tỉnh ĐăkLăk xb, 2009. - 93 tr. ; 24 cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001469

618 Kỷ yếu kỳ họp chuyên đề (từ ngày 07 đến ngày 08 - 10 -2008) : Lưu hành nội bộ. - Dak Lak : Văn phòng đoàn ĐBQH và HĐND Tỉnh Đăk Lăk, 2008. - 167 tr ; 24 cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001467, DC.001468

619

Tóm tắt: Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân Việt Nam đã thắng lợi hoàn toàn. Trong hơn 20 năm kháng chiến chống Mỹ vô cùng khốc liệt, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ, trực tiếp là của Đảng bộ tỉnh Đăk Lăk, nhân dân các dân tộc tỉnh Đăk Lăk đã

Ký hiệu phân loại: ĐC.8 L302S
Số ĐKCB: DC.000237, DC.000461

620 Dak Lak ba mươi năm chiến tranh giải phóng : Kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954). - Dak Lak : Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Dak Lak, 1991. - 151tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001268

621 Nữ thần Blân Hiăt / Bùi Minh Vũ sưu tầm, biên soạn; Điểu Phước dịch. - Đắk Lắk : Sở VHTT& DL Đắk Lắk, 2009. - T.05 ; 19 cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001465, DC.001466

622 Sổ tay tuyên truyền viên pháp luật. - Dak Lak : Sở Tư pháp X.B, 2009. - 164 tr. ; 19 cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001463, DC.001464

623 Văn hoá ẩm thực Người Sán Dìu / Diệp Trung Bình. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 2008. - 279
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001436, DC.001437, DC.001438

624 Hai chị em Ji Băch và Ji Bay : Kho tàng truyện cổ Mnông / Sưu tầm và biên soạn: Bùi Minh Vũ, Điểu Hồng Phước. - Dak Lak : Sở VHTT Dak Lak xb, 2006. - 162 tr ; 19 cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001356, DC.001357

625 Then bắc cầu kim hoa / Nguyễn Thanh Hiền. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 2008. - 236tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001460

626 Luật tục Ê Đê về bảo vệ rừng đất đai , nguồn nước = Răng m gang dliê kmrơng, mganglăn,êa / Cung cấp nội dung: nghệ nhân Ynuh Niê, Ypui, Yruôr, AMa Hem, Amaphing...sưu tầm và biên soạn: Trương Bi, Bùi Minh Vũ, người dịch: Ywơn Kna, YBen Bya. - Dak Lak : Sở VHTT, 2006. - 93 tr
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001458, DC.001459

627 Sự tích cây nêu = Nkoch yan ngâng njuh : Kho tàng truyện cổ MNông. - Hà Nội : Văn hóa dân
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001455, DC.001456, DC.001457

628 Duch bum dăm sơ dang : Truyện thơ BahNar / Nguyễn Quang Huệ sưu tầm và giới thiệu. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 2008. - 243tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001453, DC.001454

629 Nhạc cụ dân gian Ê Đê , M Nông / Vũ, Lân : Văn hóa dân tộc , 2008 - 307tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001451, DC.001452

630 Tang lễ của Người MNông RLăm / Y Tuyn Bing. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 2008. - 227tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001448, DC.001449, DC.001450

631 Bếp lửa trong đời sống Người Thái / Lò Cao Nhum. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 2008. - 159 tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001442, DC.001443

632 Sử thi Y khing ju - Hbia ju yâo / Buôn Krông Tuyết Nhung sưu tầm biên dịch. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 2007. - 143tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001441

633 Niên giám Thống kê Tỉnh Đắk Lắk 2008. - Dak Lak : Cục Thống kê Tỉnh Đắk Lắk, 2009. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001434, DC.001435

634 Sử thi Việt Nam trong bối cảnh sử thi Châu Á. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2009. - 644 tr ; 24
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001433

635 Trang phục các tộc người nhóm ngôn ngữ Môn - Khmer / Biên soạn: Đỗ Thị Hòa... [và những người khác]. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 2008. - 355 tr. ; 24 cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001431, DC.001432

636 Văn học Hán Nôm dân tộc Tày / Triều Ân nghiên cứu , sưu tầm, biên dịch. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 2008. - 651tr. ; 23 cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001429, DC.001430

637 Niên giám thống kê ngành Văn hóa thông tin 2000. - Hà Nội : Bộ VHTT, 2001. - 187 tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001427, DC.001428

638 Kỷ yếu hội thảo khoa học chiến thắng Buôn Ma Thuột (10 -3 -1975 ---10 -3 - 2005) : Kỷ niệm 30 năm ngày chiến thắng Buôn Ma Thuột, giải phóng tỉnh Dak Lak. - Dak Lak : Sở VHTT Dak Lak, 2005. - 176tr. ; 23cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.000704, DC.000705, DC.000706

639 Không gian văn hoá cồng chiêng Tây Nguyên thực trạng và giải pháp bảo tồn, phát huy : Kỷ yếu hội thảo khoa học. - Dak Lak : UBND Tỉnh Dak Lak, 2007. - 167tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001424, DC.001425

640 Kỷ yếu đại hội thành lập hội hữu nghị Việt Nam - Lào Tỉnh Đăk Lăk (Nhiệm kỳ 2008 - 2013). - Dak Lak : Hội hữu nghị Việt Nam Lào tỉnh Dak Lak, 2008. - 60 tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001423

641 Kỷ yếu kỳ họp thứ 9 (Từ ngày 19 đến ngày 21 - 12 - 2007) : lưu hành nội bộ. - Dak Lak : Văn phòng đoàn ĐBQH và HĐND Tỉnh Đăk Lăk, 2007. - 387tr. ; 24 cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001421, DC.001422

642 Báo cáo kết quả điều tra thiết chế văn hóa - thông tin phạm vi cả nước : Lưu hành nội bộ. - Hà Nội : Bộ VHTT& du lịch, 2007. - 578 tr ; 24 cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001420

643 Tổng tập văn học dân gian các dân tộc thiểu số Việt Nam / B.s.:Trần Thị An (ch.b), Vũ Quang Dũng. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2008. - 169 tr ; 24 cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001412, DC.001413

644 Tổng tập văn học dân gian các dân tộc thiểu số Việt Nam / B.s.: Trần Thị An (ch.b), Vũ Quang Dũng. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2008. - 167 tr ; 24 cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001406, DC.001407, DC.001408

645

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001417, DC.001418, DC.001419

646 Tổng tập văn học dân gian các dân tộc thiểu số Việt Nam / B.s.: Nguyễn Thị Yên (ch.b), Trần Thị An. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2008. - 1067 tr ; 24 cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001409, DC.001410, DC.001411

647 Thể thao Đắk Lắk , 33 năm xây dựng và phát triển. - Dak Lak : Sở thể dục thể thao, 2008. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001404, DC.001405

648 Người Ba Na Ở Tây Nguyên = The Bahna in the cẻntal Hih lands of Viet Nam. - Hà Nội : Nxb. Thông tấn, 2007. - 125tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001401, DC.001402, DC.001403

649 Người Mường Ở Việt Nam = The mương in Viet nam. - Hà Nội : Thông tấn, 2008. - 137tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001399, DC.001400

650 Niên giám thống kê Tỉnh Dak Lak = Statistical Yearbook 2007. - Dak Lak : Cục thống kê Dak
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001397, DC.001398

651 Niên giám thống kê ngành văn hóa thông tin 2006. - Hà Nội : Bộ văn hóa thể thao và du lịch xb, 2007. - 249 tr ; 24 cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001394, DC.001395, DC.001396

652 Hoa văn trên vải dân tộc HMông / Diệp Trung Bình. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 2005. - 142tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001392, DC.001393

653 Phát triển bền vững vùng dân tộc thiểu số và miền núi Việt Nam. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc,
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001390, DC.001391

654 Văn học dân gian ÊĐê, MNông / Trương Bi chủ biên. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 2007. - 291
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001388, DC.001389

655 Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số thời kỳ đổi mới. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 2007. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001386, DC.001387

656 Phong tục tập quán cổ truyền một số dân tộc thiểu số ở Nam Tây Nguyên / Lê Văn Kỳ Chủ biên; Biên soạn: Ngô Đức Thịnh, Nguyễn Quang Lê. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 2007. - 619tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001384, DC.001385

657 Dân ca Bahna : Song ngữ Bahnar - Việt / Nguyễn Quang Tuệ sưu tầm và biên soạn với sự cộng tác của nhà giáo Sưu Pết, nghệ sỹ: HBen, nhà báo Lê Kim Tương, ... - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 2007. - 216tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001382, DC.001383

658 Một số đặc trưng cơ bản của âm nhạc dân gian JRai / Lê Xuân Hoan. - Hà Nội : Văn hóa dân
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001381

659 Nhạc cụ cổ truyền của người ÊĐÊ Kpa / Lý Vân Linh Niê KDam. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc,
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001379, DC.001380

660 Sử thi Ykhing ju - hbia ju yâu / Buôn KRông Tuyết Nhung sưu tầm biên dịch. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 2007. - 143 tr ; 20 cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001377, DC.001378

661 Vận dụng luật tục MNông vào việc xây dựng gia đình , buôn, thôn văn hóa = Dong nau mpring dôihan ton njêng rnăk, bon, thôn kloh ueh. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 2007. - 119tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001375, DC.001376

662 Vận dụng luật tục ÊĐÊ vào việc xây dựng gia đình, buôn, thôn văn hóa. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 2007. - 143tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001373, DC.001374

663 Đam san xing nhã : Trường ca. - Hà Nội : Văn học, 2008. - 136tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001371, DC.001372

664 Sử thi Việt Nam chọn lọc. - Hà Nội : Văn học, 2008. - 223tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001369, DC.001370

665 Nốt nhạc trầm : Thơ / Hoàng Chuyên. - Hà Nội : Hội nhà văn, 2007. - 79tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001367, DC.001368

666 Chàng pich Tol / Bùi Minh Vũ sưu tầm, biên soạn, Điểu Phước dịch. - Dak Lak : Sở Văn hóa Thông tin, 2007. - 198tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001365, DC.001366

667 Vô ưu tuyển tập thơ : Kỷ niệm 10 năm vô ưu 1998 - 2008. - Dak Lak : Ban Văn hóa tỉnh hội Phật giáo Dak Lak, 2008. - 181tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001363, DC.001364

668 Văn hóa mẫu hệ MNông / Krông YTuyên biên soạn. - Dak Lak : Sở Văn hóa Thông tin, 2005. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001361, DC.001362

669 Hai chị em: JI BĂCH và JI BAY. - Dak Lak : Sở văn hóa thông tin xb, 2008. - T.03 ; 19 Cm
Hai chị em. - Dak Lak : Sở Văn hóa Thông tin, 2006. - 197 Tr ; 19 Cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001461

670 Bác thợ săn lạc trong rừng. - Dak Lak : Sở văn hóa thông tin xb. - 19 Cm
Bác thợ săn lạc trong rừng. - Dak Lak : Sở văn hóa thông tin, 2005. - 206 ; 19 Cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001358, DC.001359

671 Kỷ yếu kỳ họp bất thường(Từ ngày 16 đến ngày 17 - 10 - 2007) : Lưu hành nội bộ. - Dak Lak : Văn phòng hội đồng nhân dân tỉnh, 2007. - 255tr. ; 27 cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001360

672 Sự tích cây nêu = Nkch Yan N gang : Kho tàng truyện cổ Mnông / Trương Bi (ch.b), nghệ nhân Điểu Klung kể, người dịch: nghệ nhân Điểu Kâu, Điểu Phước người sưu tầm: Trương Bi, Ywưn Knă. - Dak lak : Sở Văn hóa Thông tin Dak Lak, 2006. - 197 tr ; 19 cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001354, DC.001355

673 Người Tây Nguyên theo Đảng, theo Bác Hồ. - Dak Lak : Nxb. Dak Lak. - 24 Cm
Người Tây Nguyên theo Đảng, theo Bác Hồ. - Dak Lak : Nxb. Dak Lak, 2008. - 216 Tr ; 24 Cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001352, DC.001353

674 AMa chi sa = Amã cuvau vong coi : Sử thi Gia lai. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2007. - 1115tr. ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899 AM100C
Số ĐKCB: DC.001351

675 Dăm Duông hóa cọp. Dăm Duông trong lốt ông già = Dăm duông ji âng kla bring brông. Dăm duông trong lốt ông già : Sử thi Xơ Đăng. - Hà Nội : khoa học xã hội, 2007. - 1070 ; 24cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 D114D
Số ĐKCB: DC.001350

676 Tiếng cồng của ông bà Hbia Lơ Đă = Săp cêng mo ây Hbiba Lơ Đă : Sử thi Chăm Hơ roi. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2006. - 904 tr ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899 T306C
Số ĐKCB: DC.001348, DC.001349

677 Chi Bri - Chi Brít = Ci Bri - Ci Brit : Sử thi Chăm Hơroi. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2005. - 962tr. ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899 CH300B
Số ĐKCB: PD.039660, PM.068281, DC.001346, DC.001347

678 Dăm Duông bị bắt làm tôi tớ. Dăm Duông cứu nàng Bar Mă = Dăm Duông BRọ Dek Wi : Sử thi Xơ Đăng. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2006. - 1128 tr ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 D114D
Số ĐKCB: DC.001344, DC.001345

679 Giông cứu nàng rang hu. Giông đi tìm vợ = Giông hoai iok bia rang hu. Giông năam cha akăn : Sử thi Ba Na. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2006. - 605 tr ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899 GI-455C
Số ĐKCB: DC.001343

680 Giơ hao jrang = Dăm Noi. Diơ hao jrang : Sử thi Ba Na. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2006. - 524 tr. ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 GI-460H
Số ĐKCB: DC.001342

681 Giông cưới nàng khỉ = Giông oei kơ adruh Bia Đok. Atâu so Hle, Kơne gơeng : Sử thi Ba Na. - Hà Nội : khoa học xã hội, 2007. - 839 tr ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 GI-455C
Số ĐKCB: DC.001341

682 Giông cứu đói dân làng mọi nơi . Giông leo mía thần = Giông gum kon tơ ring pơ ngot hrăh. Giông hao kơ tao : Sử thi Ba Na. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2006. - 1012 tr. ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 GI-455C
Số ĐKCB: DC.001340

683 Giông nhờ ơn thần núi làm ra giàu có. Giông kết bạn với Glaih phang = Giông yuơ yang kông gum ăn jing pơdrỏng. Giông tơ pô păng tơdăm glaih phang : Sử thi Ba Na. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2007. - 1002 tr. ; 24 cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 GI-455N
Số ĐKCB: DC.001339

684 Cọp bắt cóc giông thủa bé. Bia phu bỏ giông = Kla rôp giông oei ie. Bia phuhrch giông : Sử thi Ba Na. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2007. - 784 ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 C434B
Số ĐKCB: DC.001337

685 Giông đánh hạ nguồn cứu dân làng. Giông bọc trứng gà = Giông tơblah pâưng bah krong vă dong dêh char. Giông teo kơ tăp ier : Sử thi Ba na. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2007. - 760 tr ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 GI-455Đ
Số ĐKCB: DC.001335

686 Anh em glang Mam. Chang kơ Tam Gring mah = Nhong oh Gviang mam. Dăm kơ tam gring mah : Sử thi Ba Na. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2006. - 993tr. ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 A-107E
Số ĐKCB: DC.001334

687 Giông đi đòi nợ. Giông giết sư tử cứu làng set : Sử thi Ba Na. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2007. - 592tr. ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 GI-455Đ
Số ĐKCB: DC.001333

688 Giỏ hao jrang = Dăm Noi. Djở hao jrang. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2006. - 524tr. ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 GI-400H
Số ĐKCB: DC.001332

689 Giông cứu nàng rang hu. Giông đi tìm vợ = Giông hoai iok bia rang hu. Giông năm cha akăn : Sử thi Ba Na. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2006. - 605tr. ; 24cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 GI-455C
Số ĐKCB: DC.001331

690 Giông ngủ ở nhà rông của làng bỏ hoang.Giông săn Trâu rừng = Giông tep tơ rông kơtu pơlei lôch rung. Giông lua pơnăh mim kru yang : Sử thi Ba Na / A Lưu hát kể; Võ Quang Trọng s.t; Phiên âm, d: Y Tư, Y Kiưch; biên tập: Trần Nho Thìn, Lê Thị Thuỳ Ly. - Hà Nội : khoa học xã hội, 2007. - 1008tr. : ảnh ; 24cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 GI-455N
Số ĐKCB: DC.001329, DC.001330, PD.039613, PM.068274

691 Set xuống đồng bằng thăm bạn. Giông dẫn các cô gái đi xúc cá = Set jur năm hơ pong ngôi păng po hăp. gôing jên đê adreuh yâu đak kông : Sử thi Ba Na. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2007. - 1053tr. ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 S207X
Số ĐKCB: DC.001327, DC.001328

692 Giông trong yuăn = Di ông trong Yuăn : Sử thi Ba Na / Bokpăk nghệ nhân hát. - Hà Nội : khoa học xã hội, 2006. - 1156tr. ; 24cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 GI-455T
Số ĐKCB: DC.001325, DC.001326

693 Giông đạp đổ núi đá cao ngất = Giông trăm tơkâl kông tơmo : Sử thi Ba Na / Alưu nghệ nhân hát kể, Võ Trọng Sưu tầm, Ytư phiên âm tiếng Ba Na, dịch sang tiếng việt: Atar, Ykiưch, Võ Quang Trọng biên tập văn học. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2006. - 817tr ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: GI-455Đ
Số ĐKCB: DC.001323, DC.001324

694 Anh em Dăm trao, Dăm Rao = Xing nhã. Dăm trao, Dăm Rao : Sử thi Ê đê. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2007. - 902tr. ; 24cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899 A107E
Số ĐKCB: DC.001322

695 Tiăng cướp Djăn, Dje : Sử thi Mơ Nông. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2006. - 2551 tr ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 T300Ă
Số ĐKCB: DC.001317

696 Tiăng lấy gươm tự chém = Tăng soc đao dao : Sử thi Mnông. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2006. - 800tr. ; 24cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 T300Ă
Số ĐKCB: DC.001320

697 Lấy ché con ó của tiăng = Sok rlung klung klang ndăng Klau Tiăng : Sử thi Mnông / Điểu Klung nghệ nhân hát kể, sưu tầm: Đỗ Hồng Kỳ, Trương Bi, Điểu Kâu phiên âm dịch sang tiếng việt, Nguyễn Thị Phương Châm biên tập văn học. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2006. - 1272 ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 L126C
Số ĐKCB: DC.001318, DC.001319

698 Kho tàng sử thi Tây Nguyên: Ti ăng cướpDjăn, Dje. - Hà Nội : Khoa học xã hội. - 24 cm
Tiăng cướp Djăn, Dje / Điểu klung sưu tầm; Phiên âm dịch sang tiếng việt: Đỗ Hồng Kỳ, Vũ Đức Cường, Điểu Kâu; Ngô Đức Thịnh biên tập văn học11. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2007. - 1299 tr ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 T300Ă
Số ĐKCB: DC.001315, DC.001316

699 Ting, rung chết : Sử thi Mơ Nông. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2006. - 1465 tr ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 T312R
Số ĐKCB: DC.001313, DC.001314

700 Tiăng giành lại bụi tre lồ ô = Tiăng Sơk tơm ngâr : Sử thi Mnông. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2007. - 1172tr. ; 24cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 T300Ă
Số ĐKCB: DC.001309, DC.001310

701 Khing ju : Sử thi Ê đê / Ynuh Niê nghệ nhân hát kể, Sưu tầm: Đỗ Hồng Kỳ, Ywon kna phiên âm, YKôniêkdăm dịch sang tiếng việt, Đỗ Hồng Kỳ biên tập văn học. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2007. - 1276 tr ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899 KH312J
Số ĐKCB: DC.001307, DC.001308, DC.001321

702 MDRong Dăm : Sử thi Ê đê / YNuh Niê nghệ nhân hát kể; Sưu tầm: Đỗ Hồng Kỳ, Ywon...; AMaBik phiên âm; YĐiêng dịch sang tiếng việt. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2006. - 1171tr. ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2899 MDR431D
Số ĐKCB: DC.001305, DC.001306

703 Sung, trang con mung thăm tiăng = Sung, trang kon mung khâl tiăng : Sử thi Mơ Nông. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2007. - 1487 ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 S513T
Số ĐKCB: DC.001303, DC.001304

704

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 Đ200L
Số ĐKCB: DC.001301, DC.001302

705

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 Đ200L
Số ĐKCB: DC.001300

706 Kể gia phả sử thi - ot ndrong = Nkoch Yau ot ndr ong : Sử thi Mnông. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2006. - 616tr. ; 24cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 K250G
Số ĐKCB: DC.001299

707 Trâu bon tiăng chạy đến bon krơng, lơng con jiăng = Mbung rpu bon tiăng tât krơng, lơng kon jăng : Sử thi Mnông. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2006. - 575tr. ; 24cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 TR125B
Số ĐKCB: DC.001298

708 Yang ban lung con lông = Yang tăch bing kon lông : Sử thi Mnông. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2006. - 671 tr ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 Y106B
Số ĐKCB: DC.001297

709 Rôch, Rông bắt hồn lêng = Rôch, Rông guăch huêng lêng : Sử thi Mnông. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2006. - 615tr. ; 24cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 R451R
Số ĐKCB: DC.001293, DC.001294

710 Trâu bon Tiăng chạy đến bon Krơng, Lơng con jiăng = Mbung Rpu bon tiăng tât krơng, lơng kon jiăng : Sử thi Mơ Nông. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2006. - 575tr. ; 24cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 TR125B
Số ĐKCB: DC.001291, DC.001292

711 Anh em Klu, Kla = AYong Klu, adei Kla : Sử thi Ê đê. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2007. - 928tr. ; 24cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899 A107E
Số ĐKCB: DC.001289, DC.001290

712 Hbia M Lin : Sử thi ÊĐê. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2007. - 1022tr. ; 24cm. - (Kho tàng sử

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899 HB301M
Số ĐKCB: DC.001287, DC.001288

713 Chàng Dăm Tiông = AMa H Wứ. Dăm Tiông : Sử thi ÊĐê. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2007. - 707 tr ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899 CH106D
Số ĐKCB: DC.001285, DC.001286

714 Con hổ cắn mẹ rong / Điêu Klưt kể; Đỗ Hồng Kỳ sưu tầm. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2007. - 1595 tr ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 C430H
Số ĐKCB: DC.001283, DC.001284

715

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 C430H
Số ĐKCB: DC.001281, DC.001282

716 Cươp bung con Kliet / Điểu Klưt nghệ nhân hát kể; Đỗ Hồng Kỳ sưu tầm phiên âm; Điểu Kâu dịch sang tiếng Việt. - Hà Nội : Khoa học xã hội. - 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)

Cướp bung con Klet / Điểu Klưt kể; Đỗ Hồng Kỳ sưu tầm; Điểu Kâu dịch. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2007. - 1676 tr ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 C562B
Số ĐKCB: DC.001277, DC.001278

717 Kho tàn sử thi Tây Nguyên: Cướp bung con Kliet. - Hà Nội : Khoa học xã hội. - 24 cm

Cướp bung con klet / Điểu Klưt kể: Đỗ Hồng Kỳ phiên âm,Điểu Kâu dịch. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2007. - 1676 tr ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2089959305976 C562B
Số ĐKCB: DC.001279, DC.001280

718 Luật tục Ê Đê về bảo vệ rừng, đất đai, nguồn nước = Răng m gang dliê kmrơng, m ganglăn,êa / Cung cấp nội dung: nghệ nhân Ynuh Niê, Ypui, Yur,...ưu tầm và biên soạn: Trương Bi, Vùi Minh Vũ, người dịch: Ywnkna, Ybenbyă. - Dak Lak : Sở văn hóa thông tin, 2006. - 93tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001275, DC.001276

719 Hội nghị biểu dương gia đình văn hóa tiêu biểu xuất sắc Tỉnh Dak Lak lần thứ 1 (2002 - 2006) : Tập kỷ yếu. - Dak Lak : Ủy ban nhân Tỉnh Dak Lak xb, 2007. - 161tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001273, DC.001274

720 Hạ xanh 11. - Dak Lak : Nhà văn hóa thiếu nhi, 2007. - 212tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001272

721 Tài liệu bồi dưỡng cán bộ mặt trận cơ sở : Dành cho cán bộ mặt trận cấp xã, phường, thị trấn và trưởng ban công tác mặt trận. - Dak Lak : Nxb. Dak Lak, 2007. - 172tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001271

722 Nữ tù trưởng ADuônhdu : Truyện cổ Ê Đê / Lương Thanh Sơn (ch.b); Sưu tầm và dịch thuật: Amatudưn, Từ Thị Kim, Amí Tâm. - Dak Lak : Bảo tàng Dak Lak, 2007. - 187tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001270

723 Dak Lak những trận đánh điển hình trong chiến tranh giải phóng. - Dak Lak : Nxb. Dak Lak,
Tóm tắt: ĐTTS ghi: Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Dak Lak

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001269

724 Lịch sử - truyền thống quân giới tỉnh Dak Lak 1945 - 1975. - Dak Lak : Nxb. Dak Lak, 1999. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001267

725 Lịch sử bộ chỉ huy quân sự tỉnh Dak Lak 1965 - 2000. - Dak Lak : Nxb. Dak Lak, 2003. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.000515, DC.001216, DC.001266

726 Trung đoàn 84 những chặng đường lịch sử 1947 - 1954. - Dak Lak : Nxb. Dak Lak, 2000. -

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001265

727 Cẩm nang 100 tình huống pháp luật dành cho cán bộ cơ sở. - Dak Lak : Nxb. Dak Lak, 2006. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001264

728 Kdam Dral Kăm Đoăl : Sử thi Êđê (song ngữ: Êđê - Việt). - Dak Lak : Văn hóa dân tộc, 2005. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001263

729 Lịch sử ngành y tế cách mạng Dak Lak 1945 - 2005. - Dak Lak : Buôn Ma Thuột. - 21 cm
Lịch sử ngành y tế cách mạng Dak Lak 1945 - 2005. - Dak Lak : Buôn Ma Thuột, 2007. - 162 tr ; 21 cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001261, DC.001262

730 Luật tục với đời sống / Phan Đăng Nhật. - Hà Nội : Tư pháp, 2007. - 375 tr. ; 21 cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001259, DC.001260

731 YNgông Niê Kđăm cuộc đời và trong lòng bạn bè đồng nghiệp. - Dak Lak : Chính trị quốc gia,
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001257, DC.001258, DC.001444, DC.001445

732 Niên giám thống kê ngành Văn hóa thông tin. - Hà Nội : Nxb.Hà Nội, 2004. - 142 tr ; 24 cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001256

733 Niên giám thống kê ngành Văn hóa thông tin 2005. - Hà Nội : Nxb. Hà Nội, 2006. - 263 tr ; 24
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001254, DC.001255

734 Kỷ yếu kỳ họp chuyên đề - HĐND khóa VII (Từ ngày 11 - 4 - 2007 đến ngày 13 - 11 - 2007) : Lưu hành nội bộ. - Dak Lak : Văn phòng HĐND và đoàn ĐBQH Tỉnh Dak Lak, 2007. - 265 tr ; 27 cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001252, DC.001253

735 Kỷ yếu kỳ họp thứ 8 - HĐND khóa VII (Từ ngày 10 - 7 - 2007 đến ngày 13 - 7 - 2007) : Lưu hành nội bộ. - DaK Lak : Văn phòng HĐND và đoàn ĐBQH Tỉnh Dak Lak, 2007. - 445 tr ; 27 cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001250, DC.001251

736 Kỷ yếu kỳ họp thứ 7 - HĐND Tỉnh khóa VII (Từ ngày 11 - 12 đến ngày 14 - 12 - 2006) : Lưu hành nội bộ. - Dak Lak : Văn phòng HĐND và đoàn ĐBQH Tỉnh Dak Lak, 2006. - 621 tr ; 27 cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001248, DC.001249

737 Kỷ yếu kỳ họp chuyên đề - HĐND Khóa VII (Từ Ngày 09 - 10 -2006 đến ngày 11 - 10 - 2006) : Lưu hành nội bộ. - Dak Lak : Văn phòng HĐND và đoàn ĐBQH Tỉnh Dak Lak, 2006. - 350 tr ; 27 cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001246, DC.001247

738 Kỷ yếu kỳ họp thứ 6 - HĐND khóa VII (Từ ngày 19 - 7 2006 đến ngày 21 - 7 - 2006) : Lưu hành nội bộ. - Dak Lak : Văn phòng HĐND và đoàn ĐBQH Tỉnh Dak Lak, 2006. - 328 tr ; 27 cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001244, DC.001245

739 Kỷ yếu kỳ họp chuyên đề - HĐND khóa VII (Từ ngày 9 - 5 - 2006 đến ngày 11 - 5 -2006) : Lưu hành nội bộ. - Dak Lak : Văn phòng HĐND và đoàn ĐBQH tỉnh Dak Lak, 2006. - 319 tr ; 27 cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001242, DC.001243

740 Kỷ yếu kết quả các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học và công nghệ (1996 - 2003). - Dak Lak : Buôn Ma Thuột, 2004. - 191 tr ; 27 cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001241

741 Những xã phường, thị trấn làm tốt công tác thương binh liệt sĩ. - Hà Nội : Lao động xã hội, 2006. - 395 tr ; 27 cm. - (Bộ lao động thương binh và xã hội)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001240

742 Bảo tàng di tích lễ hội : Vấn đề bảo vệ di sản văn hóa dân tộc / Phan Khanh. - Hà Nội : Thông tin, 1992. - 377tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.96 B108T
Số ĐKCB: DC.000479

743 Giọt nước trầm tư : Thơ / Lê Quý Phóng. - Dak Lak : Hội văn học nghệ thuật tỉnh Dak Lak xb,
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001227, DC.001228, DC.001229

744 Tuyển tập 30 truyện ngắn viết về Dak Lak / Nhiều tác giả. - Dak Lak : Hội văn học nghệ thuật Dak Lak xb, 2005. - 439tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.85(92) T527T
Số ĐKCB: DC.001215

745 Cùng đi qua mùa hạ : Thơ / Đinh thị Như Thuý. - Dak Lak : Văn nghệ, 2005. - 51tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001238

746 Và nỗi nhớ đã bắt đầu với gió : Thơ / Lê Vĩnh Tài. - TP.Hồ Chí Minh : Văn nghệ, 2006. - 45tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.85(92) V100N
Số ĐKCB: DC.001236

747 Tập ca khúc cao Nguyên hát / Nhiều tác giả. - Dak Lak : Hội văn học nghệ thuật xb, 2006. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.741 T126C
Số ĐKCB: DC.001239

748 Lửa trong tay chúng tôi : Truyện ngắn / YĐiêng. - Dak Lak : Hội văn học nghệ thuật xb, 2005.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.85(92) L551T
Số ĐKCB: DC.001218

749 Trăm năm ban mê : 100 Bài thơ / Nhiều tác giả. - Hà Nội : Văn học, 2005
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.85(92) TR114N
Số ĐKCB: DC.001217

750 Trăm năm ban mê : 100 Bài thơ / Nhiều tác giả. - Hà Nội : Văn học, 2005
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.85(92) vie
Số ĐKCB: DC.001217

751 Vỡ ra mưa ấm : Trường ca / Lê Vĩnh Tài. - Dak Lak : Văn nghệ, 2005. - 83tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001237

752 Bản tin HIV / AIDS : Khu vực Tây Nguyên / Ban biên tập: Đặng Tuấn Đạt, Hoàng Anh Vường, Phạm thọ Dược. - Dak Lak : Viện vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên xb, 2006. - 80tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.61 B105T
Số ĐKCB: DC.001233, DC.001234, DC.001235

753 Tài liệu hỏi đáp phục vụ công tác tuyên truyền phân giới, cắm mốc biên giới Việt Nam - Căm puchia : (Tài liệu tuyên truyền rộng rãi trong nhân dân). - Dak Lak : Ban tuyên giáo tỉnh uỷ xb, 2006. - 31tr.1232 ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.111 T103L
Số ĐKCB: DC.001232

754 Đề cương tuyên truyền về phân giới, cắm mốc biên giới Việt Nam - Căm puchia. - Dak Lak : Ban tuyên giáo tỉnh uỷ xb, 2006. - 24tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.111 Đ250C
Số ĐKCB: DC.001231

755 Văn kiện hội nghị lần thứ ba Ban chấp hành Trung ương khóa X : (Lưu hành nội bộ). - Hà Nội : Chính trị quốc gia, 2006. - 52tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.111 Đ250C
Số ĐKCB: DC.001230

756 Hương rừng : Thơ nhiều tác giả. - Dak Lak : Câu lạc bộ thơ huyện KRông Búk xb, 2006. -

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.85(92) H561R
Số ĐKCB: DC.001225, DC.001226

757 Sự tích cây Kơ Nia / Sưu tầm và biên soạn: Trương Bi, Ywơn Knă. - Dak Lak : Sở văn hóa thông tin xb, 2006. - 178tr. ; 19cm. - (Kho tàng truyện cổ Êđê)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.89 S550T
Số ĐKCB: DC.001223, DC.001224

758 Sự tích đoàn kết các dân tộc : Truyện cổ Tây Nguyên / Sưu tầm và biên soạn: Trương Bi, Ywơn Knă. - Dak Lak : Sở văn hóa thông tin xb, 2006. - 214tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.89 S550T
Số ĐKCB: DC.001221, DC.001222

759 Đại hội đại đoàn kết các dân tộc Tỉnh Dak Lak, Lần thứ nhất. - Dak Lak : Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh Dak Lak xb, 2006. - 218 tr1219-1220 ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.254 Đ103H
Số ĐKCB: DC.001219, DC.001220

760 Uỷ ban kháng chiến hành chính Miền Nam trung Bộ (1945 -1954). - Hà Nội : Đại học sư phạm, 2006. - 559tr. ; 24cm. - (Ban chỉ đạo biên soạn lịch sử chính phủ Việt Nam)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.92 U-523B
Số ĐKCB: DC.001214

761 Nghi lễ và phong tục các tộc người ở Tây Nguyên / Ngô Đức Thịnh tuyển chọn và giới thiệu. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2006. - 463 tr ; 24cm. - (Viện nghiên cứu văn hóa)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.97 NGH300L
Số ĐKCB: DC.001213

762 Kỷ yếu kỳ họp thứ năm - HĐND khoá VII : Lưu hành nội bộ. - DakLak : Văn phòng HĐND và đoàn ĐBQH tỉnh Daklak xb, 2006. - (Hội đồng nhân dân tỉnh Daklak)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001211, DC.001212

763 Cô gái vùng chiến tuyến / Đặng Hồng Quang. - Hà Nội : Lao động, 2005. - 342 tr ; 19 cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.83 C450G
Số ĐKCB: DC.001210

764 Văn hoá ẩm thực các dân tộc thiểu số vùng Đông Bắc / Sưu tầm biên soạn: Dương Sách , Dương Thị Đào, Lã Vinh. - Hà Nội : Văn hoá dân tộc, 2005. - 274 tr ; 19 cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.438.8 V115H
Số ĐKCB: DC.001206, DC.001207, DC.001208

765 Huyền thoại Bor Ron : Tập truyện ngắn / Đinh Kim Nhất. - Hà Nội : Quân đội nhân dân, 2005.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.85(92) H527T
Số ĐKCB: DC.001209

766 Niên giám thống kê Tỉnh Dak Lak = Statistical Yearbook. - Dak Lak : Cục thống kê tỉnh Dak Lak xb, 2006. - 225tr. ; 24 cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.11(1) N305G
Số ĐKCB: DC.001197, DC.001196

767 Thơ ca dân gian người Dao Tuyển : Song ngữ Việt - Dao / Trần Hữu Sơn chủ biên. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 2005. - 538tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.89 TH460C
Số ĐKCB: DC.001203, DC.001204, DC.001205

768 Trang phục các tộc người nhóm ngôn ngữ Kađai / Đỗ Thị Hòa. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc,
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.97 TR106P
Số ĐKCB: DC.001200, DC.001201, DC.001202

769 Niên giám thống kê ngành văn hóa thông tin 2004. - Hà Nội : Bộ văn hóa thông tin, 2005. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.54(1) N305G
Số ĐKCB: DC.001198, DC.001199

770 Danh bạ doanh nghiệp sản xuất kinh doanh cà phê. - Đăklăk : Trung tâm xúc tiến thương mại du lịch Đăklăk xuất bản, 2005. - 141tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.461 D107B
Số ĐKCB: DC.001194, DC.001195

771 Lịch sử phong trào nông dân tỉnh Đăklăk 1930 - 2000. - Đăk Lăk : Hội nông dân Việt Nam tỉnh Đăklăk, 2005. - 255tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.252 L302S
Số ĐKCB: DC.001192, DC.001193

772 Em yêu dòng bạc trắng / Nguyễn Đức Thư. - Dak Lak : Nông trường cao su 1-5 xb, 1997. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.85(92) E202Y
Số ĐKCB: DC.001189, DC.001191, DC.001190

773 Chiều tà : Thơ / Nguyễn Đức Thư. - Đak Lak : Sở lao động thương binh xã hội tỉnh Đak Lak
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.85(92) CH309T
Số ĐKCB: DC.001186, DC.001188, DC.001187

774 Văn hóa vật chất người Khơ Mú ở Việt Nam / Trần Tất Chủng. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc,
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.97 V115H
Số ĐKCB: DC.001183, DC.001184, DC.001185

775 Trường ca, sử thi trong môi trường văn hóa dân gian Tây Nguyên / Linh Nga Niê Kdam. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 2005. - 195tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.89 TR561C
Số ĐKCB: DC.001180, DC.001181, DC.001182

776 Kdam Drual Kdăm Đroăl : Sử thi Ê đê. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 2005. - 415tr ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.89 KD104D
Số ĐKCB: DC.001178, DC.001177, DC.001179

777 Luật tục RaGlai = ADAT PANUAIQ RAGLAI : Song ngữ Việt - RaGlai / Nguyễn Thế Sang. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2004. - 1190tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.97 L519T
Số ĐKCB: DC.001174, DC.001176, DC.001175

778 Việt Nam những sự kiện 1945 - 1975. - Hà Nội : Khoa học xã hội. - 19 cm
Việt Nam những sự kiện 1945 - 1975. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 1975. - 330tr ; 19 cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001055

779

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001057, DC.001056, DC.001058, DC.001059

780 Cuộc kháng chiến thần thánh của nhân dân Việt nam. - Hà Nội : Sự thật. - 19 cm
Cuộc kháng chiến thần thánh của nhân dân Việt nam : Những bài viết trong thời kỳ kháng chiến trên các báo Đảng. - Hà Nội : Sự thật, 0. - 327
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001061, DC.001062

781 Cuộc kháng chiến thần thánh của nhân dân Việt Nam. - Hà Nội : Sự thật
Cuộc kháng chiến thần thánh của nhân dân Việt Nam : Những bài viết trong thời kỳ kháng chiến trên các báo Đảng. - Hà Nội : Sự thật, 0. - 421 tr
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001063

782 Kinh tế xã hội nông thôn Việt Nam ngày nay. - Hà Nội : Nxb. Tư tưởng văn hóa. - 19 cm
Kinh tế xã hội nông thôn Việt Nam ngày nay : Các chuyên đề nghiên cứu về các lĩnh vực kinh tế - xã hội ở nông thôn Việt Nam ngày nay. - Hà Nội : Tư tưởng văn hóa, 1991. - 263 tr ; 19 cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001066, DC.001067, DC.001064, DC.001065

783 Trận tuyến miền Tây. - [kđ] : Cơ quan chính trị bộ đội miền Tây xb. - 19 cm
Trận chiến miền Tây. - [kđ] : Cơ quan chính trị bộ đội miền Tây xb, 1971. - 40 tr ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001077

784 Cách mạng tháng tám: Tổng khởi nghĩa ở Hà Nội và các địa phương. - Hà Nội : Nxb. Sử học, 19 cm
Cách mạng tháng tám: Tổng khởi nghĩa ở Hà Nội và các địa phương. - Hà Nội : Nxb. Sử học, 0. - 462 tr ; 19 cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001069

785 Tài liệu tham khảo về tình hình kinh tế Miền Nam Việt Nam. - [kđ] : [kn], 0. - 30tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001103

786 Cuộc di dân sắc tộc Bru từ Quảng trị vào Darlac. - [kđ] : [kn], 0. - 154tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001099, DC.001100

787 Xuân 1975 một chiến công kỳ diệu / Từ Vân. - Hà Nội : Sự thật, 1975. - 81tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001076

788 Dự thảo tổng kết công tác hậu cần chiến dịch Bắc Tây Nguyên : (Từ 20 - 1 đến 17 - 7 - 1954). - Hà Nội : Tổng cục hậu cần xb, 1961. - 50tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001078

789 Thực trạng dân chủ, công bằng xã hội và thực hiện pháp chế xã hội chủ nghĩa ở nông thôn / Cầm Ngoan , Văn Công. - Hà Nội : [kn], 0. - tr. 395 - 431 ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001079

790 Cuộc tổng tiến công và nổi dậy thần kỳ mùa xuân 1975 của quân và dân ta ở Miền Nam Việt Nam đã toàn thắng : Đề cương nói chuyện nội bộ. - Hà Nội : Cục tuyên huấn - tổng cục chính trị xb, 1975. - 20 tr
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001080

791 Hành quân lấn chiếm của địch ở khu vực Bản Đôn : (4 - 12 - 1973 đến 16 - 3 - 1974). - [kđ] : [kn], 0. - tr. 86 - 95 : Hình vẽ ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001081

792 Phản ứng đối phó của địch trong cuộc tấn công xuân hè 1972 của ta ở bắc Tây Nguyên. - [kđ] : [kn], 0. - tr. 13 - 86 ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001082

793 Đất nước Việt Nam / Nguyễn Văn Chiển. - [kđ] : [kn], 0. - tr. 5 - 31 ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001083

794 Về sự phân tầng xã hội ở nông thôn hiện nay / Đặng Cảnh Khanh. - [kđ] : [kn], 0. - tr. 318 -

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001084

795 Nhật ký của các phong trào tranh đấu của đồng bào thượng (1959 - 1969) / Nguyễn Trắc Dĩ. - Hà Nội : Văn phòng Ban dân tộc TƯ xb, 1977. - 24tr. ; 27cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001095

796 Thực trạng đời sống văn hóa ở các vùng nông thôn nước ta hiện nay / Trần Cự Khu, Hà Văn Tăng, Nguyễn Huy Thắng. - [kđ] : [kn], 0. - tr. 264 - 319 ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001086

797 Tuyên cáo của Fulro : Tư liệu nghiên cứu nội bộ - sao lục. - Hà Nội : Ban dân tộc trung ương
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001097

798 Sự phân bố dân cư, lịch sử các thành phần tộc người và truyền thống dựng nước, giữ nước. - [kđ] : [kn], 0. - 44tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001094

799 Tóm tắt một số công trình 20 năm điều tra quy hoạch thiết kế rừng : Điều tra quy hoạch rừng. - Hà Nội : [kn], 1982. - 86tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.371 T429T
Số ĐKCB: DC.000970, DC.000969

800 Khu hệ thú (Mammalia) ở Tây Nguyên. - [kđ] : [kn], 0. - 144tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001102

801 Những vấn đề xã hội hiện nay ở Tây Nguyên / Đặng Nghiêm Vạn. - [kđ] : [kn], 0. - 151tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001085

802 Đơn vị anh hùng và anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân : Đợt tuyên dương 31 - 5 - 1976. - [kđ] : [kn], 0. - 69tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.27 Đ464V
Số ĐKCB: DC.001159, DC.001160, DC.001161, DC.001162, DC.001163

803 Thời tiết và khí hậu ở các vùng chính Việt Nam. - [kđ] : [kn], 0. - 73tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001109

804 Sự quan trọng và cần thiết của một quy chế riêng biệt cho đồng bào thiểu số trong sinh hoạt cộng đồng quốc gia : Bài thuyết trình của ông Paul - Nưr, tổng trưởng phát triển sắc tộc trong lễ kỷ niệm đệ II chu niên ngày ban hành quy chế riêng biệt cho đồng bào thiểu số. - [kđ] : [kn], 0. - 29tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.97 S550Q
Số ĐKCB: DC.001112

805 Tìm hiểu phong trào tranh đấu F.U.L.R.O (1958 - 1969) / Nguyễn Trắc Dĩ. - Sài Gòn : Bộ phát triển sắc tộc ấn hành, 1969. - 56tr. ; 27cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001098

806 Việt Nam chí lược miền thượng cao Nguyên / Cửu Long Giang, Toan Ánh. - [kđ] : [kn], 1974. -

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.31 V308N
Số ĐKCB: DC.000873, DC.001088, DC.000870, DC.000872, DC.000963

807 Đường lên xứ thượng / Bùi Đình. - Sài Gòn : Bộ công dân vụ xb, 1963. - 93tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001089

808 Mấy nét về tình hình các dân tộc thiểu số và các tôn giáo ở Việt Nam. - Hà Nội : Tổng cục chính trị xb', 1963. - 130tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001090

809 Phong tục tập quán đồng bào thượng. - [kđ] : [kn], 0. - 121tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001091

810 Việt Nam cuộc chiến tranh mười nghìn ngày / Mac lia, Mai cơn. - Hà Nội : Sự thật, 1990. -

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001092

811 Vị trí tiềm năng và hiệu quả sản xuất kinh doanh một số cây con chủ yếu trong nền nông nghiệp nước ta hiện nay. - Hà Nội : Nông nghiệp, 0. - 39tr ; 19 cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001093

812 Tổng kết tác chiến phòng không trong chiến dịch Tây Nguyên (mùa xuân 1975). - [kđ] : [kn],

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001106

813 Mặt trận Tây Nguyên. - [kđ] : [kn], 0. - 210 tr ; 27 cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001105

814 Số liệu thống kê cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam = STA TISTICAL DATA THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM 1976 - 1990. - Hà Nội : Thống kê, 1991. - 158tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.4(1) S450L
Số ĐKCB: DC.001157, DC.001155, DC.001156, DC.001158

815 Người Việt , đất Việt / Cửu Long Giang. - Sài Gòn : Nam Chi Tùng, 1967. - 261 tr

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001070, DC.001071

816 Sơ lược về chính sách thượng vụ trong lịch sử Việt Nam. - Sài Gòn : [kn], 1966. - 175tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001072

817 Về nghề làm vườn và kinh tế vườn. - Hà Nội : Nông nghiệp, 1995. - tr. 42 - 87 ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001073

818 Về đội ngũ cán bộ ở nông thôn hiện nay. - Hà Nội : Nông nghiệp, 1995. - tr. 465 - 513 ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001074

819 Việt Nam những sự kiện 1945 - 1986. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 1990. - tr. 471 - 72 ; 19 cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001060

820 Cuộc kháng chiến thần thánh của nhân dân Việt Nam. - Hà Nội : Sự thật. - 19cm

Cuộc kháng chiến thần thánh của nhân dân Việt Nam : Những bài viết trong thời kỳ kháng chiến trên các báo Đảng. - Hà Nội : Sự thật, [KN]. - tr.412-421 ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.93(92) C557K
Số ĐKCB: DC.000822

821 Cuộc kháng chiến thần thánh của nhân dân Việt Nam. - Hà Nội : Sự thật. - 19cm

Cuộc kháng chiến thần thánh của nhân dân Việt Nam : Những bài viết trong thời kỳ kháng chiến trên các báo Đảng. - Hà Nội : Sự thật, 1945. - tr.33-39 ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.93(92) C557K

Số ĐKCB: DC.001018

19cm

822 Thuốc cá ở hố bầu trời, mặt trăng = Krau nglau trôk, nglau khay : Sử thi Mơ Nông: hai quyển / Nghệ nhân Điểu Klung. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2005. - 2402tr ; 24cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:

Số ĐKCB: DC.001052

19cm

823 Thuốc cá ở hố bầu trời, mặt trăng = Krau nglau trôk, nglau khay : Sử thi Mơ Nông: hai quyển / Nghệ nhân Điểu Klung. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2005. - 1206tr ; 24cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20899593 TH514C

Số ĐKCB: DC.001051

824 Việt Nam những sự kiện 1945-1975. - Hà Nội : Khoa học xã hội. - 19cm

Việt Nam những sự kiện 1945-1975. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 1976. - Tr.464-465 ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.93 V308N

Số ĐKCB: DC.000871

825 Kră, Năng cướp Bing, Kông con lông = Kră, Năng pit Bing, Kông kon lông : Sử thi Mơ Nông. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2005. - 802tr. ; 19cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.89 KH400T

Số ĐKCB: DC.001050

826

Tóm tắt:

Số ĐKCB: DC.000789, DC.000790, DC.000791, DC.000795, DC.000780, DC.000781, DC.000782, DC.000783, DC.000784, DC.000785, DC.000786,

827

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.91(91) NH556S

Số ĐKCB: DC.000793, DC.000796, DC.000797

828 Miền nam giữ vững thành đồng. - Hà Nội : Khoa học. - 19cm
Miền nam giữ vững thành đồng. - Hà Nội : Khoa học, 1964. - 466tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.93(92)
Số ĐKCB: DC.000818

Miền nam giữ vững thành đồng. - Hà Nội : Khoa học. - 19cm
829 Miền nam giữ vững thành đồng : Lược sử đồng bào miền nam đấu tranh chống Mỹ và tay sai / Trần Văn Giàu. - Hà Nội : Khoa học, 1964. - 466tr ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.93(92) M306N
Số ĐKCB: DC.001010

Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam. - Hà Nội : Khoa học xã hội. - 19cm
830 Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 1974. - Tr.186-195,169-72 ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.89 KH400T
Số ĐKCB: DC.001033

Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam. - Hà Nội : Khoa học xã hội. - 19cm
831 Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 1974. - Tr.256-272,307-309,320-323 ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.89 KH400T
Số ĐKCB: DC.001032

832 Anh em Dăm Trao - Dăm Kao / A ma K'bin kể; Sưu tầm, dịch thuật và biên soạn: Trương Bi, Y Wơr. - Dak Lak : Sở Văn hóa thông tin Dak Lak xb', 2003. - 495tr. ; 23cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.8 A107E
Số ĐKCB: DC.000676, DC.000677, DC.000678, DC.000679, DC.000680

833 Thơ Tố Hữu. - Hà Nội : Văn học, 1985. - Tr. 7 - 228 , 200 - 228 ; 19 cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001040

834 Buôn làng cổ truyền xứ Thượng / Lưu Hùng. - Hà Nội : Văn hoá dân tộc, 1994. - 268tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.002316

835 Chiến dịch Tây Nguyên đại thắng / Hoàng Minh Thảo. - Tái bản có bổ sung. - Hà Nội : Quân đội nhân dân, 2003. - 204tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: LD.007231, DC.000746, DC.000747, DC.000748

836 Lêng, kong, Mbong lấy ché voi trắng : Sử thi Mơ Nông / Điểu KLung kể; Sưu tầm : Đỗ Hồng Kỳ, Trương Bi; Điểu Kấu phiên âm và dịch. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2005. - 1071tr. ; 19cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.89 KH400T
Số ĐKCB: DC.001047

837 Đơn vị anh hùng và anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân đợt tuyên dương 14 - 10- 1976. - Hà Nội : Phổ thông, 2005. - tr. 10-13, 44 - 47, 54 - 65 ; 19cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: DC.000893, DC.000962, DC.001164, DC.000892, DC.001165, DC.001166

838 Klei mrâo hriăm dlăng hră : Premire livre de leclủe rhadê. - Hà Nội : Ỉmpimirie G. Taupin,
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001007

839 Bài ca chàng Đam San = Klêi khan y Dam Săn : Trường ca đân tộc ÊĐê Tây Nguyên / Đào Tử Chí Sưu tầm và dịch. - Hà Nội : Văn hóa, 1959. - 75 tr ; 19 cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.89 B103C
Số ĐKCB: DC.001004

840 Con đỉa nuốt Bon Tiăng = GLu sok bon tiăng : Sử thi Mơ Nông. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2005. - 1003tr. ; 24cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001048

841 Bắt con lươn ở suối Dak Huch = Chuh ndung klong tran dak huch : Sử thi Mơ Nông / ĐIểu KLung nghệ nhân hát kể, sưu tầm: Đỗ Hồng Kỳ, Trương Bi, ĐIểu Kâu phiên âm, dịch sang tiếng Việt. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2005. - 1057tr. ; 24cm. - (Viện khoa học xã hội Việt Nam) (Kho tàng sử thi tây Nguyên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.89 KH400T
Số ĐKCB: DC.001046

842 Giông, Giơ mồ côi từ nhỏ = Giông, Giơ torit pơti dâng ie : Sử thi Ba Na / ALưu: Nghệ nhân hát kể; sưu tầm: Cõ Quang Trọng, Lưu Danh Danh; Phiên âm, dịch sang tiếng Việt: YHồng, AJar. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2005. - 617tr. ; 19cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001054

843 Giông làm nhà mồ = Giông bơ bơ xat : Sử thi Ba Na / ALưu: Nghệ nhân hát kể; Phiên âm dịch sang tiếng Việt: Ytư ...; sưu tầm: Võ Quang Trọng. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2005. - 534 tr ; 19cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:

Số ĐKCB: DC.001053

844 Lấy hoa bạc hoa đồng = Sok kao prăk, kao kông : Sử thi Mơ Nông. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2005. - 927 tr ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.89 KH400T

Số ĐKCB: DC.001044

845 Cướp chăn Lông của Jrêng, lêng con ôt = Pit ôi lêng jrêng, lêng con ôt : Sử thi Mơ Nông. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2005. - 751 tr ; 24 cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.89 KH400T

Số ĐKCB: DC.001049

846 Nam Bộ và nam phần Trung Bộ trong hai năm đầu kháng chiến (1945 - 1946) / Nguyễn Việt biên soạn. - Hà Nội : Văn sử địa, 1957. - 150tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: DC.000894, DC.000895, DC.000896, DC.000897, DC.000898, DC.001087

847 Tây Nguyên trên đường phát triển. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 1989. - 517tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: DC.001169, DC.001170, DC.000899, DC.000900, DC.000901, DC.001167, DC.001168

848 Đi thăm đất nước / Hoàng Đạo Thúy. - Hà Nội : Văn hóa, 1978. - tr. 411 - 417 ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.119 Đ300T

Số ĐKCB: DC.000902

849 Bước đầu tìm hiểu các dân tộc thiểu số ở Việt Nam trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước / Lã Văn Lô. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 1973. - 200tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:

Số ĐKCB: DC.000903, DC.000874, DC.000904, DC.000905

850 Tây Nguyên đoàn kết tiến lên. - Hà Nội : Sự thật, 1978. - tr. 9 - 30 ; 19cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: DC.000331, DC.000333, DC.000334, DC.000335, DC.000332, DC.000906

851 Những trang sử vẻ vang của các dân tộc ít Người (Miền Nam) / Đinh Xuân Lâm, Trần Quốc Vượng. - Hà Nội : Giáo dục, 1968. - 165tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: DC.000879, DC.000907, DC.000909, DC.000910, DC.000911, DC.000912, DC.000913, DC.000878, DC.000908, DC.000914

852 Chuyên san tài nguyên thiên nhiên và con người Tây Nguyên. - Hà Nội : Đại học tổng hợp x.b,

Tóm tắt:

Số ĐKCB: DC.000916, DC.000917, DC.000918, DC.000915, DC.000919, DC.000920, DC.001021, DC.001022, DC.001023

853

Tóm tắt:

Số ĐKCB: DC.000800, DC.000806, DC.000809, DC.000801, DC.000802, DC.000807

854 Bộ đội liên khu 5 tự túc tự cấp đánh thắng giặc : Chuyện kể của Phạm Luận. - Hà Nội : Quân đội nhân dân, 1962. - 46 tr ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:

Số ĐKCB: DC.000817

855 Chính sách phát triển sắc tộc của chính phủ Việt Nam cộng hoà. - [k.đ] : [k.n], 0. - 73tr ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.97 CH312S

Số ĐKCB: DC.000820

856 Bản sắc văn hóa các dân tộc Việt nam / Lê Ngọc Thắng (ch.b); Biên soạn: Lê Ngọc Thắng, Lâm Bá Nam. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 1990. - 261 tr ; 19 cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.97 B105S

Số ĐKCB: DC.000821

857 Lịch sử các phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc Việt Nam : (Từ 1858 đến 1945). - Hà Nội : Sự thật, 0. - tr. 50 - 51, 70 - 71, 108 - 109 ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.915 L302S

Số ĐKCB: DC.000823, DC.000975

858 Tây Nguyên luỹ thép thành đồng. - Hà Nội : Quân đội nhân dân, 1973. - 46tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.93 T126N

Số ĐKCB: DC.000824

859 Việt Nam những sự kiện 1945 - 1986. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 1990. - 125tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: DC.000825, DC.000828, DC.000829, DC.000839, DC.000849, DC.000859, DC.000862, DC.000864, DC.000826, DC.000827, DC.000830,

860 Kinh tế Miền Nam / Phạm Thành Vinh. - Hà Nội : Sự thật, 1957. - tr. 44 - 45 ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.42-7 K312T
Số ĐKCB: DC.000867, DC.000868

861 Kế hoạch phát triển kinh tế Miền Nam Việt Nam 10 năm sau chiến tranh của Mỹ Ngụy. - [k.đ] : [k.n], 1971. - tr. 324 - 342 ; 19 cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.4 K250H
Số ĐKCB: DC.000869

862 Hội đồng nhân dân tỉnh Dak Lak khóa VII - kỳ họp thứ 4(Từ ngày 19 tháng 7 đến 21 - 7-2005). - Dak Lak : Văn phòng H.Đ.N.D và đoàn Đ.B.Q.H tỉnh Dak Lak x.b, 2005. - 427tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.222 H452D
Số ĐKCB: DC.001042, DC.001041

863 Tố Hữu tác phẩm : Thơ. - Hà Nội : Văn học, 1979. - 617 tr ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.85(92)
Số ĐKCB: DC.001038

864 Tây Nguyên thiên nhiên và con Người / Nguyễn Trọng Lân, Huỳnh Thị Cả. - Hà Nội : Giáo
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.7 T126N
Số ĐKCB: DC.001025

865 Lịch sử các phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc Việt Nam : (Từ 1858 đến 1954). - Hà Nội : Sự thật, 0. - tr. 50 - 51; 70 - 71; 108 - 109 ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.91 L302C
Số ĐKCB: DC.001026, DC.001027, DC.001028

866 Tuyển tập thơ Việt Nam 1945 - 1960. - Hà Nội : Văn học, 1960. - 340 tr ; 19 cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.85(92) T527T
Số ĐKCB: DC.001029

867 Hoài niệm chiều mưa : Thơ. - Hà Nội : Thanh niên, 1991. - tr. 5 - 43 ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.8 H404N
Số ĐKCB: DC.001030

868 Truyện cổ Tây Nguyên / Sưu tầm và biên soạn: Đỗ Thiện, Ngọc Anh, Đinh Văn Thành,. - Hà Nội : Văn hóa, 1961. - tr. 5 - 364 ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.89 TR527C
Số ĐKCB: DC.001031

869 Thơ tuyển / Tố Hữu. - Hà Nội : Văn học, 1983. - tr. 5 - 434 ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.85(92) T450H
Số ĐKCB: DC.001034, DC.001035

870 Theo chân Bác : Thơ / Tố Hữu. - Hà Nội : Kim Đồng, 1975. - 65tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.85(92) TH205C
Số ĐKCB: DC.001037

871 Tây Nguyên anh em / Vi Quốc Bảo. - Việt Bắc : Nxb. Dân tộc Việt Bắc, 1967. - 21tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.9 T126N
Số ĐKCB: DC.001043

872 Bác ơi ! : Tập thơ / Tố Hữu. - Hà Nội : Văn học, 1969. - tr. 7 - 9 ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.85(92) B101Ơ
Số ĐKCB: DC.001036

873 Sổ tay về các dân tộc ở Việt Nam. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 1983. - 248tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.117 S440T
Số ĐKCB: DC.000483, DC.000485, DC.000890, DC.000484

874 Vấn đề phát triển kinh tế xã hội các dân tộc thiểu số Dak Lak. - Hà Nội : Khoa học xã hội,
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.117 V121Đ
Số ĐKCB: DC.000455, DC.000889, DC.000454

875 Một số vấn đề phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số : Cái chung và cái riêng trong nền văn hóa Việt Nam. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 1987. - tr. 7 - 327 ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.97 M458S
Số ĐKCB: DC.000888

876 Các dân tộc thiểu số ở Việt Nam. - Hà Nội : Văn hóa, 0. - tr. 193 - 238 ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.97 C101D
Số ĐKCB: DC.000886

877 Tìm hiểu đồng hiểu đồng bào miền núi Việt Nam / Bùi Đình. - Hà Nội : Tiếng Việt, 1950. - tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.97 T310H
Số ĐKCB: DC.000885

878 Đại cương về các dân tộc Êđê, Mnông ở Dak Lak / Bế Viết Đẳng, Chu Thái Sơn, Vũ Thị Hồng, Vũ Đình Lợi. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 1982. - 65tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.117 Đ103C
Số ĐKCB: DC.000884

879 Các dân tộc ít người ở Việt Nam (Các tỉnh phía Nam). - Hà Nội : Khoa học xã hội, 1984. - tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.97 Đ103C
Số ĐKCB: DC.000883

880 Kể truyện về phong tục các dân tộc ở Việt Nam / Nguyễn Văn Huy. - Hà Nội : Giáo dục, 1990.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.97 K250C
Số ĐKCB: DC.000882

881 Người Ra Glai ở Việt Nam / Nguyễn Tuấn Triết. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 1991. - 152tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.97 NG558R
Số ĐKCB: DC.000881

882 Góp phần nghiên cứu bản lĩnh bản sắc các dân tộc ở Việt Nam. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 1980. - tr. 134 - 151 ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.117 G434P
Số ĐKCB: DC.000876, DC.000877, DC.000880

883 Hội đồng các sắc tộc / Nguyễn Trắc Dĩ. - Sài Gòn : Bộ phát triển sắc tộc x.b, 1970. - 65tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.97 H452Đ
Số ĐKCB: DC.000875

884 Văn học các dân tộc thiểu số Việt Nam : Trước cách mạng tháng tám năm 1945 / Phan Đăng Nhật. - Hà Nội : Văn hóa, 1981. - 240tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.8 V115H
Số ĐKCB: DC.001020

885 Cô gái thứ mười : Truyện cổ tích của đồng bào Re và Tây Nguyên / (b.s): Đào Từ Chi, Đinh Văn Thanh. - Hà Nội : Kim Đồng, 1957. - 42tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.89 C450G
Số ĐKCB: DC.001017

886 Sống để hoạt động : Hồi ký / Nguyễn Tạo. - Hà Nội : Văn học, 1959. - 167tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.85(92) S455Đ
Số ĐKCB: DC.001015

887 Gửi Tây Nguyên : Tập thơ đấu tranh thống nhất. - Hà Nội : Dân tộc, 1962. - 54tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.83(92) G259T
Số ĐKCB: DC.001016

888 Hoan hô chiến sĩ Điện Biên : Thơ / Thơ Hữu. - Hà Nội : Quân đội nhân dân, 1964. - tr. 11 - 16
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.85(92) H406H
Số ĐKCB: DC.001014

889 Anh là Người chiến thắng : Thơ văn về Lê Quang Vinh / Tố Hữu. - Hà Nội : Thanh niên, 1962.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.85(92) A-107 L
Số ĐKCB: DC.001013

890 Có thể nào quên : Tập thơ đấu tranh thống nhất / Tố Hữu. - Hà Nội : Phổ thông, 1962. - tr. 18 -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.85(92) C400T
Số ĐKCB: DC.001012

891 Hãy nhớ lấy lời tôi / Tố Hữu. - Hà Nội : Thanh Niên, 1966. - tr. 5 - 9 ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.85(92) H112N
Số ĐKCB: DC.001011

892 Việt Nam đất biển trời : Lưu hành nội bộ / Lưu Văn Lợi. - Hà Nội : Công an nhân dân, 1990. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.331 V308N
Số ĐKCB: DC.001009

893 Tìm hiểu phong trào tranh đấu F.U.L.R.O 1958 - 1969 / Nguyễn Trắc Dĩ. - Sài Gòn : Bộ phát triển sắc tộc ấn hành, 1969. - 114tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.93 T310H
Số ĐKCB: DC.001008

894 Sở hữu và cây đời / Trần Đức. - Hà Nội : Sự thật, 1991. - tr. 49 - 57 ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.85 S460H
Số ĐKCB: DC.001006

895 Về Văn học và nghệ thuật / Tố Hữu. - Hà Nội : Văn phòng bộ văn hóa xb, 1972. - 407tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.85(92) V250V
Số ĐKCB: DC.001005

896 Trường ca Tây Nguyên / Dịch: Y Điêng, Ngọc Anh; Y Ngông Niê Kơ Đăm giới thiệu. - Hà Nội : Văn học, 1963. - 485tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.89 TR561C
Số ĐKCB: DC.001003

897 Tháng ba ở Tây Nguyên / Nguyễn Khải. - Hà Nội : Quân đội nhân dân, 1976. - 196tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.85(92) TH106B
Số ĐKCB: DC.001002, DC.001075

898 Nhà rông các dân tộc bắc Tây Nguyên / Nguyễn Khắc Trung (ch.b), Nguyễn Hồng Giáp. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 1991. - 177tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.97 NH100R
Số ĐKCB: DC.000985

899 Thảm thực vật rừng Việt Nam trên quan điểm hệ sinh thái / Thái Văn Trừng. - Hà Nội : Khoa học và kỹ thuật, 1978. - tr. 188 - 200 ; 27cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.371 TH104T
Số ĐKCB: DC.000984

900 Sổ tay du lịch Việt Nam / Dương Tất tử biên soạn. - Hà Nội : Ngoại văn, 1990. - tr. 114 - 117 ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.699 S450T
Số ĐKCB: DC.000981

901 Đất nước Việt Nam qua một chặng điều tra cơ bản. - Hà Nội : Khoa học và kỹ thuật, 1985. - tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.31 Đ124N
Số ĐKCB: DC.000982

902 Số liệu thống kê công nghiệp Việt Nam (1986 - 1991) : Sự phân bố, cơ cấu, quy mô và hiệu quả. - Hà Nội : Thống kê, 1992. - tr. 6 - 7, 138 - 139 ; 27cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.43-2(1) S458L
Số ĐKCB: DC.000979

903 Môi trường và tài nguyên Việt Nam. - Hà Nội : Khoa học và kỹ thuật, 1984. - 199tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.331 M452T
Số ĐKCB: DC.000980

904 Phấn đấu cho một nền sân khấu hiện thực xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. - Hà Nội : Văn hóa,
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.75 PH121Đ
Số ĐKCB: DC.000978

905 Tiến lên. - [k.đ] : [k.n], 0. - Tr. 16 - 19 ; 19 cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.000977

906 Cách mạng tư tưởng văn hóa và chiến lược con người ở Tây Nguyên. - [k.đ] : [k.nxb], 0. - tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.97 C102M
Số ĐKCB: DC.000976

907 Vấn đề giáo dục sinh viên học sinh các sắc tộc. - [k.đ] : Bộ phát triển sắc tộc xb, 1973. - 222 Tr
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.53 V121Đ
Số ĐKCB: DC.000973, DC.000974

908 Chương trình kiến điền đất đồng bào thượng : Luận văn tốt nghiệp / KSor - Đê. - [kđ] : [k.nxb], 1972. - 46 tr. ; 27 cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.421 CH561T
Số ĐKCB: DC.000972

909 Niên giám thống kê 1984 : Tài liệu tối mật. - Hà Nội : Tổng cục thống kê, 1985. - tr. 3 ; 27cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: DC.000964, DC.000966, DC.001113, DC.001115, DC.001118, DC.001120, DC.001130, DC.001131, DC.001132, DC.001134, DC.001135,

910 Niên giám thống kê 1988. - Hà Nội : Thống kê, 1990. - 287tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: DC.001142, DC.001143, DC.001148, DC.001149, DC.001152, DC.001154, DC.001144, DC.001145, DC.001146, DC.001147, DC.001150,

911 Thiên nhiên Việt Nam / Lê Bá Thảo. - In lần thứ 3, có sửa chữa bổ sung. - Hà Nội : Khoa học kỹ thuật, 1990. - tr. 189-198 ; 19cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: DC.000959, DC.000957, DC.000958, DC.000960, DC.000961, DC.001104

912 Những điều cần biết khi lên Trường Sơn Tây Nguyên / Đặng Nghiêm Vạn, Lưu Hùng. - Hà Nội : Sự thật, 1988. - 118tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: ĐC.31 NH556Đ
Số ĐKCB: DC.000956

913 Báo cáo nghiên cứu khoa học : Sinh vật học. - Hà Nội : [k.nxb], 1981. - 167tr. ; 27cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: DC.000932, DC.000934, DC.000947, DC.000950, DC.000955, DC.000933, DC.000935, DC.000936, DC.000946, DC.000948, DC.000949,

914 Địa lý Việt Nam. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 1990. - 144tr. ; 27cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: DC.000942, DC.000944, DC.000945, DC.000951, DC.000953, DC.000954, DC.000940, DC.000941, DC.000943, DC.000952, DC.001110,

915 Các vùng tự nhiên Tây Nguyên / Nguyễn Văn Chiến (ch.b). - Hà Nội : Khoa học và kỹ thuật,
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: ĐC.331 C101V
Số ĐKCB: DC.000931

916 Tây Nguyên các điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên / Nguyễn Văn Chiến (ch.b). - Hà Nội : Khoa học và kỹ thuật, 1985. - 244tr, 254tr, tr. 49 ; 27cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: DC.000921, DC.000925, DC.000928, DC.001024, DC.001108, DC.000922, DC.000923, DC.000924, DC.000926, DC.000927, DC.000929,

917 Việt Nam những sự kiện lịch sử 1858 - 1945 / Dương Kinh Quốc. - Hà Nội : Khoa học xã hội,
Tóm tắt:
Số ĐKCB: DC.000774, DC.000775, DC.000776, DC.000768, DC.000771, DC.000772, DC.000773, DC.000777, DC.000778

918 Tập bài giảng lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam : Dùng trong các trường đại học. - In lần thứ 3 có bổ sung. - Hà Nội : Đại học và trung học chuyên nghiệp, 1977. - 379tr. 400 - 403 ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.93(92) T117B
Số ĐKCB: DC.000769, DC.000770, DC.000799

919 Đại cương về các dân tộc ÊĐê, MNông ở Dak lak / Bế Viết Đẳng, Chu Thái Sơn, Cũ Thị Hồng, Vũ Đình Lợi. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 1982. - tr. 9-13 ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.767 Đ103C
Số ĐKCB: DC.000767

920 Tây Nguyên mùa cày : Bút ký và ghi chép / Bùi Đình thi. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 1978. -
Tóm tắt:

Số ĐKCB: DC.000321, DC.000322, DC.000323, DC.000324, DC.000325, DC.001000

921 Dân ca Tây Nguyên / Võ Quảng Nhơn (b.s). - Hà Nội : Văn hóa, 1976. - 143tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.89 D121C
Số ĐKCB: DC.000999

922 Sáng tháng năm : Thơ tuyển. - In lần thứ 3. - Hà Nội : Văn học, 1972. - tr. 7-19; 165-169 ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.83 S106T
Số ĐKCB: DC.000998

923 Điều kiện địa lý tự nhiên. - [k.đ] : [k.nxb], 0. - 61tr ; 27
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.97 Đ309K
Số ĐKCB: DC.000997

924 Tây Nguyên bão táp / Thế Vinh. - Hà Nội : Mỹ thuật - Âm nhạc, 1970. - tr. 2 ; 27cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.74 T126N
Số ĐKCB: DC.000996

925 Chúng tôi vượt ngục : Hồi ký / Nguyễn Tạo. - Hà Nội : Văn học, 1977. - 394tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.83 CH513T
Số ĐKCB: DC.000995

926 Như cánh chim Kơ - Vây : Tập truyện và ký về Tây Nguyên. - Việt Bắc : Nxb. Việt Bắc, 1974.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.83(92) NH550C
Số ĐKCB: DC.000994

927 Tây Nguyên bất khuất : Bút ký / Ngọc Anh, Văn Lang. - Hà Nội : Phổ thông, 0. - 47tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.8 T126N
Số ĐKCB: DC.000992, DC.000993

928 Những người cộng sản. - Hà Nội : Thanh niên, 0. - tr. 14-15; 20-21; 81-87 ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.91(91) NH556N
Số ĐKCB: DC.001068, DC.000991

929 Công cuộc Nam tiến của dân tộc Việt NamVà chánh sách cai trị các sắc dân thiểu số dưới triều Nguyễn : Luận văn tốt nghiệp / Ngvuyễn Ngọc Du. - [k.đ] : [k.nxb], 0. - 48tr ; 27
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.9 C455C
Số ĐKCB: DC.000891

930 Đại thắng mùa xuân / Văn Tiến Dũng. - Hà Nội : Quân đội nhân dân, 1976. - tr. 23 - 125 ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.932.2 Đ103T
Số ĐKCB: DC.000988

931 Chiến dịch Tây Nguyên đại thắng / Hoàng Minh Thảo. - Hà Nội : Quân đội nhân dân, 1977. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.93 Ch305D
Số ĐKCB: DC.000989

932 Vượt ngục Dark Mil / Nguyễn Tạo. - Hà Nội : Thanh Niên, 1976. - 184tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.91(91) V563N
Số ĐKCB: DC.000462, DC.000990, DC.000463

933 Hội làng và dáng nét Việt Nam / Lý Khắc Cung. - Hà Nội : Sự thật, 1991. - Tr. 34 - 39 ; 19 cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.97 H452L
Số ĐKCB: DC.000987

934 Việt Nam đất nước lịch sử văn hóa. - Hà Nội : Sự thật, 1991. - Tr. 60 - 61, 64-65, 70-71, 84 -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.97 V308N
Số ĐKCB: DC.000986, DC.000819

935 Công cuộc kiến điền đất đồng bào thượng : Luận văn tốt nghiệp / Y SI Niê. - [k.đ] : [k.n], 0. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.421 C455C
Số ĐKCB: DC.000971

936 Tóm tắt một số công trình 20 năm điều tra quy hoạch thiết kế rừng. - Hà Nội : Nxb. Hà Nội, 1982. - Tr. 36 - 41 Tr. 36 - 41 ; 19 cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.371 T429T
Số ĐKCB: DC.000937, DC.000939, DC.000938, DC.001096

937 Số liệu thống kê cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam 1976 - 1990. - Hà Nội : Thống kê, 1991.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.43 S458L
Số ĐKCB: DC.000968

938 Số liệu thống kê lâm nghiệp 1986 - 1988. - Hà Nội : Thống Kê, 1989. - Tr. 37 - 163 ; 27 cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.436 S450L
Số ĐKCB: DC.001172, DC.000967, DC.001171

939 Yơng, Yang lấy ống bạc tượng Người = Yơng, yang sok ding prăk kon nuih : Sử thi Mơ Nông / Điểu Klung kể; Sưu tầm: Đỗ Hồng Kỳ, Trương Bi; Điểu Kâu dịch sang tiếng việt. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2005. - 1071tr. ; 24cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.89 KH400T
Số ĐKCB: DC.001045

940
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.000555, DC.000556, DC.000557, DC.000558, DC.000559

941
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.82
Số ĐKCB: DC.000550, DC.000551, DC.000552, DC.000553, DC.000554

942 Ai đúng ai sai / Hà Lý biên soạn. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 2004. - 63tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.85(92) A103D
Số ĐKCB: DC.000761, DC.000762

943 Hlei djo hlei soh / Hà lý biên soạn, Dịch ra tiếng Êđê: HNuên Niê Kdăm, Y- Jek Niê Kdăm. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 2004. - 79tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.87 HL252D
Số ĐKCB: DC.000756, DC.000757, DC.000758, DC.000759, DC.000760

944 Nguyện tấm lòng son : Tuyển tập ca khúc / Nhiều tác giả. - DakLak : Công an tỉnh, 2005. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.741 T527T
Số ĐKCB: DC.000755

945 Lịch sử Đảng bộ tỉnh Đăk Lăk 1930 - 1954. - Hà Nội : Chính trị quốc gia, 2002. - 294tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.211(9) L302S
Số ĐKCB: DC.000753

946 Lịch sử Đảng bộ tỉnh Đăk Lăk 1954 - 1975. - Hà Nội : Chính trị quốc gia, 2003. - 226tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.211(9) L302S
Số ĐKCB: DC.000754

947 Hội đồng nhân tỉnh Dak Lak khóa VII - kỳ họp thứ 3 (Từ ngày 13 đến 17 tháng 12 năm 2004) : Lưu hành nội bộ. - Dak Lak : Văn phòng H.Đ.N.D và đoàn Đ.B.Q.H tỉnh x.b, 2005. - 590tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.222 H4525Đ
Số ĐKCB: DC.000766

948 Người Tây Nguyên theo Đảng theo Bác Hồ = Mnuih Buôn sang Tây Nguyên Hluê nao Hong Đảng, Hong AWa Hồ. - Dak lak : Ban tuyên giáo tỉnh uỷ x.b, 2005. - 120tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.87 NG558T
Số ĐKCB: DC.000765

949 Tây Nguyên dấu ấn một thời : Hồi ký / Hồ Đệ. - Hà Nội : Quân đội nhân dân, 2005. - 190tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.85(92) T126N
Số ĐKCB: DC.000744, DC.000745

950 Nhịp điệu xanh : Trường ca / Nguyễn Văn Tao. - TP. Hồ Chí Minh : Văn nghệ, 2001. - 53tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.85(92) NH313Đ
Số ĐKCB: DC.000738, DC.000739, DC.000740

951 Tây Nguyên trong lòng Việt Nam / Hà Lý biên soạn. - Tái bản. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc,
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.421 T126N
Số ĐKCB: DC.000763, DC.000764

952 Kỷ yếu hội thảo khoa học chiến thắng Buôn Ma Thuột. - Dak Lak : Sở Văn hoá Thông tin,
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.001426

953 Buôn Ma Thuột những sự kiện lịch sử. - Dak Lak : Bảo Tàng Dak Lak x.b, 2005. - 98tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.761 B517M
Số ĐKCB: DC.000719, DC.000720, DC.000721, DC.000722, DC.000723

954 Từ Buôn Ma Thuột đến Sài Gòn / Huỳnh Nghĩ. - TP. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2005. - 181tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.85(92) T550B
Số ĐKCB: DC.000714, DC.000715, DC.000716, DC.000717, DC.000718

955 Công tác binh vận Dak Lak trong cuộc kháng chiến chống mỹ cứu nước. - TP. Hồ Chí Minh :
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.25 C455T
Số ĐKCB: DC.000724

956 Buôn Ma Thuột xưa và nay : Kỉ niệm 100 năm Buôn Ma Thuột (1904-2004). - Dak Lak. - UBND TP. BMT x.b, 2004. - 304tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.11 B517M
Số ĐKCB: DC.000707, DC.000708

957 Anh em Đăm Trao, Đăm Rao / Ama K Bin kể; Sưu tầm dịch biên soạn: Trương Bi, Y Wơn. - Dak Lak : Sở VHTT X.B, 2003. - 495tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.87 A-107 E
Số ĐKCB: DC.000710

958 Chàng Tiăng bán tượng gỗ / Sưu tầm và biên soạn: Trương Bi, Bùi Minh Vũ, Điểu Kâu. - Dak Lak : Sở VHTT x.b, 2003. - 323tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.87 CH106T
Số ĐKCB: DC.000709

959 Hội đồng nhân dân tỉnh Dak Lak khóa VII - Kỳ họp bất thường. - Dak Lak : Văn phòng HĐND và ĐBQH tỉnh x.b, 2004. - 207tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.22 H452Đ
Số ĐKCB: DC.000690, DC.000691

960 Lênh nghịch đá thần của yang : Sử thi ot Ndrong MNông. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2004. - 847tr. ; 19cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.8 KH400T
Số ĐKCB: DC.000689

961 Sử thi AKhat - Juca Ra Glai. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2004. - 1190tr. ; 19cm. - (Kho tàng
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.8 KH400T
Số ĐKCB: DC.000688

962 Cướp chiêng cổ Bon Tiăng : Sử thi ot Ndrong Mơ Nông. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2004. - 1157tr. ; 19cm. - (Kho tàng sử thi Tây Nguyên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.8 KH400T
Số ĐKCB: DC.000687

963 Buôn Ma Thuột lịch sử hình thành và phát triển : Kỷ yếu hội thảo. - Dak Lak : VHTT x.b,
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.11 B517M
Số ĐKCB: DC.000701, DC.000702, DC.000703

964 Nhận diện văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam : Nguyễn Dăng Duy biên soạn. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 2004. - 538tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.5 NH121D
Số ĐKCB: DC.000698, DC.000699, DC.000700

965 Bà mẹ Việt Nam anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân và anh hùng lao động tỉnh Dak Lak. - Dak Lak : Tỉnh ủy Dak Lak, 2002. - 427tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.257 B100M
Số ĐKCB: DC.000697

966 Khảo cổ học tiền sử Dak Lak / Nguyễn Khắc Sử chủ biên. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2004. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.98 KH108C
Số ĐKCB: DC.000692, DC.000693, DC.000694, DC.000695, DC.000696

967 Lịch sử Đảng bộ tỉnh Dak Lak 1954 - 1975. - Hà Nội : Chính trị quốc gia, 2003. - 226tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.2(9) L302S
Số ĐKCB: DC.000711, DC.000712

968 Nhà văn dân tộc thiểu số Việt Nam đời và văn. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 2003. - 617tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.83 NH100V
Số ĐKCB: DC.000713

969 Và nỗi nhớ đã bắt đầu với gió : Thơ / Lê Vĩnh Tài. - TP. Hồ Chí Minh : Văn Nghệ, 1997. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.85(92) V100N
Số ĐKCB: DC.000749, DC.000750

970 Văn học cách mạng Dak Lak 1930 -1975 / Trương Bi, Bùi Minh Vũ. - Dak Lak : Sở VHTT Dak Lak X.B, 2004. - 295tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.000725, DC.000726, DC.000727

971 Nghi lễ cổ truyền của đồng bào MNông / Trương Bi (ch.b), tham gia thực hiện: Tô đông Hải, Nghệ nhân Điểu Kâu. - Dak Lak : Sở VHTT X.B, 2004. - 208tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.5 NGH300L
Số ĐKCB: DC.000728, DC.000729, DC.000730

972 Ban Mê của tôi : Thơ / Hương Vũ. - Dak Lak : Hội văn học nghệ thuật x.b, 2004. - 87tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.85(92) B105M
Số ĐKCB: DC.000731, DC.000732

973 Vận dụng luật tục Ê Đê vào việc xây dựng gia đình, buôn, thôn văn hóa = LÔNG HRÔ YUA KLEI KĐI ÊĐÊ HLĂM BRUĂ NGĂ MDƠNG GOÊSEI, BUÔN, ALU D HAR KREH / Sưu tầm, dịch thuật và biên soạn: Trương Bi, Bùi Minh Vũ, Kna Y Wơn. - Dak Lak : Sở VHTT X.B, 2003. - 138tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.5 V107D
Số ĐKCB: DC.000733, DC.000734, DC.000735

974 Lịch sử lực lượng vũ trang Thành Phố Buôn Ma Thuột (1961 - 2000). - Dak lak : Ban chỉ huy quân sự TP. BMT xuất bản, 2003. - 268tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.27(1) L302S
Số ĐKCB: DC.000736, DC.000737

975

Tóm tắt:

Số ĐKCB: DC.000516, DC.000517, DC.000518, DC.000519, DC.000520, DC.000741, DC.000742, DC.000743

976 Văn xuôi Tây Nguyên thế kỷ XX : Nhiều tác giả / Tuyển chọn. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc,

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.85(92) V115X
Số ĐKCB: DC.000751

977

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.93 B517M
Số ĐKCB: DC.000200, DC.000752

978 Niên giám thống kê 2004 = Statistacal year book 2004. - Daklak : Cục thống kê tỉnh Daklak

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.1(1) N305G
Số ĐKCB: DC.000686

979 Niên giám thống kê 2003 = Statistacal year book 2003. - Dak Lak : Cục thống kê tỉnh Dak

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.1(1) N305G
Số ĐKCB: DC.000681, DC.000682, DC.000683, DC.000684, DC.000685

980 Thơ tặng tháng ba / Ngô An ... [và những người khác]. - Đắk Lắk : Sở văn hóa thông tin,

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92213408 TH450T
Số ĐKCB: DC.000042, DC.000043, DC.000044, DC.000045, DC.000307

981 Lịch sử Đảng bộ Tỉnh Daklak. - Daklak : Tỉnh uỷ Daklak, 1994. - 2 Tập ; 19cm
Lịch sử Đảng bộ Tỉnh Dak Lak. - Dak Lak : Tỉnh uỷ Dak Lak, 1988. - 147tr ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.21 L302S
Số ĐKCB: DC.000460

982 Lịch sử đấu tranh giải phóng dân tộc của Đảng bộ và nhân dân thị xã Buôn Ma Thuột. - Dak Lak : Thị uỷ Buôn Ma Thuột, 1994. - 125tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.213 L302S
Số ĐKCB: DC.000238

983

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.932 D100K
Số ĐKCB: DC.000451, DC.000452, DC.000453, DC.000521

984

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.89 CH527C
Số ĐKCB: DC.000442

985

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.89 TR527C
Số ĐKCB: DC.000351, DC.000352, DC.000353, DC.000354, DC.000355

986

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.8 NH561T
Số ĐKCB: DC.000422, DC.000423, DC.000424, DC.000425

987

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.8 NH561T
Số ĐKCB: DC.000421

988

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.8 NH556T
Số ĐKCB: DC.000379, DC.000380, DC.000381

989

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.8 NH556T
Số ĐKCB: DC.000376, DC.000377, DC.000378

990

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.11 V308
Số ĐKCB: DC.000487, DC.000488

991

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.75 B103H
Số ĐKCB: DC.000489

992 Truyện cổ các dân tộc Trường sơn - Tây nguyên. - Hà Nội : Văn học, 1985. - 323tr. ; 19cm. - (Văn học dân gian, văn học các dân tộc Trường sơn - Tây nguyên)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.89 TR527C
Số ĐKCB: DC.000259, DC.000260, DC.000261, DC.000262, DC.000263

993 Klei Êđê Hdrôm Hră Kơ Nai Mtô Hdruôm 1 : Sách thực nghiệm / Y Cang Niê Siêng. - Hà Nội : Giáo dục, 2000. - 340tr. ; 27cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.533 KL200I
Số ĐKCB: DC.000640

994 Đam San : Truyện cổ Tây nguyên / Vy Thị Hương. - Hà Nội : Văn hoá dân tộc, 1995. - 16tr. ;

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.89 Đ104S
Số ĐKCB: DC.000592, DC.000593, DC.000594

995 Mừng Tây nguyên giải phóng : Độc tấu ghi ta / Hải Thoại. - Hà Nội : Văn hoá, 1979. - 12tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.741 M556T
Số ĐKCB: DC.000657, DC.000658

996 Con voi trong đời sống văn hóa của dân tộc M'Nông / Trần Tấn Vịnh. - Hà Nội : Văn hóa dân
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.426 C430V
Số ĐKCB: DC.000664, DC.000665, DC.000666, DC.000667, DC.000668

997 35 năm trưởng thành của các dân tộc thiểu số Việt Nam (1945-1980). - Hà Nội : Văn hóa,
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.117 B100M
Số ĐKCB: DC.000661, DC.000662, DC.000663

998 Nghệ thuật tượng gỗ dân gian Tây nguyên / Nguyễn Tấn Cứ; ảnh của Nguyễn Tấn Cứ, Xuân Liễu, Thế Vinh, Nguyễn Hoàng. - Hà Nội : Văn hoá, 1983. - 46tr. ; 27cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.72 NGH250TH
Số ĐKCB: DC.000659, DC.000660

999 Tây Nguyên và thế kỷ XXI: Lâm Đồng, Dak lak, GiaLai, KonTum : Tạp chí số chuyên đề. - Tp.Hồ Chí Minh : Thông tin quảng cáo, 2000. - 176tr. ; 27cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.1 T126NG
Số ĐKCB: DC.000641

1000 Cây cao su / Trần Nguyên Khang, Thái Bá Trừng, Nguyễn Xuân Hiền. - Hà Nội : Khoa học và kỹ thuật, 1979. - 331tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.424.45 C126C
Số ĐKCB: DC.000643, DC.000644, DC.000645, DC.000646

1001 Thiên nhiên Việt Nam / Lê Bá Thảo. - Hà Nội : Khoa học và kỹ thuật, 1977. - 298tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.3 TH305NH
Số ĐKCB: DC.000647, DC.000648, DC.000649, DC.000650

1002 Công trình nghiên cứu khoa học 1980-1983 = Sctentific Study Work 1980-1983. - Dak Lak : Viện vệ sinh dịch tễ Tây nguyên, 1983. - 171tr. ; 31cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.512 C455T
Số ĐKCB: DC.000642

1003 Trường phổ thông trung học Buôn Ma Thuột : Kỷ yếu năm 2000. - Dak Lak : Trường PTTH Buôn Ma Thuột, 2000. - 98tr. ; 27cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.533(6) TR561P
Số ĐKCB: DC.000639

1004 Kỷ yếu tổng kết bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XI tỉnh Daklak : Lưu hành nội bộ. - Dak Lak : Văn phòng HĐND và UBND tỉnh, 2002. - 95tr. ; 27cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.211 K600Y
Số ĐKCB: DC.000637, DC.000638

1005 Bà mẹ Việt nam anh hùng, anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân và anh hùng lao động tỉnh Daklak. - Dak Lak : Tỉnh Uỷ Dak Lak, 2002. - 429tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.257 B100M
Số ĐKCB: DC.000628, DC.000629

1006 Gửi trọn niềm tin. - Dak Lak : Nhà Thông tin Triển lãm, 1994. - 30tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.78 G259T
Số ĐKCB: DC.000603

1007 Đi tìm lời ru mặt trời : Tập ca khúc trại sáng tác ca nhạc và múa 1994. - Dak Lak : Đoàn ca múa dân tộc, 1994. - 34tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: DC.000604, DC.000605, DC.000606, DC.000607, DC.000608, DC.000609

1008 Niên giám thống kê năm 2001 = Statistical yearbook 2001. - Dak Lak : Cục thống kê tỉnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.11(1) N305G
Số ĐKCB: DC.000634

1009 Niên giám thống kê năm 2000 = Statistical yearbook 2000. - Dak Lak : Cục thống kê tỉnh Dak Lak, 2001. - 245tr. ; 27cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.11(1) N305G
Số ĐKCB: DC.000632, DC.000633

1010 Kết quả tổng điều tra dân số và nhà ở tỉnh Daklak 1-4-1999. - Dak Lak : Cục thống kê tỉnh Dak Lak, 2002. - 337tr. ; 27cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.117(1) K258Q
Số ĐKCB: DC.000630, DC.000631

1011 Niên giám thống kê 2002 = Statistacal year book 2002. - Dak lak : Cục thống kê tỉnh Dak Lak,
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.1(1) N305G
Số ĐKCB: DC.000635, DC.000636

1012 Đảng là niềm tin. - Dak Lak : Ty Văn hoá và Thông tin, 1979. - 47tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.8 Đ106L
Số ĐKCB: DC.000614

1013 Sức mạnh Việt Nam : Tập thơ cổ động chống Trung Quốc xâm lược. - Dak lak : Ty Văn hoá và Thông tin, 1979. - 30tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.8 S552M
Số ĐKCB: DC.000613

1014 Xin nhớ lời nhau. - Dak Lak : Ty Văn hoá và Thông tin, 1981. - 37tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.8 X311N
Số ĐKCB: DC.000615, DC.000616, DC.000617, DC.000618

1015 Dak Lak quê ta : Tập bài hát nhiều tác giả. - Dak Lak : Ty Văn hoá và Thông tin, 1980. - 30tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.741 D100K
Số ĐKCB: DC.000656

1016 Đàn lên em hát / Quang Dũng. - Dak Lak : Hội văn học nghệ thuật, 1995. - 35tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.741 Đ105L
Số ĐKCB: DC.000621, DC.000622

1017 20 năm hát về Daklak : Tập ca khúc. - Dak Lak : Hội văn học nghệ thuật, 1995. - 140tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.741 H103M
Số ĐKCB: DC.000619, DC.000620

1018 Lời yêu thơ / Hữu Chỉnh. - Dak Lak : Hội văn học nghệ thuật, 1994. - 70tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.8 L462Y
Số ĐKCB: DC.000582, DC.000583

1019 Tuyển tập ca khúc hát cho tình yêu. - Dak Lak : Hội văn học nghệ thuật, 1999. - 47tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.741 T527T
Số ĐKCB: DC.000580, DC.000581

1020 Tình yêu Cao nguyên / Lê Nhật Thanh. - Daklak : Hội văn học nghệ thuật, 1983. - 48tr. ; 16cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.741 T312Y
Số ĐKCB: DC.000591

1021 Chim non vui hát : Tập ca khúc dành cho Thiếu nhi / Lê Văn La Vâng. - Dak Lak : Hội văn học nghệ thuật, 2003. - 20tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.741 CH310N
Số ĐKCB: DC.000584, DC.000585

1022 Sinh hoạt văn hoá. - Dak Lak : Sở VHTT, 1984. - 87tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.54 S312H
Số ĐKCB: DC.000651, DC.000652, DC.000653, DC.000654, DC.000655

1023 Sử thi Êđê Mdhur Dăm Tiông (Chàng Dăm Tiông) / Trương Bi, Kna Y Wơn sưu tầm và biên soạn. - Dak Lak : Sở VHTT, 2002. - 441tr. ; 23cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.89 S550T
Số ĐKCB: DC.000623, DC.000624, DC.000625, DC.000626, DC.000627

1024 Nkoch Rnoi deh Kon Sau Me Chêp = Kể dòng con cháu mẹ chêp : Sử thi M'Nông / Điểu Klung, Điểu Jach; Trương Bi sưu tầm, Điểu Kâu dịch. - Dak Lak : Sở VHTT, 2003. - 554tr. ; 23cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.89 D114TR
Số ĐKCB: DC.000669, DC.000670, DC.000671, DC.000672, DC.000673

1025 Khúc hát niềm tin : Diễn ca / (B.s): Hồng Điệp, Tứ Lê, Dương Thanh. - Daklak : Sở VHTT,
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.741 KH506H
Số ĐKCB: DC.000598, DC.000599, DC.000600, DC.000601, DC.000602

1026 Âm vang Cao nguyên. - Dak lak : Sở VHTT, 1983. - 34tr. ; 16cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.741 Â120V
Số ĐKCB: DC.000595, DC.000596, DC.000597

1027 Gửi H'Ling. - Dak Lak : Sở VHTT, 1992. - 23tr. ; 17cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.741 G259H
Số ĐKCB: DC.000586, DC.000587, DC.000588, DC.000589, DC.000590

1028 Buôn em đổi mới. - Dak Lak : Sở VHTT, 1985. - 24tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.8 B517E
Số ĐKCB: DC.000610, DC.000611, DC.000612

1029 Bốn mùa thơ : Kỷ niệm năm 2000 đón chào thiên niên kỷ mới. - Dak Lak : Hội văn học nghệ thuật, 2000. - 255tr. ; 19cm(Câu lạc bộ thơ Dam San)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.85(92) B465M
Số ĐKCB: DC.000015, DC.000016, DC.000401, DC.000402

1030 Truyện cổ Êđê / Y Điêng, Hoàng Thao sưu tầm biên soạn. - In lần thứ 2. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 1988. - 201tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.89 TR527C
Số ĐKCB: DC.000439, DC.000440, DC.000441

1031 Truyện cổ Êđê / Trương Bi, Y Thih. - Dak Lak : Sở VHTT, 1997. - 181tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.89 TR527C
Số ĐKCB: DC.000144, DC.000145, DC.000146, DC.000147, DC.000148

1032 Trồng cà phê / Nguyễn Sĩ Nghị. - Hà Nội : Nông nghiệp, 1982. - 327tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.424.43 TR455C
Số ĐKCB: DC.000384, DC.000385, DC.000386, DC.000387, DC.000388

1033 Văn học dân gian các dân tộc ít người ở Việt Nam / Võ Quang Nhơn. - Hà Nội : Đại học và Trung học chuyên nghiệp, 1983. - 474tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: DC.000361, DC.000362, DC.000363, DC.000364, DC.000365, DC.001019

1034 Khan Đam Kteh Mlan = Khan Đam Kteh Mlan / Y Yng; Nguyễn Hữu Thấu sưu tầm và biên soạn. - Hà Nội, 1983. - 104tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.82 KH105Đ
Số ĐKCB: DC.000356, DC.000357, DC.000358, DC.000359, DC.000360

1035 Đăm Di đi săn = Kdăm Yi Hiu Mnăh : Trường ca Êđê / Y Đứp, Nông Phúc Tước. - Hà Nội :
Tóm tắt:

Số ĐKCB: DC.000346, DC.000347, DC.000348, DC.000349, DC.000350, DC.001001

1036 Nữ tướng Fulro / Nguyễn Trần Thiết. - Hà Nội : Quân đội nhân dân, 1988. - 186tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.8 N534T
Số ĐKCB: DC.000336, DC.000337, DC.000338, DC.000339, DC.000340

1037 Hội nghị - hội thảo về lễ hội : Kỷ yếu. - Hà Nội : Vụ văn hóa quần chúng và Thư viện, 1993. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.56 H452NG
Số ĐKCB: DC.000480, DC.000481

1038 Võ Đại Tôn, Fulro và đồng loã...sa lưới. - Đồng Tháp : Ty Văn hóa thông tin Đồng tháp xb',
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.226 V400Đ
Số ĐKCB: DC.000465

1039 Mai đây những buôn làng đẹp : Truyện ký / Bùi Hiển. - Hà Nội : Phụ nữ, 1978. - 87tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.8 M103Đ
Số ĐKCB: DC.000450

1040 Đại cương về các dân tộc Êđê, M'Nông ở Daklak / Bế Viết Đăng, Chu Thái Sơn, Vũ Thị Hồng, Vũ Đình Lợi. - Hà Nội : Khoa học xã hội, 1982. - 215tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.117 Đ103C
Số ĐKCB: DC.000475, DC.000887

1041 Những ngày cuối cùng của Mỹ Thiệu ở Sài gòn / I xa ắc, Ác Nôn, M.Mactin. - Đồng Tháp : Sở Văn hoá Thông tin, 1985. - 44tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.932 NH556NG

Số ĐKCB: DC.000466, DC.000467

1042 Vận dụng luật tục M'Nông vào việc xây dựng gia đình Buôn, thôn văn hóa = Dõng nau mpring doih an ton njêng r năh, bon, thon kloh neh / Sưu tầm, biên soạn và dịch thuật: Trương Bi, Điểu Kâu, Tô Đình Tuấn.... - Dak Lak : Sở Văn hoá Thông tin, 2002. - 113tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.54 V107D

Số ĐKCB: DC.000132, DC.000133, DC.000134

1043 Đàn đá Dak Kar : Kỷ yếu lễ công bố khoa học đàn đá Dak Kar. - Dak Lak : Sở Văn hoá Thông

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.74 Đ107D

Số ĐKCB: DC.000125

1044 Thần Ntôch bị đánh / Bùi Minh Vũ; Điểu Kâu sưu tầm và biên soạn. - Dak Lak : Sở Văn hoá Thông tin, 2001. - 278tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.89 TH107N

Số ĐKCB: DC.000124

1045 Mùa rẫy Bontiăng / Điểu Kâu, Tấn Vịnh sưu tầm và biên soạn. - Dak Lak : Sở Văn hoá Thông

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.89 M505R

Số ĐKCB: DC.000119, DC.000120, DC.000121, DC.000122, DC.000123

1046 Đến với Cao Nguyên : Tập ca khúc / Thái Cơ, [và những người khác ...]. - Dak Lak : Sở Văn hoá Thông tin, 1983. - 27tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.741 Đ256V

Số ĐKCB: DC.000273, DC.000274

1047 Tìm hiểu cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa : Hỏi và đáp. - Hà Nội : Sở Văn hoá Thông tin, 2002. - 146tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.54 T310H

Số ĐKCB: DC.000135, DC.000136, DC.000137, DC.000138

1048 Hội nghị tuyên dương gia đình, thôn, Buôn Văn hóa tỉnh Daklak lần thứ nhất (22-1-2001) : Tập kỷ yếu. - Hà Nội : Sở Văn hoá Thông tin, 2002. - 196tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: DC.000126, DC.000127, DC.000128, DC.000129, DC.000130, DC.000131

1049 Truyện cổ Hrê / Đinh Xăng Hiến sưu tầm và biên soạn. - Hà Nội : Văn hóa, 1985. - 144tr. ;

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.8 TR527C
Số ĐKCB: DC.000447, DC.000448, DC.000449

1050 Truyện cổ Tày Nùng / Hoàng Quyết sưu tầm và biên soạn. - In lần thứ 2. - Hà Nội : Văn hóa,
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.89 TR527C
Số ĐKCB: DC.000444, DC.000445, DC.000446

1051 Chàng mơ Hiêng / Bùi Khắc Trường, Y Thi. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 1994. - 68tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.89 CH106M
Số ĐKCB: DC.000393, DC.000394

1052 Sử thi cổ sơ M'Nông / Đỗ Hồng Kỳ, Điểu Kâu. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 1993. - 332tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.89 S550TH
Số ĐKCB: DC.000476, DC.000477

1053 Bài ca chàng Dam Săn = Klei Khan Y Dam Săn / Đào Tử Chí sưu tầm và dịch; Trúc Cương (b.s); Y Ngông Niê Kđam giới thiệu. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 1977. - 90tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.8 B109C
Số ĐKCB: DC.000443

1054 H'Điêu : Trường ca của dân tộc Gialai 2 ngữ Việt - Gialai / Y Chiêu, Y Điền sưu tầm, dịch, biên soạn. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 1995. - 45tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.89 H'Đ309
Số ĐKCB: DC.000435, DC.000436

1055 Xing Nhã, Đăm Di : Hai bản trường ca Êđê và GiaRai / Sưu tầm và dịch: Y Điêng, Y Ông, Kơ So Bơ Lêu.... - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 1978. - 169tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.89 X306NH
Số ĐKCB: DC.000431, DC.000432, DC.000433, DC.000434

1056 Nếp sống phong tục Tây Nguyên : Kỷ yếu hội thảo. - Hà Nội : Văn hóa Thông tin, 1995. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.97 N257S
Số ĐKCB: DC.000429, DC.000430

1057 Xây dựng đời sống văn hóa ở các tỉnh phía Nam. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 1996. - 283tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.5 X126D
Số ĐKCB: DC.000427, DC.000428

1058 Dân ca Tây Nguyên / Lê Toàn Hùng sưu tầm , ghi âm phỏng dịch và soạn lời. - Hà Nội : Văn
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.741 D121C
Số ĐKCB: DC.000490, DC.000491, DC.000492, DC.000493, DC.000494

1059 Từ điển Mèo - Việt / Nguyễn Văn Chỉnh. - Hà Nội : Văn hóa xã hội, 1971. - 325tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.87 T550Đ
Số ĐKCB: DC.000486

1060 Mặt trời Êđê : Tập ca khúc / Nhật Lai. - Hà Nội : Văn hóa, 1982. - 47tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.741 M118TR
Số ĐKCB: DC.000504, DC.000505, DC.000506, DC.000507, DC.000508

1061 Plây em mùa xuân : Thơ / Hơ vê. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 1997. - 109tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.89 PL126E
Số ĐKCB: DC.000057

1062 Giông nghèo tám vợ. Tre vắt ghen ghét giông : Trường ca dân tộc Bahnar / Phan Thị Hồng. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 1996. - 334tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.89 GI455N
Số ĐKCB: DC.000116, DC.000117, DC.000118

1063 Tác dụng của luật tục đối với việc quản lý xã hội ở các dân tộc Thái, H'Mông Tây Bắc Việt Nam / Bùi Xuân Trường. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 1999. - 110tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.97 T102D
Số ĐKCB: DC.000111, DC.000112, DC.000113, DC.000114, DC.000115

1064 Bản sắc văn hóa dân tộc Mảng / Ngọc Hải. - Hà Nội Hà Nội : Văn hóa dân tộc Văn hóa dân tộc, 2003 1999. - 200tr. 110tr. ; 19cm 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.97 T101D
Số ĐKCB: DC.000091, DC.000092, DC.000093, DC.000094, DC.000095

1065 Dân tộc Sán chay ở Việt nam. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 2002. - 442tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.97 D121T
Số ĐKCB: DC.000086, DC.000087, DC.000088, DC.000089, DC.000090

1066 Văn hóa bản làng truyền thống các dân tộc Thái - Mông vùng Tây bắc Việt nam. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 2002. - 199tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.5 V115H
Số ĐKCB: DC.000081, DC.000082, DC.000083, DC.000084, DC.000085

1067 Một số nét đặc trưng của phong tục các dân tộc Tây nguyên / Lâm Tâm, Linh Nga Niê Kđăm. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 1996. - 154tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.97 M458S
Số ĐKCB: DC.000211, DC.000212, DC.000213, DC.000214, DC.000215

1068 Việc tang lễ / Trương Thìn. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 1992. - 63tr. ; 19cm. - (Sách phong tục)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.547 V303T
Số ĐKCB: DC.000206, DC.000207, DC.000208, DC.000209, DC.000210

1069 Nét đặc trưng văn hóa cổ truyền của người Jorai ở Tây Nguyên / Rơ Chăm Oanh. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 2002. - 362tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.547 N258D
Số ĐKCB: DC.000201, DC.000202, DC.000203, DC.000204, DC.000205

1070 Nghệ sĩ Tây Nguyên (người dân tộc thiểu số) / H'Linh Niê. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 2002. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.04(92) NGH259S
Số ĐKCB: DC.000195, DC.000196, DC.000197, DC.000198, DC.000199

1071 Vàng chứ sao chẳng làm ơn. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 2000. - 74tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.89 V122C
Số ĐKCB: DC.000184, DC.000185, DC.000186, DC.000187, DC.000188

1072 Không thương nhau sẽ khổ : Dân ca Mông / Hờ A Di sưu tầm ,biên soạn. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 1999. - 171tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.89 KH455T
Số ĐKCB: DC.000176, DC.000177, DC.000178, DC.000179, DC.000180

1073 Dân ca đám cưới Tày - Nùng / Nông Minh Châu sưu tầm; Vi Quốc Bảo giới thiệu. - Việt Bắc : Nxb. Việt Bắc, 1973. - 129tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.89 D121C
Số ĐKCB: DC.000251, DC.000252, DC.000253

1074 Văn xuôi Tây nguyên thế kỷ XX : Tuyển chọn. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 2002. - 499tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.8 V115X
Số ĐKCB: DC.000246, DC.000247, DC.000248, DC.000249, DC.000250

1075 Văn hóa sila / Ma Ngọc Dung (ch.b);(b.s) Hoàng Lương, Hoa Toàn. - Hà Nội : Văn hóa dân
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.117 V115H
Số ĐKCB: DC.000230

1076 Lịch sử phong trào công nhân và công đoàn tỉnh Daklak. - Hà Nội : Lao động, 1997. - 344tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.25(9) L302S
Số ĐKCB: DC.000244, DC.000245

1077 Lịch sử Bộ đội Biên phòng Daklak (1960-1995). - Dak Lak, 2000. - 201tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.9 L302S
Số ĐKCB: DC.000523

1078 Lịch sử Bộ đội Biên phòng Daklak (1960-1995). - Dak Lak, 2000. - 201tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.9 L302S
Số ĐKCB: DC.000240, DC.000241, DC.000242, DC.000243

1079 Hoa văn cổ truyền Daklak / Chu Thái Sơn (ch.b). - Hà Nội : Khoa học xã hội, 2000. - 228tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.547 H401V
Số ĐKCB: DC.000239

1080 Nhớ lại những năm 40 ở nhà đày Buôn Ma Thuột / Nguyễn Hữu Khiếu. - Hà Nội : Chính trị Quốc gia, 1996. - 158tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.9(231) NH458L
Số ĐKCB: DC.000236

1081 Theo dấu chân voi rừng / Văn Phong. - Lâm Đồng : Văn nghệ, 2002. - 87tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.426.19 TH205D
Số ĐKCB: DC.000231, DC.000232, DC.000233, DC.000234, DC.000235

1082 Bảo tàng di tích lễ hội : Vấn đề bảo vệ di sản văn hóa dân tộc / Phan Khanh. - Hà Nội : Thông tin, 1992. - 377tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.000229

1083 Thái kỏm kẻm câu đố Thái : Tiếng Thái - tiếng Việt / Hoàng Trần Nghịch sưu tầm. - Hà Nội : Văn hoá dân tộc, 1997. - 131tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.89 TH103K
Số ĐKCB: DC.000228

1084 Bộ then tứ bách : Bách cốc - Bách thư - Bách điểu - Bách va / Lục Văn Pảo. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 1996. - 119tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.87 B458T
Số ĐKCB: DC.000227

1085 Nhà văn các dân tộc thiểu số Việt Nam hiện đại / Phong Lê (ch.b). - Hà Nội : Văn hóa dân tộc,
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.000226

1086 Đăm Săn thời thơ ấu : Trường ca / Linh Nga Niê Kđăm, Y Khem. - Hà Nội : Văn hoá dân tộc,
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.89 Đ114S
Số ĐKCB: DC.000221, DC.000222, DC.000223, DC.000224, DC.000225

1087 Dân tộc Khơmú ở Việt Nam / Khổng Diễn (ch.b). - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 1999. - 343tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.117 D121T
Số ĐKCB: DC.000216, DC.000217, DC.000218, DC.000219, DC.000220

1088 Vì sao H'Biang mất chồng : Sách song ngữ Việt - Êđê / H'Liêu Mlô Duôn Du. - Hà Nội : Văn hoá dân tộc, 1994. - 52tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.89 V315S
Số ĐKCB: DC.000304, DC.000305

1089 Vì sao H'Biang mất chồng : Sách song ngữ Việt - Êđê / H'Liêu Mlô Duôn Du. - Hà Nội : Văn hoá dân tộc, 1994. - 52tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.89 V315S
Số ĐKCB: DC.000271, DC.000272

1090 Bài ca Dak Lak. - Dak Lak : Sở VHTT, 1985. - 62tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.741 B103C
Số ĐKCB: DC.000268, DC.000269, DC.000270, DC.000302, DC.000303

1091 Ấy là tôi : Thơ / Phạm Doanh. - Dak Lak : Hội văn học nghệ thuật, 1997. - 76tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.82 Ấ126L
Số ĐKCB: DC.000267

1092 Những nông dân sản xuất giỏi. - Dak Lak : Hội nông dân, 1994. - 75tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.252 NH556N
Số ĐKCB: DC.000310, DC.000311, DC.000312, DC.000313, DC.000314

1093 Những nông dân sản xuất giỏi. - Dak Lak : Hội nông dân, 1994. - 75tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.252 NH556N
Số ĐKCB: DC.000266

1094 Truyện cổ Xê Đăng / Ngô Vĩnh Bình sưu tầm, biên soạn. - Hà Nội : Văn hóa, 1981. - 185tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.89 TR527C
Số ĐKCB: DC.000265

1095 Đẻ đất đẻ nước : Thơ dân gian dân tộc Mường. - Hà Nội : Văn học, 1976. - 305tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.89 Đ259D
Số ĐKCB: DC.000257, DC.000258

1096 Dân ca HMông / Doãn Thanh; Hoàng Thao tuyển ; Chế Lan Viên giới thiệu. - Hà Nội : Văn học, 1984. - 363tr. ; 19cm. - (Văn học dân gian. Văn học dân tộc Hmông)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.89 D121C
Số ĐKCB: DC.000473, DC.000474

1097 Dân ca HMông / Doãn Thanh; Hoàng Thao tuyển ; Chế Lan Viên giới thiệu. - Hà Nội : Văn học, 1984. - 363tr. ; 19cm. - (Văn học dân gian. Văn học dân tộc Hmông)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.89 D121C
Số ĐKCB: DC.000254, DC.000255, DC.000256

1098 Tây nguyên xanh : Số đặc biệt chào mừng 25 năm thành lập trường (11/11/1977-11/11/2002). - Dak Lak : Trường ĐH Tây nguyên, 2002. - 63tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.235 T126N
Số ĐKCB: DC.000174, DC.000175

1099 Cỏ non : Tập thơ văn Thiếu nhi. - Dak Lak : Nhà văn hoá Thiếu nhi, 1995. - 51tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.533.3 C458N
Số ĐKCB: DC.000172, DC.000173

1100 Hạ xanh 8 : Tập sáng tác văn thơ - hội họa Thiếu nhi Daklak hè 2000. - Dak Lak : Hội văn học,
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.533.3 H126X
Số ĐKCB: DC.000169, DC.000170, DC.000171

1101 Hạ xanh 6 : Trại sáng tác văn thơ - hội họa Thiếu nhi Daklak hè 2000. - Dak Lak : Hội văn học nghệ thuật, 2000. - 144tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.533.3 H126X
Số ĐKCB: DC.000168

1102 Tài liệu tuyên truyền chào mừng đại hội Đảng các cấp (lưu hành nội bộ). - Dak Lak : Trung tâm giáo dục thường xuyên, 1996. - 11tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.21 T103L
Số ĐKCB: DC.000292, DC.000293, DC.000294, DC.000295, DC.000296

1103 Những biến đổi kinh tế, xã hội ở các dân tộc Êđê, M'Nông tỉnh Daklak (1945-1990) chuyên ngành dân tộc học mã số:50310 : Tóm tắt luận án phó tiến sĩ khoa học lịch sử / Nguyễn Văn Diệu. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb Tp. Hồ Chí Minh, 1992. - 21tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.24 NH556B
Số ĐKCB: DC.000297

1104 Lịch sử nhà đày Buôn Ma Thuột (1930-1945). - Hà Nội : Sự thật, 1991. - 194tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.9 L302S
Số ĐKCB: DC.000456

1105 Tài liệu dành cho cán bộ Ban Tư pháp xã phường và tổ hòa giải. - Dak Lak : Sở Tư pháp,
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.227 T103L
Số ĐKCB: DC.000285

1106 Đến với cách mạng đi theo Bác Hồ : Hồi ký / Y Ngông Niê Kdam. - Daklak : Sở VHTT, 1990.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.8 Đ256V
Số ĐKCB: DC.000468, DC.000469

1107 Đến với cách mạng đi theo Bác Hồ : Hồi ký / Y Ngông Niê Kdam. - Dak Lak : Sở VHTT,
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.02(91) Đ256V
Số ĐKCB: DC.000284

1108 20 năm chiến thắng Buôn Ma Thuột, giải phóng tỉnh Daklak (10/3/1975-10/3/1995) và thành tựu kinh tế xã hội. - Dak Lak : Buôn Ma Thuột, 1995. - 54tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.24 H103M
Số ĐKCB: DC.000279, DC.000280, DC.000281, DC.000282, DC.000283

1109 Sự tích hạt gạo / Trương Bi, Kna Ywơn. - Dak Lak : Sở VHTT, 2001. - 298tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.89 S534T
Số ĐKCB: DC.000181, DC.000182, DC.000183

1110 Buôn Ma Thuột trận đánh lịch sử : Ký ức lịch sử. - Daklak : Tiểu ban nghiên cứu lịch sử Đảng x.b, 1990. - 135tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.932 B517M
Số ĐKCB: DC.000066, DC.000067, DC.000068, DC.000069, DC.000070

1111 Nguồn sáng Dray H'Ling : Tập kịch thông tin. - Dak Lak : Sở VHTT, 1993. - 108tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.75 NG561S
Số ĐKCB: DC.000060, DC.000306

1112 Đội lốt : Truyện ký / Hồng Chiến. - Dak Lak : Hội văn học nghệ thuật, 2002. - 89tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.85 Đ452L
Số ĐKCB: DC.000073, DC.000074, DC.000075

1113 Văn học dân gian Êđê, M'Nông / Trương Bi. - Daklak : Sở VHTT, 2003. - 216tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.000106, DC.000107, DC.000108, DC.000109, DC.000110

1114 Nàng Ji Dêt L'Nghê / Bùi Minh Vũ; Điểu Hồng Phước sưu tầm và biên soạn. - Dak Lak : Sở
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.89 N106J
Số ĐKCB: DC.000101, DC.000102, DC.000103, DC.000104, DC.000105

1115 Quả bầu vàng / Trương Bi; Y Wơn sưu tầm và biên soạn. - Dak Lak : Sở VHTT, 2002. - 349tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.000096, DC.000097, DC.000098, DC.000099, DC.000100

1116 Hạ xanh 3 : Trại sáng tác văn thơ Thiếu nhi Daklak hè 97. - Daklak : Hội văn học nghệ thuật,
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.533.3 H126X
Số ĐKCB: DC.000165, DC.000166, DC.000167

1117 Thơ chọn câu lạc bộ thơ Đam San. - Dak Lak : Trung tâm văn hoá tỉnh, 2000. - 125tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.82 TH460C
Số ĐKCB: DC.000164

1118 Văn hoá dân gian Tây nguyên một cách nhìn / Linh Nga Niê Kdăm. - Dak Lak : Hội văn học nghệ thuật, 2002. - 165tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.547 V115H
Số ĐKCB: DC.000159, DC.000160, DC.000161, DC.000162, DC.000163

1119 Buôn Ma Thuột xuân Mậu thân 68 / Nguyễn Hữu Trí. - In lần thứ 2. - Dak Lak : Sở văn hóa thông tin Đắk Lắk, 2008. - 112tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: DC.000155, DC.000156, DC.000157, DC.000158, DC.002144, DC.000154

1120 Cây nêu thần : Trường ca M'Nông / Tấn Vịnh; Điểu Kâu sưu tầm và biên soạn. - Daklak : Sở
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.89 C126N
Số ĐKCB: DC.000149, DC.000150, DC.000151, DC.000152, DC.000153

1121 Hướng dẫn kỹ thuật trồng chăm sóc chế biến cà phê. - In lần thứ 2 có bổ sung. - Dak Lak : Uỷ ban khoa học và kỹ thuật, 1987. - 77tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.424.43 H561D
Số ĐKCB: DC.000139, DC.000140, DC.000141, DC.000142, DC.000143

1122 Chiều cao nguyên : Thơ. - Dak Lak : Sở VHTT, 1991. - 125tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.82 CH309C
Số ĐKCB: DC.000054

1123 Gửi Draih'ling : Thơ. - Dak Lak : Sở VHTT, 1987. - 47tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.85(91) G259D
Số ĐKCB: DC.000308

1124 Gửi Draih'ling : Thơ. - Dak Lak : Sở VHTT, 1987. - 47tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.85(91) G259D
Số ĐKCB: DC.000033, DC.000034, DC.000035, DC.000036

1125 Hội đồng nhân dân tỉnh Dak Lak 1994-1999. - Dak Lak : Hội đồng nhân dân tỉnh Dak Lak,
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.222 H452Đ
Số ĐKCB: DC.000514

1126 Tây nguyên giải phóng : Tập ca khúc chọn lọc / Kpă Púi. - Dak Lak : Ty Văn hoá và Thông
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.471 T126NG
Số ĐKCB: DC.000500, DC.000501

1127 Đến với Cao nguyên : Tập ca khúc / Thái Cơ,Nguyễn Cường, Lê Lôi, Phan Quý, Dương Thụ. - Daklak : Sở VHTT, 1983. - 24tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.741 Đ256V
Số ĐKCB: DC.000495, DC.000496, DC.000497, DC.000498, DC.000499

1128 Thất thủ Cao nguyên : Ký sự về chiến thắng giải phóng Tây nguyên 1975. - Dak Lak : Sở
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.85 TH124TH
Số ĐKCB: DC.000464

1129 Hệ thống một số văn bản quy định đối với những sáng kiến, cải tiến kỹ thuật hợp lý hoá sản xuất và sáng chế : Lưu hành nội bộ. - Dak Lak : Ban thi đua liên hợp công đoàn tỉnh xb', 1984. - 127tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.13 H250TH
Số ĐKCB: DC.000472

1130 Giới thiệu Bộ luật hình sự của nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam : Tài liệu dành cho Thanh Thiếu niên. - Dak Lak : Sở Tư pháp tỉnh, 1986. - 61tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.13 GI-462T
Số ĐKCB: DC.000471

1131 Sắc lệnh: Số 18 ngày 31 tháng 1 năm 1946 đặt thể lệ lưu chiểu văn hoá phẩm trong nước VN. - Dak Lak : Thư viện tỉnh Dak Lak sao lục ấn hành, 1976. - 48tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.13 S113L
Số ĐKCB: DC.000470

1132 Văn hoá dân gian Êđê / Ngô Đức Thịnh (ch.b). - In lần thứ 2. - Dak Lak : Sở VHTT, 1995. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.5 V115H
Số ĐKCB: DC.000478

1133 Daklak 5 năm làm thuỷ lợi. - Dak Lak : Ty Thuỷ lợi, 1981. - 280tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.444 D100K
Số ĐKCB: DC.000482

1134 Chuẩn đời. - Dak Lak : Hội Văn học nghệ thuật, 1992. - 64tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.8 CH502Đ
Số ĐKCB: DC.000437, DC.000438

1135 Buôn Ma Thuột 1975-1985 : Tập sáng tác. - Dak Lak : Phòng VHTT thị xã BMT, 1985. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.8 B517M
Số ĐKCB: DC.000524

1136 Buôn Ma Thuột 1975-1985 : Tập sáng tác. - Dak Lak : Phòng VHTT thị xã BMT xb', 1985. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.8 B517M
Số ĐKCB: DC.000426

1137 Mụ xoại / Kim Nhất. - Dak Lak : Hội Văn học nghệ thuật, 1994. - 65tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.8 M500X
Số ĐKCB: DC.000395, DC.000396

1138 Biện pháp thâm canh lúa nước - cây ngô đạt năng suất cao ở Daklak. - Dak Lak : Uỷ ban Khoa học và Kỹ thuật Daklak, 1984. - 28tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.424.12 B305PH
Số ĐKCB: DC.000383

1139 Gương đảng viên. - Dak Lak : Ty VHTT, 1982. - 45tr. ; 19cm. - (Người tốt việc tốt)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: DC.000382

1140 Một nhành hoa. - Dak Lak : Sở Giáo dục Đào tạo xb', 1992. - 71tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.8 M452NH
Số ĐKCB: DC.000375

1141 Những bông hoa đầu mùa. - Dak Lak : Ty VHTT, 1981. - 43tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.5 NH566B
Số ĐKCB: DC.000369, DC.000370, DC.000371

1142 Đra Hling đi về phía sáng : Tập truyện ký / Y Điêng. - Hà Nội : Văn hoá, 1986. - 107tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.85(92) ĐR100H
Số ĐKCB: DC.000061, DC.000062, DC.000063, DC.000064, DC.000065

1143 Fulro tập đoàn tội phạm / Ngôn Vĩnh. - In lần thứ 2, có sửa chữa. - Hà Nội : Công an nhân dân,
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.85(92) F553T
Số ĐKCB: DC.000341, DC.000342, DC.000343, DC.000344, DC.000345

1144 Fulro tập đoàn tội phạm / Ngôn Vĩnh. - In lần thứ 2, có sửa chữa. - Hà Nội : Công an nhân dân,
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.85(92) F553T
Số ĐKCB: DC.000264

1145 H'Mon Đăm Noi : Trường ca dân tộc Bâhnar / Đinh Văn Mơl; Phạm Thị Hà dịch; Tô Ngọc Thanh hiệu đính. - Hà Nội : Văn hoá, 1985. - 123tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.85(92) HM430D
Số ĐKCB: DC.000189, DC.000190, DC.000191, DC.000192, DC.000193

1146 Lấy chồng sớm làm gì / Linh Nga Niêk Đăm, Nguyễn Thị Chính. - Hà Nội : Văn hoá dân tộc,
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.85(92) L126C
Số ĐKCB: DC.000071

1147 Em yêu hoa cà phê : Thơ / Nguyễn Đức Thư. - Hà Nội : Nhà văn hoá Trung tâm, 1996. - 53tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.85(92) E202Y
Số ĐKCB: DC.000072, DC.000391, DC.000392

1148 Tình yêu không đến : Truyện / Lê Hữu Thuấn. - Dak Lak : Sở VHTT, 1988. - 65tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.85(92) T312Y
Số ĐKCB: DC.000509, DC.000510, DC.000511, DC.000512, DC.000513

1149 Khát vọng Tây Nguyên : Hồi ký cách mạng / Y Ngông Niêk Đăm; Diệu Ân ghi. - Hà Nội : Văn hoá dân tộc, 1994. - 79tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.85(92) KH110V
Số ĐKCB: DC.000058, DC.000059

1150 Hoa trên đá : Thơ / Hồ Chư. - Hà Nội : Văn hoá dân tộc, 1999. - 98tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.85(92) H401T
Số ĐKCB: DC.000056

1151 Mùa xuân Tây nguyên : Truyện / Trung Đông. - Hà Nội : Quân đội nhân dân, 1979. - 147tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.85(92) M501X
Số ĐKCB: DC.000418, DC.000419, DC.000420

1152 Vùng đất sôi động / Nguyễn Trần Thiết. - Hà Nội : Quân đội nhân dân, 1985. - 93tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.85(92) V513Đ
Số ĐKCB: DC.000414, DC.000415, DC.000416, DC.000417

1153 Em hái mùa xuân : Thơ / Hữu Chỉnh. - Dak Lak : Hội Văn học nghệ thuật, 1993. - 98tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.85(92) E-202H
Số ĐKCB: DC.000389, DC.000390

1154 Đất lên màu. - Dak Lak : Ty Văn hoá và Thông tin, 1977. - 66tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.85(92) Đ124L
Số ĐKCB: DC.000326, DC.000327, DC.000328, DC.000329, DC.000330

1155 Gương mặt Cao nguyên : Thơ. - Dak Lak : Hội Văn học Nghệ thuật và Sở VHTT, 1991. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.85(92) G259M
Số ĐKCB: DC.000029, DC.000030, DC.000031, DC.000032, DC.000309

1156 Em ở Tây Nguyên : Thơ / Nguyễn Đức Thư. - Dak Lak : Sở Lao động Thương binh và xã hội,
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.85(92) E-202Ơ
Số ĐKCB: DC.000027, DC.000028

1157 Mưa gió Ayray : Tập thơ / Văn Thảnh. - Dak Lak : Hội Văn học nghệ thuật, 1999. - 99tr. ;
Tóm tắt:

Số ĐKCB: DC.000020, DC.000021, DC.000022, DC.000023, DC.000024, DC.000025, DC.000026

1158 Vịn vào câu hát : Thơ / Hữu Chỉnh. - Dak Lak : Hội văn học nghệ thuật, 1997. - 106tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.85(92) V311V
Số ĐKCB: DC.000017, DC.000018, DC.000019

1159 Quê hương : Thơ / Đoàn Huy Hà. - Dak Lak : Hội văn học nghệ thuật, 1997. - 122tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.85(92) QU-250H
Số ĐKCB: DC.000014

1160 Trước ô cửa nhà dài : Thơ / Phạm Doanh, Văn Thảnh. - Daklak : Hội Văn học nghệ thuật,
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.85(92) TR557Ô
Số ĐKCB: DC.000013

1161 Hương hoa Dak Lak : Đại hội thi đua yêu nước tỉnh Dak Lak lần thứ VII (1996-2000). - Dak Lak : Hội đồng thi đua khen thưởng tỉnh và Báo Dak Lak, 2000. - 111tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: DC.000007, DC.000008, DC.000009, DC.000010, DC.000011, DC.000012

1162 Bên dòng EaBúk : Truyện ngắn / Trương Công Đảng. - Daklak : Hội Văn học nghệ thuật,
Tóm tắt:

Số ĐKCB: DC.000001, DC.000002, DC.000003, DC.000004, DC.000005, DC.000006

1163 Mùa thu ai gọi tên em : Thơ / Đinh Hữu Trường. - Dak Lak : Hội Văn học nghệ thuật, 1993. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.85(92) M501T
Số ĐKCB: DC.000372, DC.000373, DC.000374

1164 Thơ Daklak. - Dak Lak : Hội Văn học nghệ thuật, 1995. - 161tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.85(92) TH460D
Số ĐKCB: DC.000403, DC.000404

1165 Lời ru từ cánh rừng : Thơ chọn lọc của các tác giả tham gia trại viết Daklak 1982. - Dak Lak : Sở VHTT, 1982. - 47tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.85(92) L452R
Số ĐKCB: DC.000410, DC.000411, DC.000412, DC.000413

1166 Tiếng hát giữa rừng xanh : Tập thơ của các chiến sĩ cách mạng sáng tác trong nhà lao Buôn Ma Thuột trước cách mạng tháng tám. - Dak Lak : Ty Văn hoá và Thông tin, 1981. - 64tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.85(92) T306H
Số ĐKCB: DC.000406, DC.000407, DC.000408, DC.000409

1167 Giọt phù sa : Thơ / Lê Thái Bảo. - Dak Lak : Hội văn học nghệ thuật, 1995. - 63tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.85(92) GI-453PH
Số ĐKCB: DC.000405

1168 Đi trọn tuổi xanh : Hồi ký / Yblok Eban. - Dak Lak : Hội cựu chiến binh tỉnh xb', 1994. - 136tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.85(92) Đ300T
Số ĐKCB: DC.000457, DC.000458

1169 Đất gọi mùa : Thơ. - Dak Lak : Sở VHTT, 1984. - 91tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.85(92) Đ124G
Số ĐKCB: DC.000037, DC.000038, DC.000039, DC.000040, DC.000041

1170 Trường Sa thân yêu : Thơ. - Dak Lak : Sở VHTT, 1988. - 26tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.85(92) TR561S
Số ĐKCB: DC.000046, DC.000047, DC.000048, DC.000049, DC.000050

1171 Tình quê : Nhật ký - Thơ / Hà Duẩn. - Dak Lak : Sở lao động thương binh và xã hội, 1992. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.85(92) T312Q
Số ĐKCB: DC.000053

1172 Thơ chọn. - Dak Lak : Trung tâm văn hoá tỉnh, 2000. - 125tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.85(92) TH460C
Số ĐKCB: DC.000055

1173 Một mùa mưa : Tiểu thuyết / Đào Vũ. - Dak Lak : Sở VHTT, 1986. - 551tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.85(92) M458M
Số ĐKCB: DC.000076, DC.000077, DC.000078, DC.000079, DC.000080

1174 Nhịp điệu cao nguyên : Ca khúc / Mạnh Trí. - Dak lak : Hội văn học nghệ thuật, 1994. - 48tr. ;
Tóm tắt:

Số ĐKCB: DC.000275, DC.000276, DC.000277, DC.000278, DC.000502, DC.000503

1175 Thông tin nội bộ tháng 7-1995. - Dak Lak : Ban tuyên giáo Tỉnh uỷ, 1995. - 40tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.217 TH455T

Số ĐKCB: DC.000286, DC.000287, DC.000288, DC.000289, DC.000290

1176 Thông tin nội bộ (tháng 10-1994) : Tài liệu phục vụ sinh hoạt chi bộ. - Dak Lak : Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ, 1994. - 32tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.217 TH455T

Số ĐKCB: DC.000291

1177 Văn nghệ Daklak : Tạp chí sáng tác, sưu tầm, nghiên cứu văn học nghệ thuật. - Dak Lak : Sở VHTT, 1988. - 84tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.89 V115N

Số ĐKCB: DC.000298, DC.000299, DC.000300, DC.000301

1178 Xuân Drai - Hling / Hồ Mậu Đường. - Dak Lak : Sở VHTT, 1985. - 188tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.8 X502D

Số ĐKCB: DC.000315, DC.000316, DC.000317, DC.000318, DC.000319

1179 Đề cương báo cáo chính trị của Ban chấp hành Đảng bộ Đảng cộng sản Việt Nam Tỉnh Daklak tại Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ VIII. - Daklak : Phụ trương báo Daklak số 144, 1979. - 30tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.211 Đ250C

Số ĐKCB: DC.000320

1180 Tiếng chim tre vét : Tập truyện ký. - Hà Nội : Quân đội nhân dân, 2003. - 288tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.85(92) T306C

Số ĐKCB: DC.000570, DC.000571, DC.000572, DC.000573, DC.000574

1181 Đi tìm hồn chiêng : Ký / H'Linh Niê. - Hà Nội : Quân đội nhân dân, 2003. - 208tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.85(92) Đ300T

Số ĐKCB: DC.000565, DC.000566, DC.000567, DC.000568, DC.000569

1182 Nước mắt đàn ông : Tập truyện / Văn Thảnh. - Hà Nội : Văn học, 2003. - 205tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.85(92) N557M

Số ĐKCB: DC.000560, DC.000561, DC.000562, DC.000563, DC.000564

1183 Mùa bỏ mả : Truyện ngắn / Đỗ Trọng Phụng. - Hà Nội : Quân đội nhân dân, 2003. - 112tr. ;

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.85(92) M501B

Số ĐKCB: DC.000535, DC.000536, DC.000537, DC.000538, DC.000539

1184 Nguồn cội lênh đênh : Truyện ngắn / Nguyên Hương. - Hải phòng : Nxb. Hải phòng, 2003. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.85(92) NG517C
Số ĐKCB: DC.000530, DC.000531, DC.000532, DC.000533, DC.000534

1185 Gió chỉ thổi từng giọt : Thơ / Văn Tao. - Dak Lak : Hội văn học nghệ thuật, 1998. - 61tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.85(92) GI-400CH
Số ĐKCB: DC.000540, DC.000541, DC.000542, DC.000543, DC.000544

1186 Làng ơi : Truyện ngắn / Khôi Nguyên. - Dak Lak : Hội văn học nghệ thuật, 1998. - 96tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.85(92) L106Ơ
Số ĐKCB: DC.000525, DC.000526, DC.000527, DC.000528, DC.000529

1187 Krông Ana không đổi dòng : Trường ca / Nguyễn Hoàng Thu. - Hà Nội : Hội nhà văn, 2001. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.81 KR455A
Số ĐKCB: DC.000545, DC.000546, DC.000547, DC.000548, DC.000549

1188 Ba anh em : Tiểu thuyết / Y Điêng. - Hà Nội : Văn hoá dân tộc, 1996. - 258tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐC.8 B100A
Số ĐKCB: DC.000399, DC.000400